

I THÁNG 7 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ Ạ I

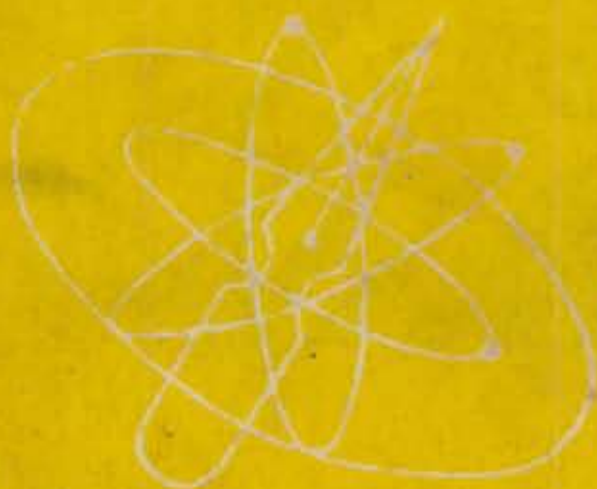
năm mười ba

VIỆT PHƯƠNG đại hội các đảng Cộng - sản thế
giới * PHẠM VIỆT CHÂU thăm Việt trên vùng định
mệnh : Miến-Điện đấu tranh về chính trị và chủ
quyền kinh tế * VÕ QUANG YẾN chiếc dù nhảy *
NGUYỄN DỨC SƠN Yā Hạc * THẾ NHÂN điện-ảnh
Việt-nam ngày nay (thuật theo Ô. ĐỖ TIẾN ĐỨC) *
LÝ CHÁNH TRUNG ý thức tôn giáo và ý thức dân
tộc : giữa Trời và Đất * TRẦN DOÃN NHO bay
cao * ĐẶNG TẤN TỚI thanh xuân * HẠ ĐÌNH
THAO khúc Nguyễn Nho Nhưn * UYÊN HÀ hoàng
hôn của một người * TƯỜNG LINH nói với Luân
Hoán * TRẦN HOÀI THƯ sông sâu cũng
lội * THỦY TRIỀU thư cho học trò *
PHAN PHỤNG THẠCH lưu

bút mùa hạ 69 * TRĂNG
THIÊN thời sự văn nghệ *

300

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 289 ĐẾN 300



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe* : — L-LYSINE
— VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
— PANTOTHENATE DE CALCIUM
— GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**

B Á C H

K H O A

THỜI - ĐẠI

Số 300 ngày 1 - 7 - 1969

VIỆT PHƯƠNG đại-hội các đảng Cộng sản thế giới	5
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Miền-Điện đấu tranh giành độc-lập về chính trị và chủ quyền kinh-tế	11
VÕ QUANG YẾN chiếc dù nhảy	17
NGUYỄN ĐỨC SƠN Yā Hạc	21
THỂ NHÂN điện ảnh Việt-nam ngày nay (thuật theo bản thuyết trình của nhà văn ĐỖ TIẾN ĐỨC, Giám-Đốc Nha Điện-ảnh)	25
TRẦN DOÃN NHO bay cao (truyện)	33
ĐẶNG TẤN TỚI thanh xuân (thơ)	41
HẠ ĐÌNH THAO khúc Nguyễn Nho Nhươn (thơ)	42
UYÊN HÀ hoàng hôn của một người (thơ)	42
TƯỜNG LINH nói với Luân-Hoán (thơ)	43
TRẦN HOÀI THƯ sông sâu cũng lội ((truyện)	45
THỦY TRIỀU thư cho học trò (đoản văn)	53
PHAN PHỤNG THẠCH lưu bút mùa hạ 69 (thơ)	55
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	59
LÝ CHÁNH TRUNG ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc : giữa Trời và Đất	65
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 289 ĐẾN 300	73

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Úc-viên thi-thoại** của Đông Hồ do tác-giả tuyển chọn và đóng thành tập 2 hôm trước ngày đi vào cõi vĩnh viễn, Mộng Tuyết thất thiêu mọi thực hiện tưởng niệm, Mặc Lâm xuất bản và phát hành vào tuần thất thất của tác-giả, do nữ sĩ Mộng Tuyết gửi tặng. Sách dày 254 trang gồm 20 bài và Úc viên ký của Mộng Tuyết, tựa của Nguyễn hiến Lê, kèm theo chân dung và tiểu sử tác-giả. Bản đặc biệt.

— **Saigon năm xưa** của Vương Hồng Sển do nhà sách Khai Tri xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách in lần thứ hai, có sửa chữa những chỗ sai ở ấn bản trước đây 328 trang gồm 8 phần và phần phụ lục, từ « Nhắc lại cuộc Nam tiến » đến danh từ « Saigon », Saigon dưới các thời đại, vị trí của Saigon, Cổ tích, các nhân vật bản xứ, Hoa kiều, Pháp kiều .. hồi Tây mới qua. Giá 200đ.

— **Từ thơ mới đến thơ tự do** của Bằng Giang do Phù sa xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 2 phần : Đi vào thi ca và Từ thơ mới đến thơ tự do xác định nguồn gốc và vị trí thơ mới cũng như khuôn mặt thơ tự do và sự tiếp đón của người thưởng ngoạn. Bản đặc biệt.

— **Tình thơ Vương Đức Lệ** của Vương Đức Lệ do tác-giả xuất bản và gửi tặng. Tập thơ thứ 4 của nhà thơ đã cùng với Mũi Trưng Tinh được Giải Văn Chương toàn quốc 60-61, dày 120 trang, khổ 21x27 gồm trên 120 bài thơ, giá 300đ.

— **Quê hương rã rời** tập truyện của Nguyễn-quang-Tuyến do Thái-độ xuất

bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang, gồm 7 truyện ngắn, thuộc « Tủ sách Văn nghệ xám ». Bản đặc biệt. Giá bán thường 95đ.

— **Tuổi trắng tròn** tiểu-luận của Quyên Di, do Thăng Tiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm trên 20 bài tiểu-luận nói về tuổi mới lớn, « tuổi trắng tròn », và phụ lục « mấy vần thơ ». Giá 50đ.

— **Tình dục** tuyển tập tài liệu do Bác sĩ Willy và C Jamont thu thập, nguyên tác « La sexualité », bản dịch của Thế Uyên, Thái-độ xuất bản trong tủ sách xã-hội-mới và dịch giả gửi tặng. Sách dày 227 trang gồm tập 1 : Liên hệ tình dục và tập 2 : Sinh-lý-học về tình-dục với 15 bài của 11 tác-giả. Bản đặc biệt. Giá bán thường 195đ.

— **Nguyên tử hiện-sinh và hư-vô** (Quyển thượng) của Nghiêm Xuân Hồng do Hoàng Đông Phương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 195 trang gồm nhiều phần từ « Sự ám ảnh của Tuyệt đối trong diễn trình tư-tưởng » đến « Kết luận về ý nghĩa của tồn thể, hư vô, hiện-sinh. » Giá 140đ.

— **Intro duction à l'art ancien du Vietnam** của Trần văn Tốt, trích ở Bulletin de la Société des Etudes Indochinoise (đệ nhất tam-cá-nguyệt 1969) do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 100 trang, sưu tầm biên khảo công phu với rất nhiều hình ảnh.

— **Sartre và Heidegger trên thảm xanh**, khảo luận của Tam-Ích do Hồng-Đức xuất bản và gửi tặng. Sách dày 304 trang gồm 8 bài : Gốc « hiện-sinh » Hiện tượng luận ; Sartre và Heidegger trên thảm xanh ; Heidegger ông là ai ? Phỏng vấn Karl Jaspers v.v.. Bản đặc biệt. Giá bán thường, 190đ.

Đại-hội các đảng Cộng-sản thế-giới ở Mạc-tư-khoa

Ngày 5-6-1969, tại Mạc-tư-khoa, một Đại-hội các đảng Cộng-sản trên thế-giới đã long trọng khai mạc ở điện Căm-ling với sự tham dự của 79 đảng (77 đảng nếu kể thêm cả 2 đảng chỉ cử quan-sát-viên là Thụy-Điền và Cuba). Đảng Cộng sản Do-Thái không được mời dự Đại-hội.

Đây là Đại-hội lần thứ 3 kể từ khi Thế-chiến II kết liễu.

Đại-hội lần thứ nhất họp ở Mạc-tư-khoa vào tháng 11-1957 với sự tham dự của 64 đảng. Hồi đó Trung Cộng Nga sô còn đoàn kết với nhau. Mao đã đích thân đi dự hội nghị và tuyên bố chỉ có một mình Liên-xô là nước lãnh đạo khối xã-hội chủ-nghĩa.

Đại-hội lần thứ hai cũng họp ở Mạc-tư-Khoa vào tháng 11-1960, gồm 81 đảng có cả Trung-Cộng và Nam-tư. Hồi đó mâu thuẫn Nga-Hoa đã bột phát trầm trọng, các đại biểu Nga-sô và Trung-Cộng đấu khẩu nhau kịch liệt ở Hội-nghị. Nhưng rốt cuộc cũng đi đến một bản tuyên-ngôn chung, dung hòa lập-trường của hai bên.

Đại-hội lần thứ ba đã được dự liệu từ năm 1962, khi Khrouchev hãy còn nắm chính quyền. Khrouchev dự tính triệu tập các đảng Cộng-sản để công khai lên án chế-độ Mao-trạch-Đông và

củng cố vai trò lãnh đạo của Liên-xô. Nhưng trước sự dè dặt của các đảng Cộng-sản nhất là các đảng Á Châu không muốn đi sâu vào cuộc tranh chấp Nga-Hoa, dự tính của Khrouchev đã không đạt được và năm 1964 Khrouchev đành phải ốm hận ra đi. Các người thừa-kế của Khrouchev là Brejnev và Kossyguine lại tiếp tục đường lối của Khrouchev, mâu thuẫn Nga-Hoa, đã có lúc tưởng là có thể giải quyết được, lại càng thêm sâu sắc.

Đại-hội các đảng Cộng sản mà Khrouchev dự định triệu tập vào tháng 3-1965, đã không họp được. Để thay thế, chỉ có một hội nghị trừ bị gồm 19 đảng họp vào ngày tháng đó ở Mạc-tư-khoa. Hội-nghị trừ bị này đưa ra một khuyến cáo là muốn cho Đại-hội có thể triệu tập được, thì phải loại vấn-đề tố cáo Trung-Cộng ra khỏi nghị-trình.

Liên-tiếp trong 2 năm 1966 và 1967 cứ vào cuối năm, nhân dịp kỷ-niệm Cách mạng tháng 10 Nga, các lãnh tụ Sô-Viêt lại triệu tập một hội nghị trừ bị ở Mạc-tư-khoa. Các hội nghị này đều nhận xét về sự cần thiết phải triệu tập Đại-hội và những sự khó khăn sẽ gặp phải do sự chia rẽ trong phong-trào cộng sản quốc-tế. Muốn tiến tới Đại hội, việc chuẩn bị cần phải hết sức kỹ lưỡng và thận trọng.

Năm 1968 lại là một năm xây ra nhiều biến cố: Nga-sô và khối Varsovie

võ trang can thiệp vào Tiệp-khắc gây phân nộ và chia rẽ trong nhiều đảng Cộng-sản. Cuộc tranh chấp biên-giới Nga-Hoa đào sâu thêm mâu thuẫn giữa 2 nước không lồ Cộng sản.

Những biến-cố đó khiến cho việc triệu tập một Đại-hội Cộng sản là rất cần thiết, nhưng hy vọng lại rất mong manh.

Các lãnh tụ Cộng-sản Nga trong việc sửa soạn cho Đại-hội này đã tỏ ra hết sức nhẫn nại và kiên quyết.

Trong năm 1968 liên tiếp 5 hội-nghị trụ bị được triệu tập ở thủ-đô Hung-gia-lợi Budapest.

— Lần thứ 1 vào tháng 3-68, gồm đại biểu của 65 đảng.

— Lần thứ 2 vào tháng 4-68, gồm đại biểu của 54 đảng.

— Lần thứ 3 vào tháng 6-68, gồm đại biểu của 39 đảng.

— Lần thứ 4 vào tháng 9-68 gồm đại biểu của 58 đảng.

— Lần thứ 5 vào tháng 11-68 gồm đại biểu của 67 đảng.

Đại-biểu Lỗ chỉ có mặt trong phiên họp đầu và vắng mặt trong các phiên họp sau. Trung-Cộng không những vắng mặt mà lại còn đe dọa: « Đại hội các đảng Cộng sản được triệu tập sẽ là mồ chôn bọn xét lại hiện-đại ». Bước sang năm 1969, Hội-nghị trụ bị họp 3 phiên ở Moscou chứ không phải ở Budapest nữa.

Lần thứ 1, hội nghị họp vào tháng 2-1969 để nghiên cứu thảo ra dự-án tài-liệu căn-bản (document de base) sẽ được đưa ra để cho Đại-hội thông qua.

Lần thứ 2, hội nghị họp vào ngày 17-

3-1969 để quyết định triệu tập Đại-hội vào ngày 5-6-1969.

Lần thứ 3 hội nghị họp từ 23 đến 30-5-69 gồm đại biểu của 70 đảng đề thông qua tài-liệu căn-bản sẽ đưa ra trình trước Đại-hội. Đại biểu của 2 đảng Cộng sản Lỗ và Ý cũng đưa ra một bản phản đề-nghị đòi tu-chính một vài điểm trong tài-liệu căn-bản.

Trong các hội-nghị trụ-bị này, đề đánh tan thắc mắc của các đảng Cộng sản không muốn đem vấn đề tranh chấp Nga Hoa ra trước Đại-hội, Cộng đảng Nga hình như đã cam kết không đi động đến Trung Cộng, nhưng đồng thời các đảng Cộng sản khác cũng không được đưa vấn đề Tiệp Khắc ra để tố Nga. Tóm lại, theo thỏa thuận chung thì đại-biểu đảng nào cũng chỉ được nói trong phạm vi của đảng đó mà thôi, không được can thiệp vào công việc nội bộ của các đảng khác.

Không có điều thỏa thuận đó thì có lẽ Đại hội các đảng Cộng Sản khó lòng có thể họp được vào ngày giờ đã định.

Sở dĩ có sự dè dặt đó là vì 2 lý do

1) Các đảng Cộng sản không muốn cho Đại hội biến thành một diễn đàn đề cho Cộng đảng Nga và một số đảng theo đuôi tổ cáo Trung Cộng, làm cho mâu thuẫn trong nội bộ Cộng sản quốc tế càng sâu rộng thêm mãi. Vì thế có một số đại biểu đã chủ trương chỉ nên họp Đại hội khi nào mâu-thuẫn Nga-Hoa đã được giải quyết trên căn bản. Nếu không thì họp cũng sẽ không có ích lợi gì.

2) Các đảng Cộng sản Đông-Âu không tán thành thuyết chủ quyền hạn chế cho Brejnev đề ra. Theo thuyết này thì bất cứ một nước xã hội chủ-nghĩa

nào cũng có quyền can thiệp vào công việc của một nước xã-hội chủ-nghĩa khác nếu nước đó theo một đường lối có hại cho đường lối chung của phe xã-hội chủ-nghĩa. (C.S.).

Mỗi nước xã hội chủ nghĩa đều có chủ quyền trên phạm vi lãnh thổ của mình. Nhưng chủ quyền đó không có tính cách tuyệt đối và mỗi nước xã hội chủ-nghĩa đều không có quyền hành sử chủ quyền đó trái với mục tiêu chung của khối, Brejnev đưa ra thuyết đó là để cốt biện minh cho việc Liên xô cùng các nước trong khối Varsovie võ trang can thiệp vào Tiệp-khắc để buộc nước này phải thay đổi chính sách tự-do-hóa có hại cho sự phát triển của các nước Cộng sản. Thuyết này chỉ có lợi cho Liên-xô vì chỉ có Liên-xô mới có khả năng can thiệp vào công việc của các nước Cộng sản khác. Còn các nước Cộng sản khác nhỏ yếu làm sao can thiệp được vào công việc của Liên-xô. Vì thế cho nên thuyết này đã bị Cộng sản Lỗ đã kịch liệt. Lỗ cho rằng thuyết chủ quyền hạn chế trái với tinh thần của chủ nghĩa Mac-Lê vì chính Lénine đã từng chủ trương mỗi đảng Cộng sản phải được quyền tự quyết trong phạm vi nội bộ của mình. Không đảng nào, dù là đảng Liên-xô, có thể tự cho mình nhiệm vụ bảo vệ nền quốc tế vô sản để rồi lại chà đạp lên những giá trị của Lénine. Đó là chủ trương bình đẳng giữa các đảng Cộng sản. Chủ trương này cũng được các đảng Cộng sản Nam-tur và Ý tán thành.

Riêng Trung Cộng thì lại nói toẹt ra rằng thuyết chủ quyền hạn chế là thuyết của bọn đế-quốc đội lốt xã-hội chủ-nghĩa dùng làm bình phong để che đậy mưu toan chinh phục các nước xã-hội chủ-nghĩa khác, tái lập chế độ thuộc địa kiểu mới dưới quyền thống trị của bọn Tân Nga-hoàng. Những lời tố cáo tàn nhẫn đó

làm cho các lãnh tụ Cộng sản Nga nhiều khi cũng phải cắn gan tím ruột.

Mặc dầu những khó khăn gặp phải, Đại hội các đảng Cộng sản đã khai mạc đúng ngày đúng tháng, mặc dầu sự dè dặt của một số lớn đảng, mặc dầu Bắc Kinh đã không ngừng phá rối. Trong những ngày trước khi hội-nghị khai-mạc, Trung Cộng lại ngầm gây ra những vụ rắc rối biên giới ở khu vực Tân Cương để kịch liệt lên án Nga-sô là xâm-lăng, đế-quốc.

Có lẽ vì không đủ kiên nhẫn để chịu đựng những lời thóa mạ của Bắc Kinh, nên hai ngày trước khi đại hội khai mạc, đại Mạc-tư-Khoa đã mạnh mẽ lên án Trung Cộng và tiết lộ rằng Đại hội lần này có mục đích lập một mặt trận chung chống lại Trung Cộng. Tiết lộ đó ăn khớp với những diễn biến sau này của Đại hội đã chứng tỏ rằng các lãnh tụ Sô-viết đã định ý tâm từ trước thế nào cũng đưa vấn đề Trung Cộng ra trước Đại-hội. Nhưng vì sợ phản ứng của các đảng khác nên đã phải hứa hẹn cho xuôi. Thực ra thì bên trong đã có bố trí sẵn sàng.

Thành phần tham dự Đại-hội.— Như trên đã nói, Đại hội họp đúng ngày 5-6-69 với sự tham dự của hơn 300 lãnh tụ thuộc 75 đảng Cộng sản và 2 đảng quan sát. Kết quả có vẻ tốt đẹp ngoài sự mong ước của các lãnh tụ điện Cẩm-linh.

Thực ra, nhìn kỹ vào thành phần tham dự ta thấy gần như thiếu hẳn các đảng Cộng-sản thuộc khu vực Á-Đông và Đông-Nam-Á (trừ Ngoại Mông)

Tất cả những đảng Cộng sản thân Bắc-Kinh (5 đảng) đều tẩy chay Đại hội.

Tất cả những đảng Công sản Trung lập giữa Bắc Kinh và Mạc - tư - Khoa thuộc khu vực Á Châu đều không tham dự Đại hội (Trong số đó có Bắc Việt và Bắc Hàn)

Trong những đảng không tham dự Đại hội (17 đảng) có 13 đảng thuộc khu vực Á Châu.

Trong số các đảng không tham dự Đại hội, có 5 đảng có thành tích tranh đấu lớn lao : Đó là Trung- Cộng, Bắc-Việt, Bắc-Hàn, Nam-tư và Albanie Cuba chỉ tham dự với tư cách quan-sát viên.

Trong số 75 đảng tham dự Đại hội, ta có thể phân biệt như sau :

— Các đảng hoàn toàn thân Nga (dù là đảng nắm chánh quyền hay bất hợp pháp hay ở cương vị đối lập chính quyền) : 40 đảng

— Các đảng Trung lập giữa Nga Hoa thuộc khu vực Âu Châu, Phi Châu và Mỹ Châu trừ Nam-tư : 7 đảng.

Trong số 30 đảng nội bộ chia rẽ làm 2 phe thân Nga, thân Tàu, có 28 đảng tham dự Đại hội (trong số đó có Ấn-Độ, Ý, Uc, Bỉ) ! Nói chung phe thân Nga vẫn thắng thế và đông đảo hơn. Đảng Công sản Tiệp từ cương vị chống Nga (với Dubcek) bước sang cương vị thân Nga (với Husak làm Tổng-bí-thư thay Dubcek).

Trong số 94 đảng Công sản trên thế giới, có 40 đảng thân Nga và 28 đảng mà phe thân Nga thắng thế. Đại-hội gồm 75 đảng cũng đã là một thắng lợi lớn của phe Nga.

Tuy nhiên với thành phần đó, Đại-hội đã không thể có được những quyết định gì liên quan đến khu vực Á-Châu vì phần lớn các đảng Công sản Á-Châu đều vắng mặt.

Khung cảnh Đại-hội.—Đại-hội các đảng

Cộng sản đã khai mạc trong một khung cảnh huy hoàng lộng lẫy. Nơi họp là một căn phòng đồ sộ, phòng Saint George thuộc điện cảm linh, có những chùm đèn pha lê rủ từ trên trên nhà khum khum cao vút, có những bức tượng toàn bằng đá cẩm thạch với 4 cửa nam vàng, có những cột lớn cũng bằng đá cẩm thạch trên có khắc tên tuổi các liệt sĩ đã hy-sinh vì nước dưới thời-đại Nga hoàng. Ngoài hành lang, lối cửa vào, có một bức chân dung Lénine vĩ đại và cũng chỉ có bức chân dung đó là biểu tượng cho cách mạng mà thôi, còn thì toàn là di tích phong kiến. Một chiếc bàn rất lớn đặt giữa phòng dành cho các đại biểu.

Diễn biến của Đại-hội.— Đại-hội kéo dài 12 ngày và đã bế mạc hôm 17-6. Các đại biểu thay phiên nhau lên diễn-đàn đọc tham-luận.

Bài diễn-văn khai mạc của Brejnev kêu gọi sự thống nhất giữa các đảng Công sản và công nhân trên thế giới dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác Lê và đường lối quốc tế vô sản, Brejnev hoàn toàn không đả động gì tới cuộc tranh chấp Nga-Hoa.

Đại-biểu Công sản Uruguay đã khai hỏa đầu tiên, lên án Trung Cộng.

Kể đó, mặc dầu có lời cảnh cáo của đảng Công-sản Lô, đòi nghiêm chỉnh thi hành nguyên-tắc không diễn-giả nào được đề cập đến vấn-đề thuộc các đảng Công-sản khác không phải là đảng Công sản do mình đại diện, mặc dầu vậy, đại biểu các đảng Công sản Pháp, Ba-Lan, Liên-xô, Đông-Đức, Mông-Cô lần lượt lên diễn đàn kịch liệt tố cáo Trung Cộng là tiếp tay cho đế-quốc, phá hoại phong trào Công sản quốc-tế.

Ta nhận thấy ngay thái độ khôn khéo

của Cộng-sản Nga đã tránh tiếng đề cho các đảng khác công-kích trước rồi mình mới đả-kích sau. Bài diễn văn của Brejnev dài tới 72 trang đánh máy phải đọc trong 2 giờ 20 phút mới hết. Riêng vấn-đề Trung-Cộng đã chiếm mất 10 trang. Brejnev đã lên án Mao-Trạch-Đông là hiếu chiến và cấu kết với đế-quốc Tuy vậy lời lẽ của Brejnev không đến nổi gay gắt, và bài diễn-văn chấm dứt bằng một lời kêu gọi đoàn kết

Đả-kích Trung-Cộng ác liệt nhất là đại-biểu đảng Cộng-sản ngoại Mong-Cồ T.S. edenbal. Ông T.Sedenbal đã tố cáo Trung Cộng có ý muốn thôn tính Mông-Cồ vào năm 1964. Mao-trạch-Đông đã tiết-lộ ý-định này với các nhà báo Nhật đến phỏng vấn ông vào năm 1964. Ông tố cáo như vậy là để tỏ ra rằng chính Trung-Cộng mới có âm mưu đế-quốc chứ không phải Nga-sô.

Sau đó còn nhiều đảng Cộng-sản khác cũng theo đuôi lên tố cáo Trung-Cộng:

Đảng Cộng-sản Lỗ ngay từ phiên đầu đã phải ra một bản tuyên-ngôn dọa là nếu cứ tiếp tục tố Trung-Cộng thì đoàn đại biểu Lỗ sẽ rút ra khỏi Đại-hội.

Bản tuyên-ngôn của Lỗ cũng không làm cho các đảng thân Nga chùn bước. Rút cuộc, đảng Cộng sản Lỗ đã phải chịu thua, lãnh tụ Cộng sản Lỗ là Ceausescu, chiều 9-6 đã lên diễn đàn, đọc một bài diễn-văn dài 44 trang tỏ ý thất vọng vì thái-độ chống Trung-Cộng của nhiều đoàn đại-biểu và kêu gọi Đại-hội tìm ra một biện-pháp hòa giải giữa hai nước khổng lồ Nga-sô và Trung-Cộng

Vì có một số đảng Cộng sản khai hỏa tố cáo Trung-Cộng nên đảng Cộng-sản Úc cũng lên tiếng tố lại đòi thảo-luận

vấn-đề Nga-sô xâm lăng Tiệp-khắc nếu còn tố cáo Trung Cộng.

Thái độ của Cộng-sản Úc được nhiều đảng Cộng-sản khác ủng hộ như là Cộng-sản Ý, Cộng-sản Na-Uy Cả đảng Cộng-sản Pháp, tuy tố cáo Trung-Cộng, nhưng cũng lên án Nga-sô xâm lăng Tiệp-khắc. Nói chung các đảng Cộng-ản Tây Âu đều có thái-độ chống đối Nga-sô về vấn-đề Tiệp-khắc.

Tóm lại trong hơn 10 ngày làm việc, người ta nhận thấy rõ một bầu không khí chia rẽ sâu xa trong hội-nghị. Các đại-biểu lên diễn đàn tố nhau tưng bừng. Những nguyên tắc đề ra tại các hội-nghị trừ bị đều bị chà đạp.

Cả hội nghị chỉ đoàn-kết nhất trí ở một điểm khi ký bản tuyên ngôn ủng hộ Cộng sản Việt-nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Bản tuyên ngôn lên án Do-Thái xâm lược Ai-Cập đã bị chính đảng Cộng sản Do-Thái lên tiếng bác bỏ. Đảng Cộng-sản Do-Thái không được mời tham dự Hội-nghị.

Ngoài ra văn-kiện căn-bản do Hội-nghị trừ bị soạn thảo ra là một tài-liệu dài 42 trang gồm 24 phần đã được Đại-hội tu chỉnh 70 điểm trong số đó có 30 điểm được Đại-hội chấp thuận. Văn-kiện sau khi được hoàn tất đã đưa ra đề cho các đại-biểu ký. Nhưng ít nhất là có 9 đoàn đại-biểu không chịu ký — Văn-kiện căn-bản sau đó sẽ được gửi cho tất cả các đảng Cộng-sản kể cả những đảng không tham dự.

Về nội dung, Đại-hội đã đả-kích Tây-Đức, Pháp, Anh và Ý là đế-quốc nhưng đã không có những lời lẽ nặng nề đối với Hoa-kỳ ngoài việc ủng hộ phong trào tranh đấu của người da đen ở Mỹ. Tài-liệu đó cũng không đả-kích

Trung Cộng như là tại hội-nghị các đại biểu đã từng đả-kích. Trái lại tài-liệu còn đòi cho Trung-Cộng được gia nhập Liên-Hiệp Quốc và đòi giải phóng Đài-Loan. Về chiến tranh Việt-nam, tài liệu ghi nhận sự ủng hộ của phong trào Cộng sản quốc tế đối với cuộc « chiến tranh chống đế-quốc Mỹ » mà đảng Cộng-sản Việt-nam lãnh đạo.

Tóm lại, tài liệu căn bản đã có một lập trường khá dung-hòa, tránh né cả Hoa-kỳ lẫn Trung-Cộng : một mặt muốn thực hiện sống chung hòa-bình với phe tư-bản, một mặt muốn hòa hoãn với Trung-Cộng.

Cuối cùng khi Đại-hội bế-mạc, một bản Thông-cáo đã được công bố. Bản Thông-cáo này không che dấu nổi những mâu-thuẫn sâu-xa trong khối Cộng-sản và sự thất-bại của Nga-sô trong mưu đồ thành lập một mặt trận chống đế-quốc nhưng thực ra là để đối phó với Trung-Cộng.

Bản Thông cáo cũng không nói rõ là có bao nhiêu đảng Cộng-sản đã không chịu ký kết vào văn-kiện căn bản.

Riêng về vấn-đề Việt-nam, bản Thông-cáo cho biết là Đại-hội đã kêu gọi thế-giới ủng hộ « Độc lập, Tự do và Hòa-bình » cho Việt-Nam, gửi lời chào mừng cái gọi là « Chính phủ cách mạng lâm-thời Cộng hòa Nam Việt-Nam » mà Cộng sản Việt-nam mới thành lập. Đại-hội cũng ủng hộ các nước Á-Rập chống Do-thái. Thông-cáo còn kêu gọi sự đoàn-kết giữa các đảng Cộng-sản trên nguyên tắc bình đẳng. Đại-hội tán thành những hội-nghị giữa các đảng Cộng-sản để thảo-luận những vấn-đề chung.

Như vậy là Đại-hội đã gián-tiếp khuyến Trung-Cộng và Nga-sô nên họp hội-nghị riêng với nhau để giải-quyết mâu-thuẫn giữa 2 bên, có hại cho phong trào Cộng-sản nói chung.

Cuối cùng Thông-cáo cho biết là Đại-hội đã quyết định triệu tập vào dịp kỷ-

niệm đệ bách chu niên sinh nhật Lénine (22-4-1970) một Đại-hội quốc-tế chống đế-quốc, gồm tất cả các đảng Cộng-sản kể cả những đảng Cộng-sản không tham dự hội-nghị Mạc-tư-Khoa và các đảng không Cộng-sản nhưng có xu hướng chống đế-quốc.

Một Ủy-ban chuẩn bị Đại hội đã được thành lập gồm 13 đảng sẽ lo liệu về vấn-đề này.

Thông-cáo kết luận là Đại hội đã diễn tiến « trong bầu không khí thẳng thắn, thân hữu, đoàn kết và trong nguyên-tắc bình đẳng giữa các đảng ».

Tiện thể chúng tôi cũng xin ghi lại tin sau đây để có tài-liệu so sánh. Giữa lúc Đại hội các đảng Cộng sản sắp bế mạc ở Mạc-tư-Khoa thì một Đại hội các đảng Xã-hội (thuộc Đệ-nhi quốc-tế) gồm có 51 đảng đã nhóm họp ở Anh cử sự tham dự của Thủ tướng Anh Harold Wilson và ngoại-trưởng Tây-Đức Will Brandt. Đại hội này lên án Nga-sô xâm lăng Tiệp-Khắc, tiên đoán là Đông-Âu sẽ nổi dậy chống lại sự lãnh đạo theo kiểu Staline ngày nay. Đại hội hô hào Do-thái và các nước Á-Rập giải quyết hòa-bình những tranh-chấp và tán thành các quân đội ngoại nhập ở Nam Việt-Nam đều đồng thời rút khỏi Nam Việt-Nam.

Những sự kiện trên chứng tỏ là giữa phong trào Cộng-sản quốc tế và phong trào Xã-hội quốc-tế có một sự cách-biệt lập trường rất sâu xa.

Ngay giữa những đảng Cộng-sản với nhau, sự cách biệt cũng mỗi ngày một lớn, hố chia rẽ giữa 2 phe Cộng sản hầu như khó bề lấp cho bằng được.

Trước sự chia rẽ của các phong trào khuynh tả ở trên Thế-giới, kẻ hưởng lợi trước tiên là Hoa-kỳ. Hoa-kỳ sẽ không ngần ngại gì để tìm đủ mọi cách đào sâu thêm mâu thuẫn giữa Cộng sản và Xã hội, giữa các đảng Cộng sản với nhau để chiếm phần ưu-thế trên bàn cờ thế-giới.

VIỆT PHƯƠNG

TRĂM VIẾT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

MIẾN-ĐIỆN

đấu tranh giành độc lập về chính trị và chủ-quyền kinh-tế

• Dù hiện nay bóng đen của cuộc tranh-chấp giữa các lực lượng tư ngoài vùng này tới đã che phủ lên toàn thể sân khấu chính-trị, người Miến chúng tôi vẫn tin rằng cuối cùng chỉ có lực-lượng của chính vùng này mới thắng và mới đóng vai trò quyết-định trong việc lựa chọn một hình thái cho Đông-Nam-Á mai sau mà chúng ta sẽ sống. Về phần chúng tôi, chúng tôi nhìn trước thấy một hình-thái Đông-Nam-Á trong đó mỗi quốc-gia sẽ tự do sinh-hoạt theo lối sống riêng của mình. Chúng tôi tin rằng một cộng đồng các quốc gia như vậy cũng có thể giúp mỗi nước sống trong hòa bình và thân hữu với lân bang. Nhưng tình-trạng đó sẽ không tự đến : Tất cả các quốc gia trong vùng phải hành động để đạt tới.

Ne Win (1968)

Trước 1886

Miến Điện nguyên là một vùng do nhiều nhóm dân từ phương Bắc tới định-cư trong những thời-khoảng khác nhau. Vì vậy lịch-sử Miến - Điện là chuyện tranh chấp ảnh hưởng không những giữa Miến với các lân-bang mà đồng thời còn là giữa các sắc dân trong đất Miến với nhau.

Những nỗ lực nhằm kết-hợp toàn vùng vào một mối đã tạo thành những cái mốc nổi bật trong diễn trình lập quốc. Trước Anh thuộc lịch-sử Miến

ghi nhận ba thời kỳ kết hợp do ba dòng vua khác nhau.

Thời kỳ thứ nhất là triều-đại Miến ở Pagan từ đầu thế kỷ II tới cuối thế kỷ 13. Triều-đại Pagan là thời hoàng-kim của Miến, trong đó dấu vết văn-minh Ấn-Độ còn tìm thấy rất rõ rệt, nhất là trong những kiến-trúc đồ nét của cố-đô Pagan. Triều-đại này chấm dứt vào năm 1287 vì sự tàn phá của quân Mông-cổ dưới thời Hốt-tất-Liệt (Kublai Khan).

Thời kỳ thứ hai là triều-đại Toungoo

vào thế-kỷ 16. Các vua nhà Toungoo đã đánh bại các tiểu-quốc Shan, Môn và buộc các bộ- tộc này phải chấp nhận quyền hành của triều-đình Miến. Miến-điện tuy thống nhất nhưng gần như suốt thế-kỷ vẫn luôn luôn nằm trong tình-trạng chiến-tranh giữa chính quyền trung-ương với các phần-tử ly-khai và với Vương-quốc láng giềng Ayuthia.

Thời kỳ thứ ba vào thế-kỷ 18 do dòng vua Miến Konpaungset hưng khởi đánh bại người Môn. Triều-đại mới này do Aung Zeya lập ra, đã chinh đông phạt tây nhiều phen, nhất là với các lực lượng Assam, Manipur và Siêm. Từ 1766 và 1770 quân Trung-hoa cũng đã bốn lần tràn sang Miến nhưng lần nào cũng bị thất bại.

Sang đầu thế kỷ 19, trong sự bành trướng thế-lực trên đất Arakan ở Tây-bộ Hạ-Miến, Miến đã va chạm với quân đội họ Anh ở Ấn-độ và kết-quả dẫn tới cuộc chiến-tranh Anh-Miến thứ nhất kéo dài trong hai năm. Vì thế yếu, người Miến phải ký hòa-ước Yandabo ngày 24-2-1826, theo đó, Miến chịu mất đất Arakan, Tenasserim và phải bồi thường (đau phí chiến tranh cho Anh.

Kế-hoạch mà người Anh áp-dụng trong việc đánh chiếm Miến-điện cũng giống như kế-hoạch của Pháp trong công cuộc xâm lăng Đông-Dương : — Chiếm cứ từng khu vực — Cùng cố nơi đã chiếm được — Rồi gây hấn để lấy cơ đánh chiếm khu vực khác.

Mục tiêu gần nhất của Anh là Pegu vì Pegu chen vào giữa hai hạt Arakan và Tenasserim mà Anh đã đoạt được. Dầu sao Anh cũng đã phải mất 25 năm

vừa đề củng cố các hạt trên, vừa đề (tạo cơ-hội thuận tiện). Cuối cùng, cơ-hội thuận tiện đã đến do một biến cố nhỏ xảy ra ở Hạ Miến. Hai viên thuyền-trưởng Anh đã vi-phạm luật-ệ Miến và bị Truong-hạt Pegu bắt giữ. Đề lam yên vụ này, triều-đình Miến đã cất chức viên trưởng hạt, nhưng chính-quyền Anh ở Ấn-độ vẫn thấy khó dễ đủ điều và sau hết đã đem quân tấn công Pegu. Pegu lọt vào tay Anh ngày 20-12-1852, và như thế là cũng ngày này toàn thể Hạ Miến bị đặt dưới sự cai trị của Anh.

Miến-Điện lúc đó chỉ còn miền Thượng xương xẩu. Tuy thế, tham vọng của Anh nào đã hòa mãn : Dưới mắt con buôn, Anh đã nhìn thấy ngay cần phải nắm trong tay toàn thể dòng sông Irrawaddy để tới Nam Trung-Hoa trong cuộc chạy đua kiếm thị-trường với Pháp và Mỹ. Anh đã ép triều-đình Miến ký thương-ước 1862 để thuyền bè Anh có thể sử dụng tự do sông Irrawaddy. Năm năm sau, nhân Thượng Miến có loạn, Anh lại tiến thêm bước nữa là đòi vua Miến bỏ các sắc thuế hàng hóa giao hoán giữa hai miền Thượng Hạ để thâu lợi nhiều hơn trong việc buôn bán với Trung-hoa.

Miến tự biết thế yếu của mình nên đã nhân nhin nhiều điều, song trước những hành-dòng quá đáng của Anh như việc trợ giúp người Karen ở Karenn nổi loạn đòi phân ly và việc lấn đất biên-giới ở vùng Manipur, Miến đã phản-ứng bằng cách giao-thiệp với Pháp để tìm sự giúp đỡ hầu gây thế lực, do đó bang giao Anh-Miến trở nên căng thẳng và đi dần đến chỗ bế tắc.

Khi ấy Pháp đang hành-quân mạnh

ở Bắc-việt và Anh đã thấy rõ nếu Pháp chiếm xong Đông-Dương thì tất sẽ nhảy vào Thượng Miến qua ngã biên-giới Miến-Lào ở kinh-độ Đông 101. Đồng thời, nhân đường thủy Irrawaddy gặp trở ngại, bọn thương gia Anh và Tàu ở Rangoon (thủ-đô Hạ-Miến) bị thiệt thòi cũng ráo riết thúc đẩy chính-phủ Anh can-thiệp mở đường.

Hai vấn-đề phải cấp bách giải-quyết ấy đã đưa Anh đến quyết-định đánh chiếm nốt Thượng Miến. Ngày 14-11-1885 Anh xuất-quân, ngày 28-11 cùng năm, kinh-thành Mandalay thất-thủ, vua Miến xin hàng. Sở dĩ Anh đã thắng nhanh chóng như vậy là nhờ tấn-công bất thần. Thượng Miến không hề tiên liệu sự việc xảy ra nên không có một chuẩn-bị tối thiểu nào để phòng ngự. Thế là kể từ 1-1-1886, Anh chính thức cai-trị toàn thể đất Miến.

Đấu-tranh giành độc-lập

Trước cuộc chiến-tranh cuối cùng giữa Anh và Miến, trong vùng Hạ-Miến do Anh cai trị, người Anh thường chỉ mong sao giữ yên mà không quan-tâm đến sự thay đổi nền hành-chánh cổ-truyền. Nhưng kể từ khi toàn thể Thượng Miến rơi vào tay Anh, người Anh phải thường trực đương đầu với các vụ nổi dậy ở khắp nơi, dù nhỏ nhưng không phải là không làm rầy kẻ thống trị (1). Do đó Anh bèn quyết định cải-tổ nền chính-trị cho dễ kiểm soát bằng cách tổ chức lại hệ-thống và cơ-quan công quyền rập khuôn theo mẫu thuộc-địa Ấn-độ, và đồng thời biến luôn đất Miến thành một tỉnh của Ấn.

Tuy nhiên, năm 1917, Anh hứa cho Ấn hưởng quy-chế tự-trị, nhưng tình

Miến của Ấn lại bị gạt ra ngoài sự cải-tổ quan-trọng này. Vụ 1917 đã gây sóng gió cho nhà cầm quyền Anh ở địa-phương với những sự chống đối mạnh mẽ của dân Miến; Và từ đó, mầm mống nổi dậy đấu-tranh chính-trị cũng bắt đầu. Sự chống đối của kẻ bị trị cũng đã có ảnh-hưởng lớn nên đến năm 1923 Anh đành hứa sẽ áp dụng quy-chế tự-trị đối với Miến như đã làm đối với Ấn.

Trước thời-kỳ 1917-1918, các hoạt-động chống đối chính-quyền thống trị được nhuộm màu sắc Phật giáo và thực sự cũng chưa thoát ra khỏi cái vỏ Phật-giáo (2). Đoàn thể đấu-tranh đòi hỏi sự tôn trọng giao-quyền, bảo-vệ giáo-sản và duy-trì giáo-chế được mệnh danh là Hội Thanh-niên Phật-tử (Young Men's Buddhist Association). Nhưng từ 1917, trong sự phấn nộ chung của quần chúng Miến trước chính sách bản công của Anh giữa Miến và Ấn, Hội Thanh-niên Phật-tử đã biến đổi mau chóng từ hình-thức tranh đấu tôn-giáo

(1) Sau khi vua Miến là Thibaw đầu hàng, phần lớn quân đội Miến không chịu buông khí giới và đã phân tán vào rừng núi đánh du-kích. Ngoài ra còn có 5 Hoàng-thân Miến, mỗi người chiêu binh tập mã chiếm giữ một vùng gây thành tình trạng loạn lạc khắp Thượng-Miến và về sau lan tràn cả xuống Hạ-Miến.

(2) Vì áp-dụng tổ-chức cai-trị kiểu Ấn nên mặc nhiên người Anh đã phủ-nhận Giáo-quê ở Miến. Thực ra Phật-giáo đã mặc nhiên được coi như quốc-giáo từ triều đại Pagan, thế-kỷ 11 và tập-đoàn lãnh-đạo tăng-già trong các thời vua Miến vẫn có quyền hành rất rộng rãi không riêng về việc Đạo mà còn về nhiều phạm-vi trong việc đời. Sau này khi đã độc lập Thủ-tướng U-Nu lại tái xác nhận Phật-giáo là quốc-giáo trong một tu-chính-án Hiến-pháp năm 1961.

sang tranh đấu chính-trị và cái tên là Tổng-hội Các Tập-Đoàn Miến-Điện (General Council Of Burmese Associations).

Cũng trong thời kỳ này, năm 1920, sinh-viên đã tổ-chức thành công một cuộc bãi khóa toàn quốc từ Tiểu-học tới Đại-học để chống đối chương-trình giáo dục có liên-quan đến một trường Đại-học mới. Cuộc bãi khóa vĩ-đại này đã đánh dấu bước đầu chặng đường tranh đấu của sinh-viên, mà chính-giới họ đã sản sinh ra những nhà lãnh-đạo lớn cho Miến sau này.

Song hành với sự đối kháng của Giáo-hội Phật-giáo và của sinh-viên học sinh, nông-dân Miến cũng đã nổi dậy vào cuối năm 1920 để đòi lại ruộng đất. Nguyên từ khi chiếm được Hạ Miến, Anh đã thấy ngay vùng này là nơi sản xuất lúa gạo lý-tưởng để cung cấp cho Ấn-độ và Âu-châu. Người Anh khuyến khích người Thượng-Miến di cư xuống và đồng thời còn mở rộng cửa đón cả người Tàu, người Ấn qua. Vào đầu thế-kỷ 20, có những thời-kỳ người Ấn sang làm ăn ở Miến đã đạt tới con số khủng-khếp là nửa triệu mỗi năm. Người Tàu và người Ấn với những kinh-nghiệm thương-mại đã sẵn có, bèn đua nhau bỏ tiền cho vay để thu lúa của nông-gia sau mỗi vụ mùa. Lão lẫn, họ trở nên những tay độc quyền phân phối và sản xuất lúa gạo. Sau Thế-chiến 1, phân nửa số đất trồng trọt ở Hạ-Miến lọt vào tay địa-chủ-không-trực-tiếp-cày-cấy mà hầu hết là ngoại-nhân. Trong sự khốn đốn cùng cực, nông dân Miến đã nghe theo tiếng gọi khởi nghĩa của Saya San một cách cuồng nhiệt và từ trung-tâm-điểm xuất phát ở Tharrawaddy, phong-trào này đã

lan rộng mau chóng ra khắp vùng trung-châu. Tuy nhiên, vì ô hợp kém tổ chức, nên dù phong-trào bột khởi mạnh mẽ vẫn bị tan rã trước sức phản công của lực lượng thống trị.

Sang thời Thế-chiến 2, quân Nhật đã tiến vào Hạ-Miến đầu năm 1942 và đã hạ thành Rangoon một cách dễ-dàng. Người Anh rút lên Thượng-Miến rồi sang Ấn. Tuy chiếm đóng Miến suốt bốn năm, nhưng Nhật chưa bao giờ kiểm soát hoàn toàn được đất này, phần vì phải chống đỡ những cuộc tấn công liên tiếp của Đồng Minh, phần vì phải nhượng bộ một ít quyền hành đối nội cho chính người Miến để thu phục nhân tâm.

Thế-chiến 2 đã tạo cơ-hội cho Miến đạt được những tiến-bộ rất đáng kể trên đường tự-điều-khiển. Về quân-sự, một đạo quân Miến đã được Nhật thành lập và võ-trang nhưng chính người Miến chỉ-huy. Tổ-hức quân-đội trẻ trung này — lúc đầu gọi là Quân-đội Độc-lập, đến cuối 42 đổi là Quân-đội Phòng-vệ — do Aung San, một trong số 30 chiến-sĩ cách-mạng được Nhật đào tạo ở hải-ngoại về, lãnh đạo.

Ngày 1-8-1943 Nhật cho phép những người quốc gia Miến công-bố Miến độc lập. Bác sĩ Ba Maw được ủy thác đứng ra lập chính phủ dưới sự giám hộ của Bộ Tư lệnh Nhật. Aung San đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Quốc phòng, còn quyền Tổng Tư-lệnh Quân-đội — khi đó đã được cải danh là Quân đội quốc gia — được trao cho tướng Ne Win.

Tuy tham gia chánh phủ thân Nhật, nhưng hầu hết các nhà lãnh đạo Miến cũng đã nhìn thấy rõ mưu đồ thống trị Đông Á của Nhật. Hơn nữa, trên khi

canh diễn-tiến chiến tranh, độc quyền hành hành của Nhật ở Thái-bình-Dương cũng đã chấm dứt. Các đảo chiến lược lần lượt rơi vào tay Mỹ và càng ngày người ta càng thấy vẩn ảnh đen tối bao trùm lên phía Nhật, Ý thức được điều đó, Aung San và các đồng chí của ông liền tìm cách thành lập các tổ chức chống Nhật bí mật ở khắp nơi với sự trợ giúp của Đồng Minh từ ngoài vào, đồng thời ông cũng cố giữ cho Quân-đội quốc-gia Miến không bị Bộ Tư-lệnh Nhật ở Miến trực tiếp chỉ huy.

Sau này các lực lượng chống Nhật trong quần chúng và gồm cả những nhân viên cao cấp của chánh phủ Ba Maw đã được thống nhất lại trong Liên-minh Nhân-dân Tự-do chống Phát-xít (Anti-Fascist People's Freedom League) Trong liên minh cũng có cả các phần tử Cộng sản ở những chức-vụ lãnh-đạo.

Đầu năm 1945 Đồng minh lần lượt chiếm lại gần hết đất Miến. Bác sĩ Ba Maw qua Nhật chạy sang Thái Lan để lại Aung San với tổ chức quân đội của ông nhằm làm lá bài mặc cả. Tuy nhiên sau khi Nhật đầu hàng, người Anh bèn trực khắc phủ nhận nền độc lập phối trí của Miến-đệ. Anh công bố bạch-thư ái cai trị Miến ít nhất trong vòng ba năm rồi sau đó sẽ cho hưởng chế-độ tự-tị.

Chánh sách mập mờ của Anh làm cho các nhà lãnh-đạo Miến thất-vọng Liên-

minh Nhân-dân Tự-do chống Phát-xít không chịu công tác với Thống đốc Anh là Dorman Smith trong việc tổ chức guồng máy cai trị theo hiến pháp 1935. Aung San lên tiếng đòi hỏi phải có bầu cử tức khắc để lập tân hiến-pháp và tiến tới chánh-phủ tự-trị ngay.

Smith đã cố gắng tìm một vài lãnh-tụ Miến chịu công tác để đẩy ra làm bình phong, nhưng tất cả những nhân vật được quần chúng ủng hộ đã cùng đứng về một phía và cũng quyết tâm chống lại sự trì hoãn tạo trả độc lập của Anh. Đã có lần Smith định bắt giam Aung San, nhưng Tư-lệnh Quân-đội Anh ở Miến là Briggs đã can thiệp kịp thời vì ông sợ dân chúng Miến sẽ nổi loạn.

Suốt năm 1946, biểu tình mít tinh, đình công bãi thị được liên tiếp tổ chức. làm cho tân thống đốc Hubert Rance phải thỏa hiệp với Aung San bằng cách nhường sáu trong số chín ghế của Ủy ban Hành pháp cho LMNDTDC PX trong đó chính Aung San làm Chủ tịch Ủy ban.

Tuy đạt được một thắng lợi lớn lao trước người Anh nhưng Liên minh lại vấp phải sự lúng túng nội bộ. Đó là vấn đề tranh chấp quyền hành của nhóm thiểu số Cộng-sản. Nguyên từ trước, khi tổ chức Liên minh, Aung San đã cố gắng làm tan loãng cá tính của các đoàn thể hội-viên trong tập hợp mới để nhằm

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

hoàn thành các mục tiêu chung của quốc gia. Nhưng nhóm Cộng sản thì lại tính chuyện khác: Họ luôn luôn lợi dụng tổ chức chung để mưu đạt những sù ý đồ riêng. Một mặt họ lãnh phần huấn luyện chánh-trị cho quân-đội để nhằm giữ thể chế đạo quân đội, một mặt họ nỗ lực tham-gia tổ-chức thợ thuyền để cầm đầu các nghiệp-đoàn. Khi Aung San lên làm Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp, lãnh tụ Cộng-sản và Than Tun thấy không được giao phó chức vụ gì quan trọng trong chánh-phủ, liền ra lệnh cho các nghiệp đoàn tổng đình công để phản đối.

Lúc ấy Aung San đang được quần chúng Miến tôn sùng như một vị anh hùng số 1 của quốc gia. Hành động chống đối đại dột của Đảng Cộng-sản đã là sai lầm lịch sử quan trọng, vì đã gặp phản ứng quyết liệt của Aung San — *Khai trừ tất cả các phần-tử Cộng-sản ra khỏi Liên-minh NDTDCPX, gạt bỏ ảnh-hưởng Cộng-sản khỏi Quân-đội và các nghiệp-đoàn* — và do đó sau này đảng Cộng sản đã bị lan dần ra khỏi sinh-hoạt chính-trị hợp-pháp của liên-hiệp Miến.

Kể từ khi nắm được Ủy-ban Hành-pháp, Aung San và các đồng-chí của ông tiến rất mau trong công cuộc đấu-tranh ôn hòa đòi độc-lập hoàn toàn cho xứ sở. Hiệp ước được ký kết giữa thủ-tướng Anh Attlee và Aung San ở Luân Đôn ngày 27-1-1947 là thành quả cuối cùng của cuộc vận-động liên tục của LMND TDCPX. Do hiệp-ước này, một cuộc bầu cử Quốc-hội Lập-hiến đã được thực

hiện vào tháng Tư, trong đó ứng viên của Liên-Minh chiếm gần hết tổng số ghế.

Mọi chuyện đang tiến triển tốt đẹp thì bỗng nhiên ngày 19-7-1947 Aung San và một số ủy viên khác trong Ủy-ban Hành-pháp bị ám sát. (1) U Nu (2) Phó Chủ-tịch Liên-Minh NDTDCPX, được chỉ định lên thay và ngay ngày hôm sau thành lập một Ủy-ban Hành-pháp mới, vẫn với thành phần không Cộng sản.

(Còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM-VIỆT-CHÂU

(1) Khi bị ám sát Aung San mới vừa 32 tuổi. Ngày nay cái tên Aung San đối với người Miến vẫn còn mang một uy lực làm cho người nói đến phải cúi đầu, cái chết của Aung San vẫn còn làm cho người nhắc lại phải rướm lệ. Năm 1947, đề tạo phong trào chống lại vụ gậy gọt của học-sinh Hoa-kiều ở Miến (trước ảnh hưởng cách-mạng văn hóa tại chính quốc), sinh-viên Miến đã không cần phải vận dẫn lý-thuyết cao sâu gì mà chỉ tung ra một đồn hềm ác là hồ hoán lên rằng bọn Tàu Đỏ đã phóng uế lên chân dung Aung San (không biết có thật không hay chỉ là bị đặt) thế là cả Kangoon đã ào ào đứng dậy nhào vào chiến dịch diệt Tàu một cách cuồng nhiệt. Nếu chính-quyền không ngăn chặn kịp thời thì hậu quả sẽ không biết đến đâu mà lường!

(2) Trong các tài liệu lịch sử U Nu còn có thể được gọi là Thakin Nu. Danh-hệ Thakin có nghĩa là chủ nhân được một nhóm Cách-mạng gia trẻ tuổi trước Thế chiến 2 tự đặt để biểu tượng quyết tìm lại mảnh đất nước và cũng đề nghị báo kể thống trị. Chữ Thakin được dịch từ tiếng Ấn Sakib ra, một danh từ người Ấn dùng để gọi người Âu một cách tôn kính. Còn chữ U trong ngôn ngữ Miến có nghĩa là Chủ. Bác được ghép luôn với tên chính để tỏ lòng ngưỡng mộ các bậc trưởng thượng

REGAST

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-lan

Chiếc dù nhảy

VÕ-QUANG-YẾN

Cách đây một nửa thế kỷ, khi chiếc dù nhảy mới bắt đầu được chế biến ra, người ta chỉ nghĩ dùng nó để cho phi công có cách rời máy bay lâm nạn. Mục đích độc nhất hồi đó của chiếc dù nhảy chỉ là để kìm hãm sức rơi của phi công. Nhưng trong vòng 50 năm, chiếc dù nhảy đã không ngừng phát triển và ngày nay nó đã thành một dụng cụ tối tân, di chuyển ngang dọc với những độ chính xác chưa từng thấy.

Hồi ban đầu, vì chỉ nhằm mục đích kìm hãm, người ta đã dùng những chiếc dù thật lớn, nóc tròn rộng đến 80 thước vuông, có 24 sợi giây phát xuất từ đỉnh nóc chạy xuống giữ con người. Nóc tròn làm bằng vải hay lụa, nhẹ và dễ may, nhưng lại lỗ chỗ nên khí trời dễ tuôn qua từ đấy kìm hãm ít được tốt. Vì vậy tuy rộng lớn, dù nhảy hồi đó chưa được mấy hiệu nghiệm.

Đãng khác, các dù nhảy được mở theo kỹ thuật xưa thật là nguy hiểm. Khi phi công rời khỏi máy bay, chàng ta phải rơi một đoạn trước khi dù được tung ra, trong khoảnh khắc cọ sát với khí trời ở tốc độ lớn, gây ra trong nóc tròn một sức căng khổng lồ. Có khi không chịu đựng nổi, dù bị rách đi. Có khi vì áp lực không được trao trả đều hòa khắp nóc tròn, dù bị lật lại và sức kìm hãm bị giảm xuống rất nhiều từ đấy phi công khó lòng nhẹ nhàng đổ xuống được mặt đất.

Dù sao, nếu thành công vượt qua được các thử thách này rồi, phi công còn phải chịu đựng những dao động, lắc lư rất nguy hiểm vì khí trời chứa đựng bên trong nóc tròn chỉ kiếm cách ra ngoài, khi tuôn bên này, khi thoát bên kia. Ngoài ra cũng nên biết dù được giao phó cho khí quyển, không được kiểm soát chút nào, mặc cho các luồng khí, các cơn gió thổi đưa đi đâu cũng được.

Những tiến triển đầu tiên của dù nhảy

Lẽ tất nhiên một chiếc dù nhảy nguy hiểm như vậy không sao sống được lâu nếu không được hoàn hảo thêm. Điểm cải lương đầu tiên khá quan trọng là cho khoét một cái lỗ trên đỉnh nóc tròn. Tiện lợi là lúc dù mới mở ra, xúc cọ sát với khí trời giảm xuống, tất nhiên sức căng cũng bớt đi. Sau đấy, khi dù rơi xuống dần, vì khí trời bên trong nóc tròn có chỗ thoát, hết còn tuôn ra hai bên bờ dù làm lắc lư phi công.

Khi chiếc dù nhảy trở thành dễ dàng, bớt nguy hiểm thì người ta cũng kiếm cách dùng nó nhiều hơn. Trong rất nhiều năm, dù nhảy chỉ được dùng từng người một ở những trường hợp lẻ loi. Bắt đầu từ đây, các quân đội thấy ở dù nhảy một phương pháp vận tải quân binh và chiến cụ tiện lợi. Thật ra, ý nghĩ này chỉ phát triển được với kỹ thuật phi cơ và ngày nào máy

bay còn nhỏ, chuyên chở chưa được nhiều người thì phương pháp chưa thể áp dụng được.

Những người Đức đầu tiên đã nghĩ nhiều đến vấn đề này. Lúc ban đầu họ cũng đã thử nhảy... không dù! Các nhà toán học đã giảng tốc độ rơi của người nhảy dù là hợp lực (résultante) của tốc độ máy bay (lực ngang) và trọng lực (lực thẳng đứng). Thật vậy khi mới ra khỏi máy bay, phi công bay theo chiều máy bay nhưng dần dần bị trọng lực kéo rơi xuống đất theo một đường parabol. Nếu chọn được đúng tốc độ cùng cao độ khi thả, phi công có thể rơi xuống đất theo một sức hợp thành (résultante) ngang và, theo lý thuyết, sức chạm vào mặt đất rất nhẹ, dễ chịu đựng. Năm 1941, 15 người thành công nhảy xuống được vào tuyết từ một chiếc phi cơ Junker 52, thả họ ra với tốc độ 70-80 cây số/giờ ở khoảng cao độ 10 thước. Nhưng những người này là độc nhất trong lịch sử đã thành công vì sau đó, trong một cuộc thử thứ nhì, một đấng vì cao độ máy bay tính sai, một đấng thời tiết thay đổi làm tan ít nhiều tuyết, 11 người bị chết và phương pháp cũng được chôn đi.

Sau này người ta cũng lại dùng phương pháp nhảy không dù này nhưng chỉ để thả vật liệu... mỏng mảnh! Thật vậy, nhiều vật thể không chịu đựng được sức chạm thẳng đứng của dù vào mặt đất. Trái lại, một cuộc thả sát đất làm giảm rất nhiều sức chạm nhất là dùng những rổ mây tròn có thể lăn khi rơi xuống. Kết quả bất ngờ là người ta đã dùng phương pháp này để thả trứng!

Tuy nhiên, từ ngày phi cơ trực thăng

ra đời, kỹ thuật thả trứng hết còn được trọng dụng. Một bài học đáng được ghi ra đây là thực hành không luôn đi đôi với lý luận: có ai dè không dù lại rơi xuống nhẹ hơn có dù! Cũng như ở trên đã thấy, dù có lỗ rơi chậm hơn dù không lỗ!

Cái khe điều khiển chiếc dù tối tân.

Nhưng dù nhảy nếu muốn được dùng nhiều còn cần phải được hoàn thiện thêm nữa. Trước hết là cần phải giảm sức căng trong nóc tròn, một nguyên nhân chính của những tai nạn có thể xảy ra. Người ta đã kiếm cách xếp dù làm sao cho nó được tung ra từ từ. Từ lúc mới ở phi cơ ra với tốc độ 200 cây số/giờ cho đến lúc được dù hãm xuống 18 cây số/giờ, lúc trước chỉ cần một nửa giây đồng hồ, bây giờ người ta đã kéo ra dài được 2 giây.

Hai giây này mới xem chẳng thấy có gì đặc sắc, nhưng thật ra vô cùng quan trọng vì nó cho phép người ta dùng những vật liệu, vải bố khác, ít lỗ chỗ nên kim hãm tốt, vì vậy tuy bền mà chẳng dùng được trong phương pháp mở dù cổ điển thường thấy từ trước. Đây là những loại vải nhân tạo như nylon mà người ta có thể kiếm ba cấu tạo, số lỗ và từ đấy kiếm ba được sức kim hãm trong khí quyển. Nếu vậy thì từ nay người ta kiếm ba được cách tuôn thoát khí trời từ nóc tròn ra ngoài, mở đầu cho những chiếc dù có thể điều khiển được. Chiếc dù nhảy từ đây đã trưởng thành.

Ý nghĩ đầu tiên về điều khiển dù là cho mở một cái khe dọc theo nóc

tròn, nhằm mục đích cho khí trời thoát ra ngoài nếu muốn xê dịch sang phía bên kia. Những người Anh đầu tiên đã dùng những loại dù này ở kỳ trạch vô địch thế giới năm 1962, nhưng vì chưa nắm vững được kỹ thuật họ chẳng thắng được. Tuy vậy, những chuyên gia Nga thấy ngay ý hay, tiếp tục học hỏi và thành công điều khiển được dù. Dựa trên nguyên tắc một cái khe ở phía dưới dù có thể cho dù di chuyển sang một bên còn một cái khe ở trên đỉnh nón tròn thì có thể cho kim bám dù lại, họ kiếm cách kiếm ba góc khe; kích thước của nó để kiểm tra số lượng và phương hướng khí trời thoát ra. Được như vậy thì cuộc điều khiển dù hết còn khó. Về mặt thật tế, để vận dụng các khe, người ta đã cho vào cuối khe những sợi giây chạy đến tay phi công.

Nhưng nếu khe giúp người ta di chuyển được sang một bên, nó chẳng có ảnh hưởng lên tốc độ rơi. Dù nhảy hai khe từ đây ra đôi, và vì tốc độ xê dịch lớn (khoảng 4 thước mỗi giây) nên phi công có thể dùng nó cho tác dụng lên tốc độ rơi.

Một kỹ sư người Pháp lại đề nghị một mẫu dù hoàn toàn khác hẳn. Thay vì cho khí trời thoát ra khỏi nón tròn ở đỉnh, ông cho đỉnh nón tròn sụt xuống và nhô về phía dưới. Như vậy, khí trời trong nón tròn khi lên đến đỉnh thì lại chạy về xuống dưới và thoát ra ngoài ở bờ dù. Để cho những luồng khí trời khỏi làm cho dù lắc lư, nhiều khe tỉ hon đã được khoét ra, những số lượng nhỏ khí trời thoát ra đây đưa thẳng bằng lại cho dù. Với những dù loại

này, tốc độ di chuyển ngang có thể đạt đến 6 thước/giây. Hơn nữa với những khe nhỏ, người ta đã đạt được những độ chính xác lớn. Từ đây dù thật đã là một khi cụ hàng không rõ ràng.

Đôi cánh thay thế chiếc dù cổ điển.

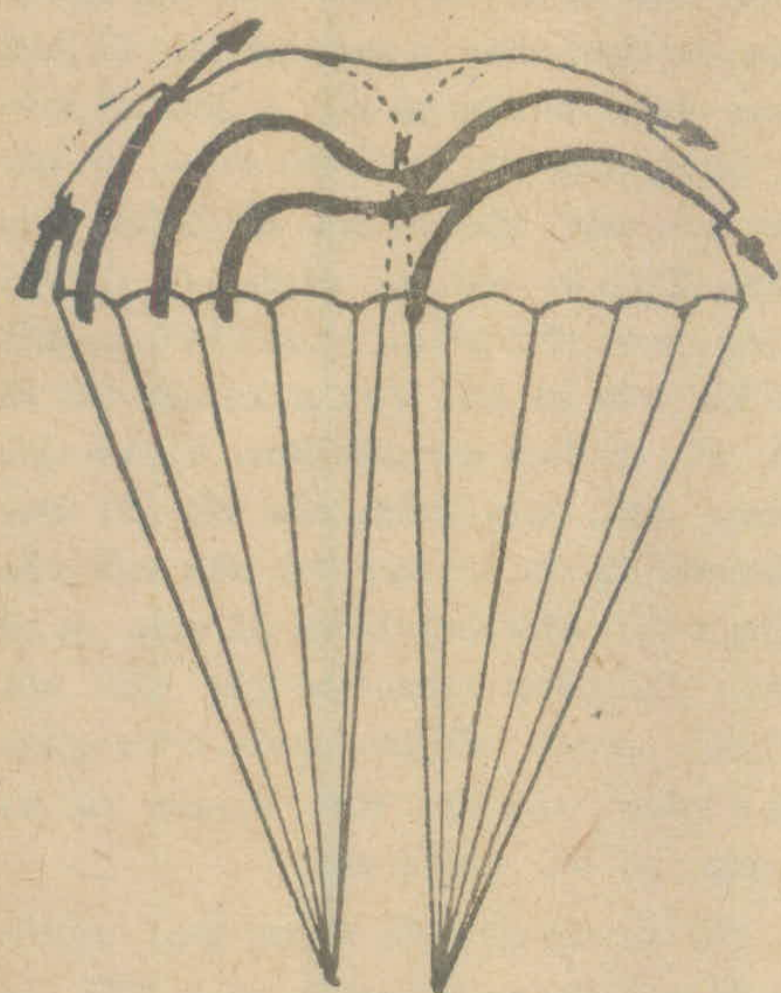
Nhưng tiến triển kỹ thuật có bao giờ chịu dừng bước. Có nhiều người đã tự hỏi muốn di chuyển qua lại dễ dàng sao lại phải khăng khăng giữ mãi hình thức chiếc dù Đôi cánh mà người xưa đã từng ước mong chế tạo để bay như chim, bướm lại này mãi. Người ta nhận thấy với chiếc dù nhảy, với bất cứ mẫu nào, tốc độ rơi đã được kiểm hãm. Tính ra với đôi cánh, tốc độ rơi cũng được thâu giảm, nhưng không phải vì khí trời bị nón tròn ngăn cản mà vì tốc độ xê dịch trở nên lớn. Thành thử trong cuộc tìm kiếm này vấn đề kim bám đã đặt ra từ xưa trở nên một vấn đề tốc độ. Một knob đã hiện ra ở đây: phi công chạm vào mặt đất với tốc độ 40 cây số/giờ, muốn thâu giảm phải nhảy vào lúc trời có gió và hạ ngược lại với chiều gió.

Để tốc độ xê dịch được lớn, người ta đã chế những đôi cánh rộng đến 45 thước vuông. Những mẫu đầu tiên đóng thành hình tam giác hai cạnh đều. Nhưng những mẫu này đưa lại nhiều bất tiện như khó mảy, dễ lật. Với lại ở đôi cánh không thể cho khoét lỗ được như ở trên dù.

Từ đây người ta nghĩ ra một mẫu nửa dù, nửa cánh. Như vậy nghĩa là uống chiếc cánh làm sao để cho khí trời chạy được vào phía trước và thoát ra đằng sau. Mẫu đầu tiên chế ra gồm có

hai lớp vải, ở giữa có màng ngăn để hướng những luồng khí trời. Với đôi cánh này, người ta đã di chuyển ngang được đến 17 thước/giây với một tốc độ xuống là 2 thước/giây.

Được bắt đầu trong môn thể thao, chiếc dù cánh này rồi đây sẽ được tiến triển mạnh trong ngành không gian. Thật vậy, đến nay những cấpsuyn (Mỹ) từ không trung trở về phải đổ xuống biển. Các chuyên gia cơ quan NASA đã nghĩ cho thứ dù cánh với những chiếc



Những luồng khí trời trong chiếc dù nhảy của kỹ sư Pierre Lemoigne

Gemini nhưng những vệ tinh này quá nặng và cồng kềnh. Những hãng như Northrop Langley, Pionnier hiện đang khảo cứu những dù cánh có thể điều khiển được từ cấpsuyn hay từ mặt đất.

Nhưng dù cánh không phải là con đường khảo cứu độc nhất hiện nay. Những hãng như Raven, Pionnier và Martin, Goodyear đang chế tạo những loại dù hình nón, hình vành khăn, dù có sừng, dù hai tầng... để cho hạ vệ tinh xuống mặt đất hay xuống sao Hỏa, sao Kim.

Bên mặt quân đội, các chuyên gia Hoa-kỳ đang tìm kiếm những mẫu dù có thể bay lượn làm sao cho phi công khi rời máy bay có thể trở về lại bên này chiến tuyến. Những mẫu dù có kèm theo bình nguyên liệu kerosen có thể lượn ở cao độ 2000-5000 thước từ 20 phút đến 6 giờ.

Cũng ở trong quân đội, người ta đã thành công chế biến được những mẫu dù để kim hàm phi cơ phản lực lúc hạ xuống hàng không mẫu hạm hay cho thả ở một đêm chỉ định những gói đồ hay chiến cụ nặng đến 30 tấn.

Dần dần dù nhảy đã vượt ra khỏi phạm vi kim hàm sức rơi để biến thành một chiếc máy có thể bay lượn.

VÕ QUANG YẾN
Tài liệu : J Rode

THUỐC BÒ :

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HOA-LAN.

Yã Hạc

Nếu Yã-Hạc (tên thật là Nguyễn-Văn-Trung *) không có bài thơ "Đi hiu" tôi trích đăng trong tập phóng bút này tại coi như chẳng chán tôi không viết về ông làm gì. Tôi không hiểu tôi đọc bài này lúc nào. Chỉ biết nó là một trong số những bài thơ hiếm hoi đã nằm trong tâm hồn tôi trong khoảng năm mươi năm nay (như trường hợp một nhà thơ lạ khác ký tên Lan mà sau này tôi biết là cô bạn cũ của Phạm Duy). Tôi tưởng ông chỉ làm có mỗi bài đó. Đến chừng nhờ người về tòa soạn Bách Khoa lục lại nguyên bản thì thấy thơ ông đăng khá nhiều. Có lẽ tôi cũng đã đọc hết những bài thơ đó nhưng quên phứt đi rồi. Bởi cái không khí lãng mạn và cô đơn của bầu trời tiền chiến trong đó đã làm tôi phát ngáy dù thỉnh thoảng cũng nhặt ra được vài đoạn khá. Hãy nghe ông tả một đêm hải đảo:

*tĩnh không một tiếng trùng trong cỏ
một tiếng gà xa cũ g vắng tanh
trơ trọi ta nằm trong tịch mặc
quanh mình man mác sáng trăng xanh*

Có lẽ tác giả thường ở biển hay yêu biển lắm mới viết được những hàng này.

*mỗi phút u hoài một động thêm
chung quanh sa mạc trái im lìm
tôi nghe trong khoảng đi hiu ấy
quẩn quại trong lòng nỗi nhớ em*

dù chưa sâu bằng Phạm-Hầu nếu đem so với một đoạn thơ của thi sĩ tiền chiến này viết về biển một buổi trưa bằng những nét ấn tượng cao độ và tinh vi:

*Có cái gì chuyển thay đây với đó
Một cái gì lên xuống mãi không thôi
Lặng càng xa càng nghe mãi xa xôi
Một tiếng nhẹ trong tiếng gì nhẹ nữa*

* Lời ghi của Nguyễn Ngũ Í: Xin đừng lầm với Nguyễn Văn Trung, Giáo-sư Đại-học, nhà biên-khảo, cũng cộng tác với B.K.

Tuy nhiên tác giả đã tỏ ra có tâm hồn, một tâm hồn đầy chán nản và ngơ ngán được thể hiện bằng cái giọng hiện-sinh nhẹ nhàng và thắm thía tự nhiên thoát ra từ một kinh nghiệm cá nhân trong một hoàn cảnh và một nơi chốn đặc thù khác biệt với một Tây Phương nhiễm độc và tàn lụi sau hai cuộc thế-chiến kéo theo những khủng hoảng nặng nề khác :

*Thoáng trông bốn vẫn dìm nhiên
Ngập bao nhiêu nỗi đau phiền ai hay
Suốt đời hiu quạnh năm đây
Bãi lau xơ xác bờ cây hững hờ*

*Quanh năm nước chảy lờ đờ
Điệu ru tế nhạt bao giờ đổi thay
Đời ta như điệu ru này
Muôn năm khuôn đúc một ngày thế thôi*

Nhưng chắc hẳn tác giả phải còn giữ một tấm lòng với cái «thăm thẳm biếc» và «lồng lộng cao» của trời biển mới viết được những câu bình thường nhưng thấm cảm một cách lạ lùng này :

*Nghìn xưa còn đến bây giờ
Một vầng trăng bạc lơ vơ giữa trời*

Đọc xong hai câu đó, tôi rơi vào thế giới Lão Trang cũ hư trái đất nhưng sinh động bằng những nét chấm phá mới mẻ và đầy sáng tạo muôn thuở cho kẻ nào có chất thơ thật sự trong máu và một tấm lòng tha thiết không nguôi. Hình ảnh và ý tưởng trong hai câu trên có lẽ tìm không thiếu gì trong thơ cổ của Trung-Hoa và của Nhật, ít ra. Hơn mười năm trước đây, tôi cũng đã từng tả cảnh hải đảo bằng những câu :

*bao la trời nước
một lá thuyền trôi
kiếp nào sau trước
còn mây trên đời*

mà có lẽ tôi sẽ ôm theo cho đến khi cái bóng đời này tắt đi ở cuối đường đời có thể sống được qua những ngày vui rộn ràng ở thành phố, những đêm buồn áo não ở rừng cao, những giờ phút ngọt ngào và u uất trong thời đại hỗn mang này. Cho nên tôi yêu Yã Hạc với bài thơ tuyệt diệu mang hai câu vừa trích đó lắm dù tôi thấy đôi chỗ vẫn ghép chưa được thật tự nhiên. Không hề chi (với những thi tài lớn hơn, họ cũng thường nghịch ngợm như vậy, không phải cố tình mà chính vì tác giả đã nằm trong một quan niệm thẩm mỹ va chạm và gặp ghềnh) Bởi cái không khí trong bài thơ đã xóa mờ gần hết dấu tích bàn tay sát nhân của kỹ thuật gôm vần, niêm, luật lung tung bằng gì đó. Những tinh-từ «thăm thẳm biếc», «lồng lộng cao», «trăng phau phau...» được sử dụng rất chừng mực. Đặc biệt chữ «hư vô» ở cuối bài dùng rất tới, rất đạt, nhờ nó đã được chuẩn bị bằng cả mười mấy câu tả cảnh tả tình thuận hợp ở trên và

nhất là nhờ cái không khí tịch mịch của bài thơ nung nấu đã đến độ chín muồi. Hãy đọc mấy câu dễ dàng và bình thường sau đây :

*Trời trên trời dưới hai trời
Thần nhiên vậy lấy một người là ta
Đi hiu tịch mịch bao la
Còn ta đâu nữa chỉ là hư vô*

Đề rùng mình thấy hết cái nhân tâm bình thản từ vạn đại của tạo hóa ; cái thân phận bé mọn, ngắn ngủi, u uất, nghiệt ngã muôi đời của kiếp nhân sinh ; tiếng kêu than cùng lúc với niềm hoan hỉ tuyệt vời khi giáp mặt với hư vô.

Thời đại này là thời đại đang tiến dần đến hủy diệt, cái hủy diệt tối hậu dù muốn dù không mà không cần phải tin theo một bên chứng nào. Làm sao người ta không ngại đến hư không và hư vô dù đời sống máy móc luôn luôn chực chờ phá tan những khoảng trống mát mẻ luôn luôn cần thiết cho bất cứ người nào. Nhưng người ta chỉ nói đến nghĩ về hư không và hư vô. Không hiểu sao rất ít người *nắm trong, thở hít* hư không và hư vô. Những người khá hơn thì cũng chỉ sống với kinh nghiệm hư không và hư vô của kẻ khác. Cao nên danh từ hư không và hư vô đã trở thành sáo ngữ nhan nhản đối với hầu hết văn và nhất là thơ mền Nam hôm nay. Hãy đọc một Viên Linh :

*Thôi làm đại bàng bay thám biển đông
Ngó hoài hoài cuộc đời đen tối
Những đêm sáng thỉnh linh là những cõi hư vô*

và một Nguyễn Sa :

*Mười ngón tay sờ soạng giữa hư không
Đôi mắt đã trũng sâu buồn ảo ảnh.*

Đề thấy rõ hai tiếng "hư vô" và "hư không" đã hoàn toàn chỉ còn có cái xác bả của danh từ, của nét chữ, không cách chi gói theo được cái ý nghĩa của ngữ nguyên (mà cũng không thể nào tạo được một ý nghĩa mới nào cho riêng mình đâu!) Trở lại Yā-Hạc Nguyễn Văn Trung. Tôi có mấy lời chót. Tôi đoán tác giả đã có tuổi hay già rồi và không thể làm bài thơ nào đạt hơn nữa. Một đời thơ được một bài đáng giá không dư lượng cũng đủ rồi. Xin báo cứ bằng lòng năm nghĩ. À, tôi còn phải nói một lời thật tình cuối cùng cao hủ dạ. Rằng. Dù mọi móc từng hàng thơ mình mãi không ra, tác giả viết bài này đã chịu ảnh hưởng bốn câu thơ chót bài "Đi hiu" của Yā-Hạc ở một chỗ nào đó ngàn năm không ai nhìn ra.

* Ghi riêng. Nguyễn Ngọc - l xin được phép bỏ đi vài chữ sau tên Viên-Linh và Nguyễn-Sa Mong Nguyễn-Đức-Sơn thông cảm.

THƠ TRÍCH

Điêu hiu

Trông lên trời rộng mênh mông
 Biếc thăm thẳm béc cao lồng lộng cao
 Lơ thơ mười dền vàng sao
 Đôi làn mây trắng phau phau lững lờ
 Nghìn xưa còn đến bây giờ
 Một vừng trăng bạc bở vờ giữa trời
 Trời cao trăn thẩn thờ trôi
 Sông khuya một lá thuyền cô bập bênh
 Chèo lơ lửng nhịp long lanh
 Nhẹ vang trên nước buổi tênh lờ đờ
 Thuyền mơ / giữa cõi mơ
 Nguyệt mang mang tỏa sương mờ mờ lan
 Canh chầy lặng ngắt không gian
 Lòng băng khuâng thấy cô đơn lạc loài
 Trời trên trời dưới hai trời
 Thản nhiên vây lấy một ngư ời là ta
 Điêu hiu tịch mặc bao la
 Còn ta đâu nữa chỉ là hư vô

NGUYỄN - ĐỨC - SƠN

CHIẾN - TRANH và HÒA - BÌNH

cuốn III và IV

của LÉON TOLSTOÏ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ giới thiệu, dịch và chú thích

LÁ BỐI xuất bản và phát hành

Giá mỗi cuốn
tại Saigon : 300 đ.

Điện - ảnh Việt - nam ngày nay

(qua bài thuyết trình của nhà văn ĐỖ-TIÊN-ĐỨC
Giám-đốc Nha Điện-ảnh)



Nhà văn Đỗ Tiên Đức

chiếu những phim mới lớn thành. Cũng trong dịp này Ông Đỗ-Tiến-Đức đã trình bày về lịch trình tiến triển của Điện-ảnh Việt Nam và nêu lên những mục-tiêu công tác cũng đường lối hoạt động của Nha Điện ảnh trong những tháng cuối năm và trong các năm tới. Bài sau đây thuật theo bản thuyết-trình nói trên của nhà văn phụ trách Nha Điện ảnh.

Người Pháp đã du nhập điện ảnh vào Việt-Nam từ đầu thế kỷ 20 bằng hãng nhập cảng phim Pháp (IFEC) và những rạp chiếu bóng đầu tiên tại Saigon (Majestic, Olympic...). Năm 1921, Việt Nam bắt đầu sản xuất phim câm (Kim Vân Kiều). Năm 1926, bắt đầu sản xuất phim tài liệu (Lễ tôn tôn Bảo-Đại). Và năm 1937, bắt đầu sản xuất phim nói (Cánh đồng ma). Ngành sản xuất phim ở Việt-Nam do Pháp kêu và Hoa kiều khởi xướng và đỡ đầu, nhưng

Nhà văn Đỗ-Tiến-Đức (tác giả truyền dài Má Hồng đã đăng trên B'ch-khoa trong năm 1957), sau một năm ở Cao-đẳng Quốc-phòng, hiện đã nhận chức Giám-đốc Nha Điện-ảnh từ hạ tuần tháng 5-1969. Sáng Chủ nhật 15 6 99, một số văn nghệ sĩ, ký giả các báo, các nhà sản xuất điện ảnh được mời tới Trung - tâm Điện-ảnh Quốc-gia để xem chiếu phim *Thương hận*, một phim đen trắng loại 35 lv, dài 80 phút, có nhiều hình ảnh tuyệt đẹp, do Ô. Tôn-Tấn-Cảnh đạo-diễn. Buổi họp mặt như thế này, theo lời đại-diện Nha Điện-ảnh, sẽ được tổ chức hàng tháng để các nhà sản xuất điện ảnh, các văn nghệ sĩ... thuyết trình, góp ý thảo luận, và cũng để

cũng chính họ bóp chết khi thấy nó cạnh tranh với phim Pháp nhập cảng.

Năm 1953 ngành sản xuất phim Việt-Nam được phục hồi và cực thịnh vào năm 1957 (với 28 phim dài do 14 hãng sản xuất). Nhưng rồi cuộc chiến tranh Quốc-Cộng và các biến chuyển về kinh tế xã hội cùng bao lý do dây chuyền khác đã đẩy ngành sản xuất đến chỗ tê liệt, nhường thị trường cho phim ngoại nhập thao túng.

Đề lập vào chỗ trống đó, từ năm 1959, chính quyền thành lập 2 cơ sở điện ảnh công-lập: Phòng Điện Ảnh Quân Đội và Trung-Tâm Quốc-Gia Điện Ảnh, để sản xuất các phim mà nhu cầu chính trị đòi hỏi.

Hiện nay viễn tượng của một cuộc đĩnh chiến ngày càng gần. Người ta đã nghĩ tới nhiều kế hoạch hậu chiến, nhưng kế hoạch hậu chiến cho điện ảnh thì chưa có.

Trong lúc đó thì điện-ảnh thế giới như thế nào?

Ra đời từ năm 1882, điện ảnh thế giới đã tiến những bước dài với những phim đủ cỡ từ vài mm tới 70mm, phim điện tử không cần rửa, màu ảnh rộng mãi ra tới lòng chảo, với phim màu, phim chiếu giữa ban ngày, phim âm thanh nổi, phim có mùi. Dụng cụ sản xuất phim mỗi ngày thêm tân tiến phức tạp. Những người làm phim dần dần chuyên môn hóa tới cực độ, các mẹo luật điện ảnh được đặt ra thêm mãi tới độ không còn mẹo luật gì nữa. Knung cả thảy quay phim từ sân khấu ra ngoài giữa thiên nhiên, rồi lại trở về phim trường với muôn ngàn xảo thuật kỳ diệu. Để tài phim được khai thác tận cùng, từ lịch sử, kho tàng văn học, hiện thực xã hội tới không tưởng rồi trở về khai thác nhục thể, khai thác cá: sự kiện thời sự nóng bỏng, và hiện đến chỗ khan hiếm đề tài. Số vốn sản xuất phim cũng như lợi tức thu được của mỗi phim bây giờ người ta thường tính hàng triệu Mỹ-kim chứ không còn là hàng vạn nữa.

Điện ảnh thế giới ngày nay đã trở thành một kỹ nghệ cực thịnh, có những ảnh hưởng quyết định tới sự sinh hoạt tinh thần và vật chất của nhân loại,

với những sáng kiến khoa học và thủ đạo kinh doanh quỉ khốc thần sầu, với tầm ảnh hưởng quốc tế.

Hầu hết các nước mới mở mang ở Nam Mỹ, Phi Châu, Trung Đông và Á Châu đều cố chạy đua theo các nước kỹ nghệ điện ảnh nền tiền.

Còn điện-ảnh ở miền Bắc thì ra sao?

Khai sinh từ năm 1948 trong chiến tranh, nhờ sự trợ giúp của Trung-Cộng, Nga-sô và Đông Đức, điện ảnh Bắc-Việt đã trưởng thành vào năm 1961, hiện được tập trung vào Cục Điện-ảnh thuộc Bộ Văn-hóa do Thứ-trưởng kiêm nhiệm Cục-trưởng với trên 4000 chuyên viên, nghệ sĩ và công nhân, quy tụ trong 7 cơ sở chính. (1)

Điện-ảnh Bắc-Việt có 2 đặc điểm chính:

— Là một độc quyền của nhà nước, từ quay phim, sản xuất, xuất nhập cảng, phát hành và chiếu phim, cho tới mọi dịch vụ phụ thuộc như ra báo, cũng đều do Đảng Lao-Động phụ trách; tư nhân không được hành nghề mà ngay hợp-tác-xã cũng không có.

— Đảng Lao Động coi điện-ảnh là một vũ khí đấu tranh chính trị cực kỳ quan trọng, nên đã dành cho Cục Điện-Ảnh một số lượng nhân lực và phương tiện khổng lồ, cùng với nhiều ưu ái đặc biệt. Mỗi cuốn phim do 1 chủ nhiệm lãnh đạo việc thực hiện và người này phải có cấp bậc ngang Tỉnh Ủy-viên, về địa phương có quyền huy động các cấp

(1) Ghi chú: 7 cơ sở chính này là: Xưởng phim thời sự tài liệu; Xưởng phim truyện Hà-nội; Xưởng phim hoạt họa búp bê; Xưởng phim đèn chiếu; Nhà máy cơ khí điện-ảnh; Quốc doanh phát hành phim chiếu bóng; Trường điện ảnh VN.

quân dân chính Đảng từ tỉnh và từ Trung đoàn trở xuống, lại có quyền ký giấy trưng dụng dưới 3.000 nhân công.

Nhờ đó, điện ảnh Bắc - Việt tiến nhanh về lượng nhưng đi vào con đường độc chiều và trở thành nô lệ cho chính trị Cộng sản.

oOo

Trở lại tình hình Điện ảnh của Việt Nam Cộng hòa hiện nay, ta nhận thấy :

Phần đông dân chúng cũng như các viên chức trong Chính quyền chỉ coi điện ảnh là một phương tiện giải trí (đối với phim do tư nhân sản xuất) hoặc để thông tin tuyên truyền đề cao Chính phủ (đối với phim do nhà nước làm),...

Các lợi ích của điện ảnh về phương diện giáo dục, kinh tế, cải tạo xã hội và đấu tranh tư tưởng rất ít người quan niệm được một cách minh bạch cụ thể. Đa số đều cho điện ảnh là một vấn đề không quan trọng.

Quan niệm đó, cản trở và trì hoãn việc thực hiện các dự án cải tiến Điện Ảnh Việt Nam, và bỏ ngỏ cho ngoại quốc chi phối.

Một mai đĩnh chiến, Việt Nam sẽ chỉ là một cái chợ cho điện ảnh ngoại quốc mặc tình khai thác và thao túng.

Về ngành chiếu phim : Theo con số thống kê chính xác mới nhất, Việt-Nam Cộng-Hòa có 94 rạp chiếu bóng, với 64.000 ghế, và tổng số khán giả hàng năm là 24 triệu, đem lại cho ngân sách quốc gia một số thuế bí cuộc phụ thu tế bản lãi 180.000.000 đ mỗi năm.

Số rạp chiếu bóng ngày càng giảm đi so với các năm trước vì tình trạng an ninh khiến những rạp ở các thị trấn

nhỏ phải ngưng hoạt động, và một số các rạp khác đem cho mượn làm kho hàng, khách sạn hay quán hàng thầu lợi nhiều hơn là chiếu phim.

Những phim chiếu tại các rạp phila lớn đều thuộc loại cổ vũ bạo lực (kiếm hiệp, gián điệp, cao bồi, trinh thám...), hoặc kích thích dục tính con người (khêu dâm, trình bày các cảnh xa hoa, hưởng lạc). Những phim có nội dung giáo dục lành mạnh, kể cả phim từng đoạt giải thưởng quốc tế, hầu hết đều vắng khách.

Các rạp chiếu bóng không còn độc lập mà phải quy tụ thành tổ hợp và bị các tổ hợp nhập cảng phim chi phối. Trên khía cạnh thị trường, tính trung bình phim khá bù phim tồi, mỗi phim được khoảng 80.000 khán giả, nếu lấy giá vé trung bình là 50đ thì mỗi phim thu khoảng 4 triệu, trong đó thuế 1/3, rạp 1/3 và 1/3 về nhà phát hành (nhập cảng hoặc sản xuất).

— Sang lãnh vực phim 16 ly, Bộ Thông Tin có 338 máy chiếu bóng và báo cáo phòng định của các nhân viên chiếu phim thì tiêu hút khoảng 14 triệu khán giả trong 1 năm (?).

Bộ Quốc Phòng hiện có 298 máy chiếu, phục vụ 3 triệu khán giả quân dân mỗi năm và Cơ Quan Liên Vụ Thông Tin Hoa Kỳ cũng phục vụ cho 8 triệu khán giả một năm qua các phòng chiếu bóng, các máy chiếu lưu động và các tổ chức cho mượn phim và máy. Ngoài ra các cơ quan Văn Hóa Pháp và Đức cũng phục vụ lối 1 triệu ngàn khán giả đó là chưa kể số khán giả coi phim qua Vô Tuyến Truyền Hình hiện chưa ước tính được.

Như vậy nếu coi con số phòng định phân giả phim 16 ly là đúng thì với số

số 16 triệu, trung bình mỗi người dân Việt đi coi phim 3 lần trong một năm. Tỷ-lệ này chỉ hơn Phi-châu, thua Bắc Việt và bị các nước khác bỏ rất xa.

Vấn đề đặt ra là phải mở rộng thị trường quốc nội thì phim nội hóa mới thu được vốn.

Về ngành phát hành : Hiện có 34 nhà nhập cảng phim, nhập cảng 250 phim tuồng dài 35 ly của 13 nước, nhiều nhất là của Trung Hoa 44%, rồi tới Hoa Kỳ, Ý, Ấn Độ và Nhật. (con số phim nhập cảng này hàng năm chỉ lên xuống trong khoảng từ 200 đến 450 phim). Rất ít khi VNCH nhập cảng phim 16 ly hoặc phim tài liệu, và từ năm 1965 trở về trước, nhập cảng mỗi năm khoảng 40 phim Thời-sự Pháp hoặc Mỹ.

Dụ 17 cấm ngoại kiều hành nghề nhập cảng và khai thác phim. Nhưng trong thực tế, các hãng nhập cảng phần lớn chỉ do người Việt đứng tên và bị ngoại-kiều chi phối. Hãng nhập cảng lớn nhất VN hiện giờ là Tân Kiệt Ý Oan, thứ đến là Viễn Đông và Cosunam. Các hãng nhập cảng hiện giờ cũng tổ hợp lại với nhau tùy theo xuất xứ của phim nhập cảng (phim Mỹ, phim của Tàu, phim Ấn độ...) và dùng giao kèo dài hạn để độc quyền chiếm các rạp.

Các phim nhập cảng mang lại cho ngân sách quốc-gia mỗi năm 22 triệu bạc thuế cho thuê phim và thuế lợi tức phim nhập cảng.

Việc xuất cảng phim Việt-Nam hầu như không có, ngoại trừ trước đây đôi lúc phim VN có được khai thác tại Lào và Cambốt.

Tuy nhiên trong lãnh vực không thương mại, Bộ Thông-Tin cũng có pho

biển mỗi năm khoảng 600 phim tại gần 30 quốc gia qua các Sứ-quán VN tại hải ngoại và qua các Đại Hội Điện Ảnh Quốc Tế.

Trên thế giới hiện nay có vào khoảng 60 đại hội điện ảnh quốc tế, và trung bình mỗi năm có 15 đại hội mời VNCH tham dự, nhưng VNCH chỉ có thể tham dự khoảng 4 đại hội với các phim ngắn không thương mại, và cũng chỉ phim ngắn mới có thể mang lại cho Việt Nam những thành quả đáng kể. Việt-Nam chưa đủ sức cạnh tranh trên lãnh vực phim thương mại.

Về ngành sản xuất : Mặc dầu đã được nâng đỡ bằng biện pháp giảm miễn thuế sản xuất, cho thuê phim và hí cuộc, 8 nhà sản xuất phim Việt-Nam hiện cũng chỉ sống bằng 2 cách : Phụ đề chuyên âm phim nhập cảng hoặc bao thầu thực hiện phim cho công sở hoặc Vô tuyến truyền hình. Cơ sở sản xuất phim tương đối nhiều phương tiện nhất là Alpha films cũng đã ngưng hoạt động. Hãng sản xuất đều tay nhất là Công ty Mỹ Vân Điện Ảnh hiện sống bằng nhập cảng phim.

Trong 5 cơ sở điện ảnh công lập đáng kể nhất có Nha Điện Ảnh. Hai cơ sở khác hoạt động đều hòa là Phòng Điện Ảnh Quân Đội và Phòng Điện Ảnh của Liên Vụ Thông Tin Hoa Kỳ. Cả 5 cơ sở này mỗi năm sản xuất được 150 phim hầu hết là phim ngắn có tính cách thời sự hoặc tuyên truyền chính trị.

Hiện nay có ngành quay phim cho Vô tuyến truyền hình ngoại quốc (nhất là Hoa Kỳ) là phát đạt.

Ngành này ý vốn lớn, thu hút chuyên viên của các cơ sở sản xuất điện ảnh

và có những hoạt động không sao kiểm soát được, đã gây những ảnh hưởng nguy hại cho quyền lợi quốc gia ở hải ngoại (cụ thể là đã tiếp tay cho phong trào phản chiến).

Xét các ngành phụ thuộc của Điện ảnh VN ta thấy :

Việt Nam Cộng hòa hiện có hai tuần báo *Kịch-Ảnh* và *Màn Ảnh* nhưng nội dung nhằm giải trí độc giả với phần văn-nghệ phi-điện ảnh và phần dịch thuật từ các tạp chí điện ảnh. Pháp ; ngoài ra một phần quan trọng của tờ báo dành cho các nhà khai thác phim quảng cáo dưới mọi hình thức. Các tạp chí này chưa nâng cao được trình độ khán giả cũng như chuyên viên điện ảnh.

Các trang màn ảnh của các nhật báo cũng giúp ích rất tương đối.

Hiện có 3 hội đoàn điện ảnh hợp pháp và gần một chục hội đoàn điện ảnh bất hợp pháp. Nhưng ngoại trừ Nghiệp đoàn khai thác kỹ nghệ điện ảnh có những tranh đấu cho quyền lợi của giới mình, các hội đoàn khác chỉ có tên mà không hoạt động.

Đề cập tới hiện trạng của Nha Điện ảnh, Ông Đỗ-Tiến-Đức cho biết nhiệm vụ của Nha là : Sản xuất phim cho Bộ Thông Tin ; Nghiên cứu và thực hiện mọi biện pháp nhằm khuyến khích, nâng đỡ kỹ nghệ Điện Ảnh Việt Nam phát triển ; Kiểm soát phim ảnh.

Nha Điện Ảnh có 2 sở : Sở chương trình và Sở kỹ thuật.

Số nhân viên của Nha tất cả là 148 người trong đó có 1/3 là nhân viên chuyên môn đã được huấn luyện chu đáo và nhiều kinh nghiệm sản xuất phim với ngân sách hằng năm 57 triệu và đủ

dụng cụ máy móc để thực hiện phim 35 ly (ngoại trừ việc in rửa phim màu phải thực hiện ở ngoại quốc). Một số lớn máy móc này đã sử dụng trên 10 năm nên hư hỏng luôn, cần được đại tu bổ.

Trong năm 1968, Nha Điện Ảnh đã sản xuất : 48 phim đủ loại, Thời sự, phóng sự, tài liệu, truyện ngắn, truyện dài, trên phim màu và đen trắng, 16 ly, 35 ly và màn ảnh rộng, với 4.580 phở bản nói tiếng Việt, Anh, Pháp và một số ngôn ngữ khác, đề cung cấp cho các rạp, các cơ quan Thông tin địa phương các đài VITH và các sứ quán VNCH tại Hải ngoại. Trong năm 1968, Nha Điện ảnh cũng đã gửi phim tham dự 3 Đại Hội Điện Ảnh Berlin, Venise và Carthage.

Đối chiếu với phương tiện eo hẹp sẵn có, kết quả ấy đã là một cố gắng nhưng so với nhu cầu, phim do Điện Ảnh sản xuất không thoả mãn được nhu cầu cả về lượng lẫn phẩm nhất là trên lãnh vực thông tin quốc ngoại.

Trong địa hạt nâng đỡ điện ảnh tư, vì ngân sách và phương tiện khiêm khuyết, Nha Điện Ảnh mới chỉ thực hiện được một số công tác như : Đề nghị Chánh phủ giảm miễn thuế cho phim Việt-Nam, giúp đỡ các nhà sản xuất về kỹ thuật thực hiện phim, khuyến khích giúp đỡ các nhà sản xuất dự các Đại hội Điện ảnh quốc tế để tìm thị trường mới và soạn thảo một số dự án mà thượng cấp còn đang nghiên cứu.

oOo

Trước khi trình bày về đề-án công-tác trong những tháng năm tới đây của Nha Điện ảnh, ông Đỗ Tiến Đức cũng phác họa quan niệm về điện-ảnh như sau :

1 — Điện ảnh không phải chỉ là một phương tiện giải trí xa xỉ hoặc một công cụ tuyên truyền nhất thời. Điện ảnh còn là :

— Một phương tiện giáo dục hữu hiệu, với các phim giáo khoa, phim tài liệu...

— Một phương tiện đấu tranh chính trị cực kỳ lợi hại với lý thuyết Cộng Sản và với các tư tưởng ngoại lai.

— Một ngành kỹ nghệ chẳng những phục vụ đặc lực cho văn học nghệ thuật và các ngành kinh doanh khác, mà chính nó cũng mang lại cho quốc gia những nguồn lợi tức vô cùng quan trọng và nuôi sống nhiều người.

2 — Bộ Thông Tin ngày nay không thể chỉ sản xuất phim cho chính quyền và kiểm soát phim hay nâng đỡ điện ảnh một cách nửa vời bằng các luật lệ cũ kỹ hoặc các biện pháp vá vúi tạm bợ. Chính phủ dùng Nha Điện Ảnh làm cái đầu tàu kéo đoàn xe điện ảnh tư nhân tiến lên, dùng Nha Điện Ảnh làm một nguồn sinh lực tiếp sức cho kỹ nghệ điện ảnh Việt-Nam phục hồi và phát triển, bằng những biện pháp kinh tế tài chính mạnh bạo và cải cách pháp lý rộng lớn, trong một chính sách quy mô.

— Chỉ có Chánh quyền mới đủ phương tiện thổi một luồng sinh khí mới vào Điện Ảnh Việt-Nam. Và chỉ có nền kỹ nghệ Điện Ảnh Việt-Nam trưởng thành mới có thể chặn đứng được những ảnh hưởng nguy hại của điện ảnh ngoại quốc phi dân tộc và điện ảnh Cộng sản.

3 — Một mai đình chiến, Việt-Nam sẽ là một đề tài và một địa điểm quay phim rất ấn khách mà các nước ngoài sẽ

đồ xô tới khai thác. Ta phải sẵn có một kế hoạch đề hợp tác với những nước đó hầu giữ quyền lợi cho dân Việt.

Mặt khác, ta cũng cần dự phòng trường hợp phải đương đầu với phim ảnh Bắc Việt ở hải ngoại. Nếu ta không có vốn, lấy gì mà đấu tranh văn hóa với địch.

Với quan niệm trên đây, Nha Điện ảnh sẽ nhằm 3 mục tiêu công tác: Tăng gia sản xuất phim; Yểm trợ kỹ nghệ điện ảnh tư nhân; Kiểm soát phim ảnh.

Từ nay đến cuối năm, ngoài những công tác như sản xuất phim thời sự hàng tuần, in thêm nhiều phổ bản 35 mm (50 thay vì 20) để cung cấp cho các rạp chiếu bóng, gia tăng số lượng phim thời sự đặc biệt v.v.. còn có việc hoàn tất trước Tết Canh Tuất 11 phim tài liệu và truyền đã thực hiện dở dang từ 1967-68: *Một chuyến đi Nhân dân tự vệ, Cô gái diên; xin nhận nơi này làm quê hương; Lá cờ; Xuan về trên đất Việt; Mưa rơi trên nước mắt, Trên đường xây dựng, Chiếc đèn xếp, phòng ngừa bệnh tả liệt; Phương pháp mẫu giao.* Trong những phim trên đây *Xin nhận nơi này làm quê hương* do Hoàng Vinh Lộc đạo diễn sẽ được chiếu trong buổi hội thảo về: « Tìm một lối thoát cho Kỹ nghệ Điện ảnh V.N. phát triển » được tổ chức vào 17/7/69.

Ngoài ra còn khởi sự thực hiện 7 phim tài liệu và truyện: *Tuổi thơ trong khói lửa; Hội họa Việt Nam; Hiểu biết với nghệ thuật; Ai bạn ai thù; Chiếc ná cao su; Trăng thu của em; Gã từ bóng tối; cứu xét việc phóng tác truyện « Củi mặt » của Bùi Đăng để thực hiện thành một phim truyện dài 90 phút v.v.*

Sang năm tới đây : phim thời sự hàng tuần sẽ gồm đủ tin -hiến sự, sinh hoạt nhân dân, sinh hoạt Việt kiều, tin quốc tế, mỗi phim có thể tăng từ 10 phút lên 20 phút và số phở bản 35 ly tăng lên 90, số phở bản 16 ly tăng lên 250. Sẽ sản xuất 2 tuần 1 phim ngắn, mỗi tháng 1 phim tài liệu, mỗi tam cá nguyệt 1 phim truyện dài 90 phút. Sẽ xây cất 1 phim trường. Sẽ tổ chức cuộc thi sáng tác truyện phim. Sẽ tiến tới cải tổ nha Nha Điện ảnh thành cơ quan tự trị, mở rộng hoạt động ra mọi dịch vụ có liên quan đến điện ảnh trên bình diện quốc gia và quốc tế : sản xuất, xuất nhập cảng, phát hành chiếu phim.

Đối với kỹ nghệ điện ảnh, Nha Điện ảnh khuyến khích và giúp đỡ các nhà sản xuất điện ảnh V.N tham dự các đại hội điện ảnh quốc tế, xin bộ Tài-Chánh giảm thuế hí cuộc và miễn thuế cho thuê phim và thuế sản xuất cho phim V.N. Sau đó soạn thảo chánh sách điện ảnh hậu chiến, đệ trình Quốc-hội một đạo luật về điện ảnh (thay thế Dự 17), tìm thêm thị trường cho phim V.N, giúp vốn cho các nhà sản xuất phim V.N, thành lập một Thư viện điện ảnh, thành lập một Trường Cao đẳng Điện ảnh quốc gia hay một Phân khoa Đại học Điện ảnh thuộc Viện Đại học Saigon.

THẾ NHÂN thuật

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CỔ ACIDE GLUTAMIQUE





*khởi vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071. BYT

Park Lane

Park Lane

VIRGINIA
KING SIZE

Thật nơi đến được
khi tặng nhờ:

ĐẦU LỘC

M.C. CHOLON

THƯ LÂM ẮN THƯ QUAN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUAN

B a y c a o

Tiếng la hét, cười đùa của lũ trẻ mỗi lúc một gần. Chị Lan đẩy nhẹ cánh cửa nhìn ra đường. Nắng buổi chiều chùng như loãng ra, nhạt nhòa trong không gian. Trên đường, đám trẻ con thay nhau vừa chạy vừa vòng quanh thằng Vui điên, vỗ tay âm ỉ. Thằng Vui ở trần trũng trực, mặc một chiếc quần đùi, thủng thính vừa đi vừa ăn một mẩu bánh mì cầm tay. Nó nhìn đám trẻ cười toe toét từng lúc để lộ những chiếc răng vàng khè. Tiếng trẻ con lao nhao :

— Ê, Vui điên

— Vui điên ăn cắp bánh mì, tụi bây ơi.

— Vui điên, vui điên, hát đi.

— Ủ, hát đi, hát đi:...nè. nè.. « mì nóng bọp dòn, ăn chon cái rụm, cắn cùm kêu cắc, chõng... »

Đám trẻ càng la hét lớn hơn khi tiếng thằng bé tiếp tục bài hát tục tĩu mà thằng Vui điên thường hát. Chị Lan đỏ mặt, khép vội cánh cửa, leo xuống giường. Giấc ngủ chiều nào cũng thật mệt mỏi. Chị Lan cảm thấy thân thể mình như nhão đi. Đôi mắt cay cay, nặng sùm sụp. Mồ hôi rịn rịn trên trán, chị Lan không muốn nằm ngủ nữa, vì hễ chớp mắt một chút là chị mê đi, mơ thấy

toàn những hình ảnh quái dị, ghê rợn. Chị Lan vuốt tóc đứng dậy. Hình chị phản chiếu trong tấm gương lớn của chiếc tủ áo quần trước mặt, phờ phạc. Chị sững sờ thấy mình xa lạ với mình quá sức. Đôi môi như trệ hẳn xuống. Da mặt không phấn son trông cằn cỗi đi thật nhiều. Mái tóc lòa xòa. Không trang điểm, chị Lan nhận ra sự thảm hại đến với mình một cách tàn bạo. Mái tóc che nửa khuôn mặt kiêu của một nữ ca sĩ, lớp kem nuôi da mặt thượng hảo hạng như lời khuyên của một tờ báo, nước nhỏ mắt long lanh, bút chì đen kẻ dưới mi mắt trầm buồn... tất cả không đủ khuất lấp sự tàn tạ đang gặm mòn dần. Chị Lan cố gắng đuổi theo cái tuổi trẻ, níu với cái tuổi trẻ đang càng ngày càng xa chị. Lúc nào, chị cũng hoảng hốt nghĩ rằng chị đã già, già hẳn rồi. Ý nghĩ đó khởi đầu bằng một sự lo âu, rồi dần dà, trở nên một nỗi ám ảnh thường trực. Nhiều lần chị không dám nhìn bóng mình trong gương. Chị muốn yên tâm rằng mình vẫn còn duyên dáng đủ để lôi kéo cái nhìn của một người đàn ông nào đó. Một người đàn ông, quả là một ảo vọng tầm thường, nhưng với chị chị, cảm thấy như là một cái gì nằm thật xa ngoài tầm tay chị. Không phải là không

có người đàn ông nào đến với chị. Chị đã gặp, đã quen nhiều người đàn ông, nhưng họ vẫn như một cái bóng loáng thoáng, chập chờn trước mắt chị để rồi mất hẳn. Anh Tồn, anh Lượng, anh Kiều, anh Chiêu, tất cả đều lần lượt xa dần trong nỗi mơ ước, thao thức của chị. Anh Tồn về Phú thứ cưới vợ. Anh Lượng đi lính biệt tăm không thư không từ. Anh Kiều, thì từ ngày bị bà vợ ở dưới làng lên khóc lóc, xỉ vả, không còn dám đến thăm chị. Anh Chiêu thì bỏ lên Pleiku làm ăn nghe đâu đã cưới vợ năm trước. Những lời nũng n' n tha thiết cùng với những lời hứa hẹn nửa vời dần dần tan loãng như gió thoảng. Lúc nào chị Lan cũng cảm thấy mình lạc lõng hẳn đối với người chung quanh. Mọi người như đều có những liên hệ thân thiết để sống. Còn chị, chị không có một liên hệ thân thiết nhỏ bé nào đủ để chị thoả mãn. Chị có tình thương của mẹ chị, tình thương của anh Xuân, của thằng Lộc, nhưng chị vẫn nghi những tình thương đó quá tất nhiên, nên có vẻ thừa thãi. Trong nỗi khao khát thầm kín của chị, chị muốn có một người đàn ông yêu chị chân thành để chị khỏi thấy tủi hổ với người chung quanh. Hai mươi bảy tuổi mà không có người yêu là điều chị hết sức ảm ức. Nhất là khi một người quen nhìn chị, chị có cảm tưởng như người ta đọc rõ cái ước-ước, trông đợi từng ngày của chị. Chị thấy thật xấu xang.

Đã nhiều lần, nhất là sau lần anh Lượng hứa hẹn đủ điều với chị rồi bỏ đi lính đâu biệt tăm biệt tích, chị đâm ra nghi ngờ giọng lưỡi rỗng rỗng của đàn ông. Có điều, nghi ngờ thì nghi ngờ, mà sự có đời càng ngày càng lớn lại vẫn bề bộn làm chị không sao sửa với những

lời hứa hẹn khác. Lần đầu tiên, khi anh Kiều ôm riết lấy chị trên mái hiên, chị hấp tấp xô ra. Nhưng rồi chị vẫn xao động với những lời lẽ nũng nần của anh Kiều. Anh nói là chắc chị cũng biết anh có vợ và hai đứa con rồi, nhưng không hiểu làm sao anh thương chị quá, anh kèm chế lòng mình không được nên phải nói thẳng. Anh cũng nói anh biết thế là không phải, nhưng chắc anh thương chị cũng là vì định mệnh do ông Trời sắp đặt. Anh chán vợ anh lắm rồi. Anh hứa là nếu chị thật lòng thương anh, anh sẽ tìm mọi cách để cưới chị đàn ông hoàng. Hôm đó chị thật xúc động, nóng bừng cả người nằm trong vòng tay anh Kiều. Chị hoàn toàn tin ở anh Kiều. Có hôm, hai người đã cùng nhau thề thốt trước bàn thờ nhà chị. Sau đó, chị cắt một mớ tóc bỏ vào cái hộp tròn vốn dùng cất vòng vàng, gửi cho anh Kiều để chứng tỏ sự chân thành của lời thề thốt. Cuộc tình duyên giữa anh Kiều và chị kéo dài được chừng năm tháng thì chị được tin vợ anh Kiều từ dưới làng bỗng con lên khóc lóc, xỉ vả anh Kiều. Có nửa tháng chị không gặp anh Kiều. Một hôm, tình cờ chị gặp anh giữa đường. Chị định nói với anh Kiều thật nhiều điều, hỏi thật nhiều điều, nhưng anh Kiều trả lời bằng quơ vài ba câu rồi hấp tấp bỏ đi. Chị đứng ngẩn người, nước mắt chảy ròng-ròng. Không lúc nào chị thấy cay đắng hơn lúc ấy. Chị bỏ ăn suốt mấy ngày, khóc sưng húp hai con mắt. Chị cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng. Hình ảnh những đêm hẹn hò với anh Kiều ám ảnh chị từng lúc. Chị nhớ những lần như thế, anh Kiều ôm sát lấy chị, chị ngáy ngất nghe hơi đàn ông là lạ tỏa vào mặt. Lúc đó, chị không còn nhớ là anh Kiều

đã có vợ, không còn nhớ những trở lực lớn lao trước mắt.

Chị Lan chải lại đầu tóc có một mái úp úp một nửa khuôn mặt, kiểu tóc chị vẫn nghĩ sẽ làm chị trông trẻ ra. Chị thoa nhẹ một lượt phấn hồng trên má. Ngắm nghía mình một hồi trong gương, chị Lan lưỡng lưỡng đi ra sân. Ở ngoài đường, lũ trẻ con vẫn vây quanh thằng Vui điên chọc ghẹo, la hét. Chị Bê ở nhà bên kia đường bỗng con đi vào nhìn chị cười hề hã :

— Chà, cô Lan mới ngủ dậy đó hả. Bữa nay trông tươi tắn hẳn ra, Định đi đâu vậy cô ?

Chị Lan ngáp dài, cười buồn buồn :

— Không, có đi đâu đâu. Trưa ngủ dậy mệt trong người quá.

Chị Bê ngồi xuống thềm mái hiên, nựng đứa bé, hôn chùn chụt, nói với chị :

— Cô Lan trông nè, thằng cu-ba bữa này béo quá trời, lại bắt đầu tập nói nữa cơ ơi. Nó gọi ba ba, mạ mạ cả ngày. Thấy chú Uân nó về, nó cũng « ba ba », nó tưởng ba nó về đó chị. Chị Bê lại hôn lên mặt đứa bé nói giọng chả chớt : Tuần sau ba mới về cu-ba ơi. Ba đi Đà-lăng bữa mô về ba mua cho cu-ba bánh với đồ chơi nghe.

Chị Lan hỏi :

— Anh đi Đà-lăng chi vậy chị ?

— Đi tái khám sức khỏe đó cô. Khám lần trước được hoãn đi lính nửa năm, bữa nay hết hạn lại đi khám. Nè, cô biết không, anh nhịn ăn gần cả tuần cô Lan ơi, anh còn thức ngủ nữa Tội nghiệp ! Nhưng biết sao cô phải làm thế mới rút ki-lô để lại được hoãn nữa, không

thì tháng tới phải nhập ngũ rồi. Nghe chú Uân nói mà thương, đi hoh cực quá trời ! Chú Uân chú mới ra trường mà đánh hai trận rồi đó cô Lan. Chú kể chuyện nghe ghê quá sức.

Chị Lan lơ đãng nhìn phía trời xa. Chị chợt nhớ đến anh Chiêu. Anh Chiêu đi trận bị thương (v) hai ngón tay nên được giải ngũ về. Giữa lúc chị đang khổ sở vì vụ anh Kiều thì chị quen anh Chiêu. Nhưng chuyện hai người chưa đến đâu thì anh Chiêu bỏ đi Peiku làm ăn miết đến bây giờ không về. Chị Lan nhìn chị Bê hỏi :

— Uân về hồi nào vậy chị ? Nghỉ phép hả ?

— Mới về hồi trưa này. Nghỉ được một tuần rồi đi Bến Hải. Thế nào chú cũng ghé thăm bác và cô Lan. Chú mới hỏi rồi cô Lan có bình an không đó.

Uân nhỏ thua chị Lan hai ba tuổi gì đó. Uân là thợ may đồ Tây của một tiệm ngoài phố Sau biển cổ Tết. Uân bị gọi đi lính. Trách thành, Uân viết thư về cho chị nói ở quân trường cực khổ nhiều lắm nhớ chị lắm. Chị nghĩ đến Uân với ít nhiều xao xuyến. Hôm Tết, gia đình Uân qua ở mấy ngày tại nhà chị Chị Lan nhớ rõ đêm đó, nghe pháo kích, mọi người đua nhau chạy xuống hầm núp. Chị lật đật nhảy đại xuống một cái hầm cá nhân vừa đào buổi chiều thì thấy Uân đã ngồi thu mình ở đó. Chị ôm chặt lấy Uân, run lẩy bẩy nghe từng trái đạn xé gió vi vu bay ngang rồi nổ ầm ầm. Uân cũng ôm lấy chị thở phè phào, dứt khoảng. Khi yên tĩnh trở lại hai người còn ngồi một chặp ở hầm rồi mới vào nhà.

Chị Bê nói chuyện con cà con kê lằng nhằng một lát rồi bỗng con về Chị Lan

trở vào nhà. Chị cảm thấy buồn bực trong lòng. Những ước mơ của chị theo nhau vỡ tan như bọt nước. Cái hạnh phúc tầm thường của chị Bê vậy mà sao xa cách chị quá chừng. Trước đây, chị vẫn thường bêu môi chê chị Bê người béo phệ, xấu xí không làm sao má có chồng được. Bây giờ chị lại thấy thèm muốn được như chị Bê, có một ông chồng tuy cục mịch nhưng biết thương vợ, ba đứa con ngày ngày ngả nón đùa giỡn. Càng nghĩ tới những tháng ngày dài nối tiếp nhau một mình một bóng, chị càng buồn tủi muốn khóc mãi. Như O Tâm, bốn mươi hai tuổi không chồng, ngày hai buổi lui thủ đi làm ở sở thông tin. Nhưng O Tâm đã quá lớn rồi. Chắc O cũng yên phận mình. O không có chồng vì hồi còn con gái, O kén cá chọn canh, chê hết đám này đến đám nọ, để đến lúc quá thì, không ai lưu ý. Còn chị, chị đâu có kén chọn gì. Hai mươi bảy tuổi đầu, bao chờ đợi đều tàn dần theo mấy cuộc tình duyên vô tích sự. Hy vọng của chị một ngày một mỏng manh. Thời buổi này trai thiếu gái thừa. Mỗi lần có ai nhắc gần nhắc xa gì đến chuyện chồng con thì chị xót xa y như trong ruột có con gì còn cào cắn xé. Lần thần nghĩ ngợi chị càng cảm thấy đời mình bấp bênh như con thuyền giấy nổi trôi trên mặt ao mà hồi nhỏ chị say sưa chơi.

oOo

Ăn cơm xong, chị Lan lúi húi ngồi rửa chén, thì thấy Uân đến, cười lớn :

— Chị Lan giỏi quá ta.

Chị giựt mình lúng túng nhìn lên :

— Trời, vậy mà tui thất kinh, cứ ngỡ...

— Ngỡ cái gì chị ?

— Cứ ngỡ ai chớ. Uân bữa này linh tráng trông oai quá há. Đen mà khoẻ mạnh thêm. Uân vào nhà chơi đã. Lát tui sẽ vào.

Uân đi vào, giầy linh giậm trên nền nhà kêu lộp cộp. Chị quay nhìn theo Uân và chợt thấy có một cảm giá nôn nao là lạ. Bên ngoài, bầu trời sáng thật sáng. Ánh trăng lấp lánh rạng rỡ ở ao nước sau vườn. Tự dưng, chị thấy mang máng nhớ những ngày còn nhỏ ở làng, đêm sáng trăng nào cũng chơi đùa quên cả chuyện đi ngủ. Hồi đó làm gì có những nỗi buồn như bây giờ. Nhiều lúc, chị ao ước được nhỏ hẳn lại. Khi nghĩ ngợi bâng quơ về chuyện chồng con. Khi đau khổ với mấy cuộc tình duyên đổ vỡ. Khi lo âu chuyện xấu chuyện đẹp. Chị nhớ năm mười bốn, mười lăm tuổi gì đó, có mấy người ở làng bên kia đập qua dạm hỏi chị. Chú mạ chị hỏi ý chị, chị thấy tức cười, dấy nảy bỏ đi. Lúc đó, dường như chị chẳng để ý đến một người con trai nào cả, ngày nào cũng chỉ biết chơi đùa. Sau khi chú chị bị bệnh chết, gia đình chị dời lên phố ở, chị mới bắt đầu thấy mình lớn. Thình thoảng, quá buồn cho số phận, chị chợt có ý nghĩ muốn bắt chước Sương, lên chùa đi tu hẳn. Đời là bề khổ thật. Hồi còn là bạn gánh rau đi bán ở chợ làng, Sương thường nói mãi với chị Đức Phật dạy thế. Chủ nhật nào Sương cũng đi họp dưới chùa, rằm, mồng một nào cũng ăn chay. Sương thường tỏ vẻ chán chuyện chồng con.

Sương nói là chồng gì mà cưới được một năm, hai năm, nhiều khi được có vài ba tháng, vợ mới có mang, thì lại nghe tin chồng chết đâu tặn trong Nam, tặn ngoài Bắc.

Chị Lan đôn người đứng dậy, bưng rổ chén đội cát vào siêng. Ở nhà trên có tiếng nói chuyện thật ồn ào. Chị đi lên, thấy Uân ngồi trên ngựa kể chuyện lính tráng với thằng Lộc, em chị, và bốn năm thằng bé trong xóm. Cả bọn chăm chú nghe Uân nói chuyện đánh nhau với Việt Cộng. Chị Lan vừa chải tóc vừa nghe. Thằng Bính, con bác lý thợ mộc, rụt rè hỏi :

— Cây súng chi mà kêu là mười lăm mười lăm đó bắn đã lắm hả anh ? Anh có bắn súng đó không ?

Uân cười giảng giải.

— Cây súng đen đen dài dài mà ở đây mấy thằng Biệt động quân mang chứ gì. Súng AR-15 đó mày. Ui chao, súng đó thì bắn hết chỗ chề. Mày biết không, đạn AR-15 phá dũ lắm. Trúng ai là viên đạn xoáy nát trong người rồi mới ra khỏi. Mà bắn ra-phan sưng tay lắm. Bóp cò một cú là bay ra có cả mấy chục viên. Việt-Cộng ngán thứ súng này lắm.

Giọng thằng Mão, con anh Chiêu cảnh sát :

— Rứa đi hành quân anh có mang súng AR-15 không ?

— Sao không. Hôm hành quân ở Điện Bàn, một mình tau bắn chết có cả chục thằng. Tau núp ở sau tảng đá, thấy thằng Việt Cộng nào chạy ngo ngo ngang là tau làm ngay một loạt, gục liền. Đứa nào cũng chếp miệng chặc chặc. Một thằng nói :

— Thằng nào anh cũng làm một băng mấy chục viên luôn à ?

— Chứ sao !

Thằng Lộc lên tiếng hỏi :

— Súng AK của Việt Cộng với Súng AR-15 của mình, súng nào hay hơn anh ?

Uân cười :

Mày ngu lắm. Sức mầy mà súng AK hơn được súng AR-15 của Mỹ chế được mày. Súng đó bên Trung cộng bỏ rồi nên cho tụi Việt Cộng đó. Đều tau công nhận mấy khẩu B-40 của Việt cộng thật dễ sợ. Tụi hăn thụt một trái là xe tăng cháy tiêu hà. Nhưng mà lo gì, bên mình có M-72, M-79 cũng ngon lắm tụi mầy ơi.

Đức bé nào cũng nghe Uân nói chuyện với một vẻ khoái chí. Thằng Bính lại hỏi :

— Nè, anh, mấy lần anh hành quân, Việt cộng chết nhiều không anh ?

— Hừ, khỏi nói, chết nhiều lắm.

Chị Lan nói lớn :

— Nè mấy đứa bây hôm Tết nghe súng bắn, người chết. chạy núp hầm núp hố không đã rồi sao mà cứ hỏi chuyện súng chuyện đạn hoài.

Uân và mấy đứa trẻ cười. Thằng Lộc nói :

— Chuyện đánh nhau vui lắm chị Lan ơi.

Chị Lan bỏ đi ra ngoài. Trời sáng trắng thật đẹp, nhưng không có ai ngoài đường. Độ này thành phố vẫn còn giới nghiêm sớm, nên khoảng tám giờ là nhà ai cũng lo đóng cửa ngủ. Con đường trước nhà ngập cả ánh trắng, yên tĩnh. Nhưng cây nhãn, cây phượng hai bên đường bị gãy đổ hết từ hôm hai bên đánh nhau và máy bay thả bom. Con đường vì thế càng rộng ra và cũng càng có vẻ tiêu điều thêm.

Chị Lan nhớ đến những xác người

nằm vất vờ ở ng suốt dọc con đường hôm chạy gĩa về mà ơn ơn sau gáy. Lúc đó, chị và thằng Lộc đi quanh vườn nhìn mấy cái hầm Việt cộng đào mà cứ lo sợ gặp phải xác người nằm chết đâu đó. May là không có xác nào. Ở góc vườn thim Minh, có đến mười bốn cái mà mới chôn. Ngay sau nhà bếp anh Chiêu thì có hai người chết sinh thúi, cả xóm phải góp công mang đi chôn đặng miếu. Có một tháng trời sau lúc về lại nhà, ban đêm, chị Lan và thằng Lộc không dám đi ra ngoài, cũng chẳng dám hé cửa nhả ra. Thằng Lộc mang một cái lon vào trong nhà mỗi đêm để đi tiểu. Nằm ngủ mà nghe một tiếng động khẽ cũng lạnh cả người.

Chị Lan đến ngồi ở mái hiên, nói vọng vào trong.

— Tụi bây lo mà về nhà. Chút nữa giới nghiêm đi bậy bạ ngoài đường lính bắn đá.

Một lát sau, tụi trẻ con trong xóm lần lượt rủ nhau ra về. Uân đến đứng dựa lưng vào cột trụ mái hiên hỏi chị Lan:

— Độ này buổi quá hả chị. Giới nghiêm hơn giới nghiêm mãi.

Chị Lan nhìn lên trời nhẹ nhẹ. Trông bộ quân phục, Uân như gà hãn đi. Tóc hớt ngắn, nước da rạm đen. Uân hút thuốc phi phi. Chị nói:

— Uân bữa này ngó lạ hoắc. Gặp giữa đường chắc tui nhìn không ra. Hút thuốc dữ há.

— Đời lính rồi mà chị. Sao, chị có chuyện chi vui không?

— Chẳng có chi vui Uân ơi.

Chị cúi xuống, cảm thấy bức rức. Chị mà làm gì có chuyện vui. Lúc nào cũng

một mình một bóng. Chị chột thở dài. Uân nói:

— Hôm tui viết thư về cho chị, chị đọc có thấy tức cười không? Mấy bài thơ tui làm tặng chị đó có còn không?

— Răng lại tức cười. Mấy bài thơ của Uân tôi còn cất trong rương. Lúc buồn đem ra đọc lại cũng thấy vui vui.

Uân lặng lẽ nhìn lên trời, chốc chốc lại nhả từng vòng khói tròn tan loãng trong không. Chị Lan chú ý đến cái cục xương ở cổ Uân di động lên xuống lên xuống. Chị vẫn thường nghe người ta bảo ai có cục xương đó lớn thì ít thọ. Tự dưng chị rung mình khi nghe rằng bây giờ Uân đã là lính, vài hôm nữa hết phép lại đi đánh nhau.

Một lát, Uân nói:

— Chị Lan nè, những ngày tui đi lính vậy, có khi nào chị nhớ tui không chị?

Chị Lan im ắng. Chị không biết trả lời sao. Uân lại nói:

— Sao chị, chị không nhớ tui chút nào hết chứ gì! Còn tui, nhiều đêm nằm ngủ nhớ nhà không chịu được, lại nhớ chị thiệt nhiều, nhớ mấy bữa chiến tranh...

Chị Lan chợt có cảm giác nôn nao khó chịu. Uân nhắc làm chị nhớ lại đêm pháo kích, chị ôm Uân run rẩy ở hầm núp cá nhân. Chị nhớ rõ lúc ấy, lẫn trong sự sợ hãi, chị cũng cảm thấy thích thú. Uân lại hỏi:

— Sao, chị Lan, chị ghét tui lắm hả?

— Đâu có.

Chị trả lời thật nhỏ rồi đứng dậy. Uân vẫn đứng dựa vào cột trụ hút thuốc. Tự dưng, chị cảm thấy bồi hồi lo lắng, không hiểu lo lắng cái gì. Chị nói qua hơi thở:

— Thôi Uân về. Tôi vào đã khuya rồi

Chị hấp tấp đi vào. Chị loáng thoáng nghe Uân gọi khẽ « Chị Lan. Chị Lan ». Lúc nhắm mắt cố ru dỗ giấc ngủ, chị có cái cảm giác là lạ trong người chen lẫn với một ít tiếc rẻ.

xXx

Chị Lan không ăn cơm tối. Chị nằm miết trên giường từ lúc chiều. Khi tiếng Lộc lên gọi, chị bảo chị nhức đầu. Thăng Lộc nhìn chị chần chừ, rồi hỏi, giọng ái ngại :

— Chị khóc hả chị Lan, có chuyện chi rứa ?

Chị cau có nhìn nó, nạt :

— Đi ăn cơm đi. Mày biết chi mà hỏi han. Lẹu hồn đó !

Thăng Lộc đi rồi, chị mới cảm thấy sự gay gắt của mình thật vô lý. Luôn luôn, chị cảm thấy trong người xót xa, nên sinh ra khó chịu với mọi người. Chị khóc ầm ức từ chiều, nước mắt nhỏ ướt cả gối. Chị nhớ lại lúc mấy người lính gác trên cửa hữu ghé tạt vào nhà chị xin nước uống, chị đang ngồi giặt ở trước sân. Chị vẫn cầm cúi vò áo quần không nhìn lên. Lúc cả mấy người đi ra đến ngang cửa ngõ, chị nghe loáng thoáng họ bàn tán với nhau. Một người nói : « con bé ngồi giặt đó con bà chủ nhà hả mày ? Tao định chào một cái mà con bé cứ cúi mặt xuống ». Một người khác cười « Trời ơi, chào làm gì mày, già rồi đấy. Hăm sáu, hăm bảy tuổi mà chưa có chồng đó. Hăm gì cho nhọc xá ». Con gận đến với chị Lan một cách bất ngờ, đẩy ấp, rồi cuối cùng biến thành một sự buồn tui, khổ sở. Chị bỏ cả thau áo quần vào nhà lán. Đúng là chị đã già rồi, già thật rồi.

Không ai thêm lưu ý đến chị nữa. Chị khóc như chưa từng được khóc. Chị cảm thấy mình lạ : ống hẳn, thừa thãi hẳn. Có lúc, chị n.ồi dậ / lấy ống thuốc đau đầu định uống hết một hơi cho xong, nhưng cầm ống thuốc trong tay, chị ngần ngại không dám uống. Chị lại nằm xuống, chồn vờ trong một nỗi khát khao tâm thường, nhưng khó tìm thấy. Chị nhớ thật rõ nụ cười duyên dáng của anh Tồn, cái khuôn mặt trắng trẻo của anh Lượng, cái vòng tay mạnh bạo của anh Kiều ... Chị say sưa sống lại những hình ảnh mơ hồ của những ngày đã qua. Con mê chấp chồn, ray rứt...

Đến lúc chị tỉnh dậy, ánh trăng sáng lọt qua khung cửa sổ chiếu trên giường. Chị Lan nhìn thấy rõ nước mắt loang trên gối thành những vết bẩn. Cả nhà dường như đã ngủ kỹ. Chị trở dậy mở cửa bước nhẹ ra ngoài. Đêm thật yên tĩnh. Gió hiu hiu thổi thoáng qua làm chị thấy trong người dịu lại, dễ chịu. Chị ngồi xuống hẻm mái hên nghi ngại, vẫn vờ. Chợt chị thấy có bóng người đi vào Chị giật mình, định bỏ chạy vào nhà, thì bóng người khoác tay, đứng lại, chị nhận ra Uân. Uân đến ngồi xuống thêm. Chị hỏi :

— Trời ơi, Uân, đi đâu giờ này vậy ? Giọng Uân buồn buồn :

— Buồn quá chị Lan ơi. Nghĩ chi vẫn vợ ngủ chả được. Mai một phải đi lại rồi.

Chị Lan âm ừ trong cổ. Uân ngồi im lặng, dáng suy nghĩ. Chị nhìn Uân và bỗng thấy trong lòng lại rộn rạo. Chị muốn bỏ vào nhà, nhưng rồi cũng muốn ở lại Uân cúi sát bên chị nói :

— Tui hơi thật chị nhé. Tui đi rồi chị có nhớ tui không ?

Chị Lan đáp thật nhỏ.
— Nhớ chứ sao lại không.
Uân nói, giọng hấp tấp :
— Thiệt không chị Lan

Chị Lan im lặng, tay mân mê vạt áo. Người chị nóng ran. Uân đột ngột xích lại gần chị, một tay vòng sau lưng chị. Chị nghe rõ Uân nuốt nước miếng, hơi thở dập dồn. Chị cũng cảm thấy cổ mình khô đi, hai bàn tay chợt run rẩy. Chị nhích người sang một chút, tránh Uân. Nhưng Uân bỏ người về phía chị, kéo chị giữa vòng tay. Trong một thoáng, chị nhớ vòng tay anh Kiều. Chị muốn xô Uân ra, nhưng chị vẫn không làm được. Chị yên lặng, nhưng cảm giác hỗn độn dâng lên trong cơ thể. Uân hấp tấp hôn lên tóc, lên má chị. Giọng Uân nghe thật mơ hồ :

— Lan, Lan thương Lan lắm.

Cuối cùng chị không nghe gì nữa. Chị có cảm tưởng như mình chơi vơi trong một khoảng không nào đó, vừa xa lạ vừa êm dịu. Hơi thở Uân phả vào mặt, nóng hổi. Mùi mồ hôi, mùi da rám nắng, mùi đàn ông là lạ trộn lẫn làm chị ngây ngất. Những âm ức, túi hồ của buổi chiều như tan loãng

ra. Chị nhắm nghiền mắt lại, không biết rõ là mình đang ước mơ cái gì nữa.

xXx

Chị Lan cố gắng ngồi dậy. Đôi mắt vẫn nặng trĩu trĩu. Chị nhướn mắt lên. Hình chị phản chiếu trong gương phờ phạc, cần cỗi. Nước dãi khô đi tạo thành một vết trắng bên khóe miệng. Chị đứng dậy đẩy cánh cửa sổ nhìn ra đường. Nắng nhạt nhòa. Bầu trời đầy cả mây trắng. Chị Bê sang nói Uân đã đi hồi sáng sớm. Từ hôm đó, dường như Uân cố tránh gặp chị. Ngày đi, Uân cũng không nói với chị một lời nào. Chị lại thấy xót xa. Thêm một người nữa đến với chị rồi bỏ đi, không duyên do, không hứa hẹn. Chị có cảm tưởng như sẽ không bao giờ gặp Uân nữa. Chị nhớ đến cái cục xương lồi trên cổ của Uân, nhớ đến hai chữ "hận đời" và quả tim bị đâm thủng bởi một mũi tên được xăm trên cánh tay Uân. Chị rùng mình. Biết đâu lần này Uân không bao giờ về nữa. Mà nếu có về thì chị cũng chẳng hy vọng gì hơn. Những mơ ước của chị bay cao bay cao mãi, rồi mất hút như một tảng mây trắng nào đó ở phía trời xa.

TRẦN DOÃN NHO

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

THANH XUÂN

Thơ ĐẶNG-TẤN-TƠI

Khua ngồi nhớ em
Nhớ thêm con sáo
Hót buổi đầu đông
Hăng hái trong lòng
Treo bên cửa sổ

Nhớ em nhớ quá
Xa đã cách xa
Làm sao thấy lại
Cánh đồng tháng ba
Cần trơ gốc rạ
Những chiều rong chơi
Thần thơ khắp đồng
Ra ngồi ngắm sông
Lòng cùng nước chảy
Nhìn đôi đường sắt
Buồn chạy song song
Qua từng ga xép
Gạch ngói tan hoang
Sầu un tro tàn
Nắng đỏ chiều vàng
Lòng trống mang mang
Niu trong mây trắng
Tìm nghĩa thanh xuân

Rơi giọt lệ mừng
Xiêu bóng nghĩa trang
Đời bay ý mọn
Đuôi chiếc lá bàng
Ngoài cõi lang thang

Khuya quá nhớ em
Nhớ thêm con gà
Nhớ thêm giếng nước
Nhớ cả hàng cây
Quần quanh đường nhỏ
Mai kia ai ngờ
Lòng cũ như mơ
Lên con tàu mới
Chạy về ban sơ
Niu song cửa sổ
Khóc ròng cảnh xưa

Mai một anh về
Nghe chim mừng hót
Trên cành gió đưa
Đêm trắng mười sáu
Biết em có ngờ
Anh còn trở lại
Bên em ngày xưa

Khóc Nguyễn Nho Như

Thơ HA-ĐÌNH-THAO

tao như giọt mưa buồn trên chiếc lá
mây như giọt sương hiu hắt đêm khuya
cùng một trái tim mang nguồn máu lạ
chảy suốt đời mình giống thơ bao la

tiếng đến với nhau ngày mưa tháng nắng
chung tuổi học trò búp nở mùa hoa
nửa cuộc chưa tròn sao đành lỡ hẹn?
mây sớm tìm về cõi lạ nào xa?

có nhớ cùng không, ở đây hay đó?
đời vẫn vô tình như buổi sớm mai!
mây đã ra đi không lời bày tỏ
trăm ngọn buồn phiền tao đốt cho ai!

xin thấp tình này trên vương đất mới
mây có u hoài trong cõi xa xăm?
(địa ngục thiên đàng cho tao gửi lời)
một lời cuối cùng: thương kiếp trăm năm!

(Trầm-Hương)

Hoàng hôn của một người

Thơ UYÊN-HÀ

(Thơ cho Nguyễn Nho Như)

Con qua đến buổi chiều trên đồi kêu,
Giấc ngủ ai miên trường bên lưng đeo
Gót đau thương ngọt ngào ngoài lưng xa,
Đêm vô tình giăng những vì sao sa.

Nói với Luân-Hoán

Thơ TƯỜNG-LINH

Từng hẹn cùng về như những kẻ hành-hương
Thua nhân tuổi hoa giữa sông nhân-thế
Như sức bốc lên của loài bọt bề
Thành mây
Mưa xuống nguồn xưa.

Bởi hồn ta vương mắc bóng quê thơ
Núi cháy, sông khô vẫn chờ vẫn đợi
Đất im tiếng, đất không lời nhắn gửi
Mấy mươi mùa khan giọng đếm chia-ly
Bao người trai xứ Quảng đã ra đi
Bao người trai xứ Quảng đã không về
Bao người nữa quay cuồng trong bão lốc
Xin tụ-hội một lần, xin được khóc
Xin được thả tình lên đỉnh Hải-Vân
Nhìn những bình-sa lớp lớp trắng ngần
Viền xứ sở ôm hình-hài châu-thỏ
Xin nhận-diện một quê hương trăm đau ngàn khổ
Lửa rục trường-kỳ
Triền dâu Thu-Bồn, hay đá núi Trà-My,
Quế Tiên-phước, hay bòn-bon Đại-Lộc...
Có khác chi nhau :
Tan vàng, nát ngọc !
Lũ chúng ta
Chưa một lần được khóc
Cho thoả tình với đất
Phải không Châu ?

Ờng hẹn cùng về trong toan-tính mai sau
Còn những đôi chân chưa hề biết mỗi
Chúng ta bước trên hoang-tàn, đá sỏi
Thăm lại quê xưa từ biển tới nguồn
Thăm lại từng người, từng ấp, từng buôn
Như một bầy chiên trở về đất thánh
Trong thương-tiếc, ngậm-ngùi
Có niềm kiêu-hãnh
Đất sa-trường hoa nở lúa sơ-khai
Tiếng thơ ngân loang-loáng bóng sông dài
Hùng-vĩ Trường-Sơn
Xanh rờn sóng mạ
Lòng rộn-rã mừng cây rừng trở lá
Mùa-lấp-giếng-bom băng thương-tích cho đồng
Mùa-hát-tao-phùng xoa dịu thương-mong...

oOo

Nói gì nữa với Châu ?
Còn giữ hẹn cho ngày mai đang tới ?
Và sẽ còn bao đôi chân chưa mỗi
Trong bầy trai xứ Quảng hứa nhau về ?
Một chiều
Như tỉnh
Như mê
Tôi cảm thấy đôi chân mình nhưc buốt
Lòng tôi ngập nhiều lý-do chua xót
Khi được tin Châu :
Một chiếc chân đã mất
(Trong thơ buồn nghe tiếng máu xôn-xao !)

oOo

Nếu kẻ địch hôm nào
Bắt Châu gục xuống
Tôi sẽ nói ít hơn
Chỉ mấy tiếng thăm ; mình thêm cô-đơn !

T.L.

Sông sâu cũng lội

Sông sâu cũng lội
Lở rào cũng qua ..

Nước. Nước lên quá háng. Nước mân mê cơ thể một cách kỳ cục. Nước làm đôi mắt nhắm lại và sưng sờ trong giây phút. Nước lấp lửng lên tới ngực. Đôi gót chân nhón lên. Thân người rẽ nước, cuống quít hướng về bên kia bờ sông. Hai cánh tay nâng súng đưa lên trời. Giây nịt đạn choàng quanh cổ. Tôi lội, và bỗng nhiên rộn ràng với nỗi sung sướng không đâu. Tiếng rộn rã của đám lính, tiếng khoát nước, tiếng chười thề, tiếng khời hài, lướt thướt trên mặt sông xanh thẫm. Và tôi như một đứa trẻ đang tung tăng vượt giòng cùng đám bạn. Phải là một cái bè chuối, để thằng nhỏ mơ chuyện hoang đường khi nó nằm trên chiếc bè nhìn về cuối giòng sông cái, ở đó là một cõi bí mật, kỳ diệu, ở đó phải là một chân trời xa lạ, đầy những con thuyền buồm đen với đám thủy thủ cướp biển, mặt mày bôi lọ, cầm những chiếc mã tấu sáng loáng bên cột cờ lá cờ sọ người phát phới; ở đó là những chuyến phiêu lưu tưởng tượng với ông thần giữ đảo quyền uy tối thượng. Bây giờ hãy dừng lại giữa giòng một phút. Con nước buổi chiều là những ký ức mơ hồ, và tôi đã ngỡ mình lênh bênh theo một đám mây

ở một chân trời xa xưa. Thằng nhỏ trần truồng như nhộng, nước da đen sì, tắm nắng, hai tay đập đập, cả thân thì lộn nhào. Lặn xuống dưới đáy, đôi mắt mở trừng, tìm từng con sò, con hến, con cua. Ừm ! Thằng nhỏ, lộn từ chiếc cầu treo ở bến giặt. Ừm ! Những thằng bạn khác tiếp tục nhào xuống. Những tiếng thét, tiếng cười rộn ràng, khuấy động giòng sông lặng ngủ dưới nắng chiều. Ừm ! Ừm !

— Thiếu úy, lội qua chớ.

Tròn ở đằng sau đục. Tôi cười, bắt đầu nhắc đôi bốt-đờ-sô một cách nặng nề. Ở trên bờ, đám lính đã ngồi, cởi giày, vắt nước từ đôi tất, hoặc sửa soạn lại súng đạn ba lô. Buổi chiều đã về dịu dàng trên các đọt tre, và bờ sông thì chìm trong màu cỏ sẫm nhạt. Những luống đất mới cày còn ri rỉ nước. Những bó mạ xanh nằm bên đường đê nhỏ. Chiều gợn trên mặt sông một màu dịu hiu buồn bã. Chiều bắt đầu ngủ yên, không thở, không xao động. Nhưng đối với tôi, chiều đã bắt đầu rộn ràng, bâng khuâng rồi. Tôi cực nhọc bước lên bờ sông, khoác lại khẩu súng và giây nịt đạn. Chiếc bản đồ lại được đưa ra. Tọa độ Bắc Bình Rạch giá, Tư Tưởng Xung Phong, hai lần Yên Bái,

Whisky Xung Phong. Số nhà ở giữa một đồng trống, đối diện với một vùng bất an ninh. Tôi ước lượng khoảng cách, phương hướng. Ông Tướng hỏi: Thiếu úy đi lối nào?

Tôi im lặng một chút. Rồi lưỡng lự nói:

— Ông Tướng à, từ đây đến đó còn khoảng hai cây số nữa. Mình đừng đi đường cũ. Cứ bọc trong làng, vượt qua rào, đi cũng được. Ông Trung-đội-phó không đáp. Ông lấy chiếc mũ rùng quạt phành phạch rồi gọi tổ trưởng tổ một:

— Tấn, đi đầu. Tiến vào làng phía kia. Nhớ lên đạn khóa an toàn đó.

Trung sĩ Tấn hỏi hỏi gọi:

— Đi, bọn bây.

Tôi chờ tổ một đi xong, mới "gõ". Trí, mang máy truyền tin đằng sau, hỏi:

— Thiếu úy, cho biết số nhà về yếu khu chưa?

— Khoan đã. Đợi đến tối, đóng quân xong, mình báo cũng được.

oOo

Con đường làng, đất thịt, luồn dưới hai hàng cây cao. Con đường quen thuộc, sẽ dẫn chúng tôi đến từng gò má, từng mái chùa, hay khoảng đồng trống nào đó. Con đường làm bước chân mỗi người cuống quýt. Chiều hầu như đã rũ xuống, chết lặng từ lúc nào. Chúng tôi rẽ về phía tay trái, vượt một cánh đồng rộng. Chúng tôi mấp mé trên bờ đê cao. Những bước chân ngờ nghệch trên con đường nhỏ. Lúa vàng nặng trĩu, mấp mề. Những nhánh lúa oằn xuống và cả cánh đồng bỗng rợp, ngả nghiêng. Tôi nghe được mùi thơm thật kỳ bí, có lẽ của đất, của bông lúa hay của những loài hoa dại. Đàng xa là hàng tre che khuất, chạy dài trên con kênh. Ở

đó, là gì, hay ở đó là những đôi mắt lão liên, dò xét đường đi nước bước của chúng tôi. Có thể một phát súng nổ có thể một thân người ngã xuống... có lạ lùng gì đâu. Tôi bỗng lo âu vẩn vơ. Thằng truyền tin đi theo sau tôi hình như bước mau hơn. Không khéo bọn nó biết tôi là thằng chỉ huy, không khéo nó đã đặt súng nhắm vào thân thể của tôi rồi. Tôi hỏi hỏi. Mau lên, kéo tối rồi. Đi cách xa, anh em. Tiếng của tôi ngập ngừng. Tôi đứng lại đợi chờ. Trí, đi trước đi, Trí cười, lộ chiếc răng vàng. Tiếng hạ sĩ nhất Điều vang lên ở tổ sau cùng: Không khéo đêm nay trời mưa. Mây đen quá. Lúc đó, tôi mới chợt nhận ra mình quên mang theo poncho. Tôi quay lại hỏi Tròn: Tròn, có đem poncho cho tao không? Tròn đáp dạ không. Chỉ có mỗi một cái của em. Cái của thiếu úy đưa nào bỏ rồi. Tôi cầu nhau: may dếch lo lắng gì cả. Đồ gì của tao cũng mất hết. Tròn bảo chữa, khổ sở: Tại Thiếu úy đi chơi không khoá cửa. Ai vào cũng được. Tôi chợt hối hận. Dù sao lỗi cũng tại ở tôi. Tại tôi đi chơi nhiều quá. Hề rảnh, là như một thằng trai si dại, đèo Honda xuống đồi, phóng về thị trấn gần đơn vị. Cái thị trấn khiêm nhường bên con đường quốc lộ số 1 với một rạp hát quanh năm suốt tháng chiếu tuồng Tàu, tuồng Ấn-độ. Cái thị trấn có một phòng ngủ, lâu lâu đám lính lại chạy về báo tin: thiếu úy, có mấy con nhỏ mới về đóng đô, trông ngộ lắm. Rồi chưa hết, còn có vài quán cà phê mở nhạc Hùng Cường, mà lúc nào, cái số quán cũng dành một hai trang cho tôi — thiếu úy Tân, — về số tiền mắc nợ trong tháng. Chao ơi, tôi tự cười với chính mình. Đàng trước, tổ trung sĩ Tấn đã dừng lại ở ngã ba, cạnh cây đa lớn. Bầu trời bỗng nặng

xuống, đầy tức tưới. Tiếng chó sủa rân. Tấn hỏi tôi về lối đi. Tôi nói gần đến rồi, bản đồ lại được rút ra khỏi áo trận, tôi xác định điểm đứng một lần chót. Có tiếng cầu nhàu ở phía sau : Mưa đêm nay phải lớn lắm, Đ. m ông Trời. Những người lính rải rác ngồi cạnh bờ nương cỏ. Tôi ngoắc ông Tướng : Ông Tướng cho anh em qua bên xóm kia lục soát. Đề một tờ lại tôi. Còn ông đi với tôi. Ông Tướng đáp dạ, rồi hỏi : Chừng nào nó rút ra ? Tôi trả lời vừa nhìn đồng hồ : Bảy giờ rưỡi. Rút ra chỗ này.

oOo

Đợi cho đám lính khuất sau hàng tre đầu xóm, tôi và ông Tướng bắt đầu đi tìm chỗ nằm đêm. Ông Tướng nhìn lên cao, lo ngại đêm nay mưa lớn. Ông nói : Mình tìm nhà nào đóng cho khoẻ, thiếu úy. Tôi không trả lời. Trước mặt, những gò mả tiếp tục nổi lên giữa đồng trống. Bên phải là ngôi miếu. Tiếng ông Tướng vẫn tiếp tục : hay mình nằm trong miếu. Im lặng. Tại sao tôi vẫn còn lưỡng lự. Bầu trời tưởng chừng rỉ nước, dày đặc và tức tối. Tôi nói : Ông Tướng, tôi nghỉ rồi. Mình không đóng ở ngôi miếu đâu. Đêm nào các trung đội khác cũng đóng. Bọn nó biết được, nó pháo kích hay tấn công thì chết. Kê, bảo anh em chịu khổ đêm nay, nằm ngoài đồng trống đi.

Tôi nói nhỏ lại. Tiếng gió xa xôi và buồn bã khuấy trên tàu dừa. Những giọt nước bắt đầu nhỏ nhẹ và vô tình má tôi hứng được vài giọt, lạnh buốt ; tôi cứ ngỡ rằng những giọt nước mắt đang chảy.

oOo

Đám lính đã trở lại. Trí huýt gió gọi. Tròn đã trải poncho trên đồng, cạnh gốc cây lớn. Ông Tướng đang sắp

đặt các tờ nằm bốn phía. Tôi đứng trên bờ ruộng, che khuất bởi hàng dừa dại. Nay ông Tướng, ông phải cho một tờ kích xa, nằm cách đây chừng một hai trăm thước. Trí đâu rồi. Tôi hồ hê. Trí, đây số nhà, tao đọc, ghi lấy. Trí lấy viết nguyên tử ghi trên bàn tay. Đôi mắt của hắn dán sát vào, điều thuốc loé lên trong chiếc mũ rùng. Tiếng huýt gió khe khẽ : Thiên Hoàng đây Long Hải, Thiên Hoàng đây Long Hải, anh nghe tôi thế nào trả lời. Tiếng mắt còn như hơi thổi phả từ bên kia ống liên hợp. Trí la lên : Tôi nghe anh hai trên năm. Anh điều chỉnh máy lại đi... Nước mưa bắt đầu nhỏ giọt, lách cách trên poncho và tự nhiên tôi ân hận. Trí cầu nhàu : Đ. m. mưa, hễ mình đi là trời mưa. Tôi không biết làm gì hơn nữa. Phải nói làm sao cho bọn này hiểu. Tao biết bọn mày khổ lắm. Nhưng tao có sung sướng gì đâu. Tròn đã lấy poncho, đưa cho tôi. Tôi lắc đầu, đứng dậy, dựa vào thân cây mục. Tôi đứng yên lặng. Tiếng Trí nho nhỏ : anh ghi số nhà tôi và tôi nghe thoang thoang Bắc Bình, Whisky.. số nhà chính, số nhà phụ .. anh trực máy 24/24.. Những động tác quen thuộc trôi qua, những công việc rõ ràng, như ăn như ngủ. Rồi một đêm sẽ thức, một đêm sẽ đầy những nỗi bí hiểm, chờ đợi, lo âu, thấp thỏm. Tôi lại thêm một đêm trắng. Nếu có trăng thì hạnh phúc biết mấy. Con trăng sẽ dịu dàng an ủi. Con trăng sẽ rọi ánh sáng trên cánh đồng, để chúng tôi còn được nhìn rõ trong lòng đêm kinh dị. Nhưng bây giờ, đêm thì mù mịt quá. Đêm không có lấy một vì sao nhỏ. Đêm mông mênh nước mắt. Tại sao tôi lại đương lặng lẽ như thế này ? Ở phía xa, nhấp nháy những ngọn đèn pha của Bộ Tư-lệnh. Chắc người ta

đang ngủ yên lành. Hay lại bắt đầu vào giòng tình tự. Có một điệu nhạc twist mơ hồ hay có một cuộc vui. Mấy nữ ca sĩ, nữ thần sexy từ Saigon ra trình diễn. Thèm vô cùng. Thèm vô cùng. Cả đời mày chưa được điếm phúc lái xe jeep chở một con nhỏ thật đẹp để đi dạo phố, đi ăn đêm rồi vào một căn phòng gắn máy lạnh mà ấp ủ. Thèm vô cùng. Tôi lắc đầu. Thủy ơi, anh có tội với em. Anh vẫn còn ham muốn. Thân thể đàn bà, ôi ta thù ghét mi. Lá thư của Thủy vẫn còn để trong túi. Em không biết đêm nay anh đang đứng giữa một đồng trống để ngỡ đang đứng giữa một nghĩa địa tha ma.

oOo

Anh Tân yêu quý,

Lâu thật là lâu Thủy không nhận được thư của anh, Thủy lo nhiều không hiểu đã có chuyện gì xảy ra. Thủy gọi điện tin vào anh hôm thứ hai, chửi lại viết thư ni vì Thủy tin là anh không mệnh hệ, anh vẫn còn bình yên để Thủy yên lòng. Thủy cố nghĩ là Thủy không buồn lo khổ sở nhưng không được. Mỗi lần từ trường về, nhìn lên bàn học, với dấu vết cũ, nhưng không có màu thư quen thuộc, không có những giòng chữ thân yêu của anh, thì Thủy thấy buồn ghê gớm và bây giờ, trong đời con gái, Thủy mới biết nỗi khổ đó. Có sống trong nỗi đau của mình, Thủy mới thông cảm nỗi đau của người khác. Thủy thấy thương những người có người yêu là lính rồi đó. Thủy sợ quá, anh ơi. Sao anh không tin cho Thủy biết. Có chuyện gì xảy ra thế, hả anh? Bộ anh không còn... Thủy rồi ư? Hơn ba tuần không có một giòng chữ của anh ..

Anh của Thủy ;

Bây giờ anh ở đâu, tại sao anh không

tin cho Thủy biết. Tại sao anh « ác » thế. Không đừng Thủy nghe thương Thủy lạ lùng. Thủy đâm hoài nghi tất cả mọi sự và buồn cười khi nghĩ rằng có lẽ mình đang cô đơn. Ngày mai hai giờ Sinh ngữ; hai giờ Triết, Thủy chắc sẽ không học được..

oOo

— Thiếu úy, đi nghỉ...

— Mưa quá, Tròn à.

Tròn đã trùm poncho kín mít. Còn tôi thì dựa vào gốc cây, thêm một điều thuốc. Mưa sục sùi. Cả âm vọng lướt thướt từ một cõi xa mờ. Tôi bắt đầu run. Giày trận đã thấm nước. Đôi tất ướt nhão. Vài con kiến bò len trong áo. Mưa chi mà dữ vậy. Tiếng càu nhàu lại cất lên. Tôi buồn bã quay lại. Không thằng nào hiểu tao hết. Bọn mày biết, tao là kẻ khổ hơn ai hết. Tao vẫn ăn sương nằm đất, vẫn đi cùng bọn mày, vẫn xung phong cùng bọn mày, vẫn có trách nhiệm nặng nề với bọn mày. Mưa tạt vù vù, làm rất mặt. Cái kính của tôi nhạt nhòa nước mưa. Tôi lại cố gắng điều tiết. Có một trái sáng oà vờ ở hướng đông. Rặng núi như một vệt đen khắp khềnh in trong bầu trời đen tối. Rặng núi trước mặt, thử thách. Rặng núi đã từng chứng kiến những người đồng đội của chúng tôi đã ra đi vĩnh viễn và những kẻ còn lại trở thành phế nhân. Quái lạ, ở đâu cũng chiến tranh, ở đâu cũng chém giết, ở đâu cũng hận thù. Mưa càng tạt mạnh. Những người lính ngồi khom lưng tránh mưa. Ánh hờa châu làm mặt nước sáng loáng như mặt gương. Gương mặt Trí bỗng vàng bệch. Trí ngồi dựa vào gò mả, nói :

— Thiếu úy, con Trước hồi chiều có

hỏi thiếu úy.

Tôi cười :

— May có gặp em à ?

— Dạ, nó hỏi ông sao dạo này không qua chơi nhà nó.

— Mà biết tại sao không ?

—

Tôi nói át cả tiếng mưa :

— Tại bà già của em. Bà khôn đếch chịu được. Tao đi ngả trước, bà cũng đi ngả trước. Tao vào ngả sau, bà cũng chạy theo ngả sau.

— Thiếu úy khôi hài mà !

— Thật mà. Khi tao lội sông qua, gặp em ở nhà, tao mừng như trúng vé số. Tao nói nhỏ : Trước ơi, xem anh nè. Vì thương em mà sông sáu anh cũng lội. Đèo cao anh cũng trèo. Em mới bảo : tội nghiệp vậy na. Chợt muốn hôn một phát để thỏa công chờ đợi, thì bà già lại xuất hiện. Tao phải thưa bác, thưa bác mùa màng năm này được khôn ? Nhà trước lợp chưa ? Bác cần mua đồ quân-tiếp-vụ không ? để lấy lòng bà. Em Trước của tao đi ra ngả sau, dưới cây vú sữa để gọi đầu. Tao làm bộ nhìn lên cao vắn vợ nói : Ôi cha, vú sữa sai quá bác hi. Con ra xin bác một trái. Mới lợt tọt đến gần em, mới nói : Trước ơi, thì bà lại hiện đằng sau...

— Tại ông dở.

Tôi lắc đầu :

— Tao chịu. Có Bà, làm ăn không được.

Tôi bỗng nhớ lại những lần qua thăm nàng, những lần không còn thấy bóng dáng ông lão lái đò với chòm râu bạc trắng ở trên giong sông T. A. tôi phải cởi giày trận, khấc lên cõ, lội qua sông. Nụ hôn tràn trề vào buổi trưa, hai thân thể quện tròn vào nhau, lăn lóc

trên thảm cỏ dưới vườn cây, giữa muôn ngàn tiếng chim liu lo trên cành. Tầng mây làm chướng trên chòm lá xao động.

Những nỗi thèm khát đã làm tôi sững sờ đi trong giây phút. Tôi đứng dậy, cúi rúm trong chiếc áo mưa và bắt đầu đến bên Tròn. Tròn đã ngủ từ lúc nào. Nước mưa chảy loang loáng trên áo mưa. Đám lính rải rác ngồi hoặc nằm sau các gò mả. Đêm chỉ là một vùng tha ma chết chóc. Đêm không an ủi tôi. Giá có ánh trăng nhĩ, giá có ngôi sao nhĩ. Chòm Đại-Hùng tinh, chòm sao Thần Nông. Ký ức của thằng Trung đội trưởng như một vùng sương khói. Ký ức chập chờn buồn bã. Giá có ánh trăng, để mình còn biết giờ này canh mấy. Đã qua vị trí của một đêm về sáng chưa hay còn đang heo hắt đợi chờ. Một trái sáng lại được bắn lên ở phía núi. Vùng sáng đầy ướt át và bàng bạc. Những hạt mưa thì mỗi mơn vổ trên poncho từng âm vang tha thiết, đìu hiu.

Chẳng biết tôi chớp mắt được bao nhiêu lâu thì có những tràng súng nổ ở đằng tổ kích xa. Tiếng súng nổ liên hồi, kèm theo là tiếng nổ của lựu đạn. Tôi hét lên : Báo động. Bàn tay phải mò cây kính, bàn tay trái thì chụp giầy nịt đạn, khẩu súng. Trí gọi : Thiếu úy đâu ? Ông Tướng gọi : Thiếu úy đâu ? Tôi trả lời hồi hả : Tao đây. Ông Tướng, tới đây. Ông tướng bò lại, khom khom lưng. Ông ghé sát và nói bằng một giọng ngạt hơi rừu. Các đứa con mình đưng, thiếu úy. Ông thấy tiếng súng của mình nổ đó. Những vết đạn lửa lại bắn lên, xẹt trong bầu trời tối mịt. Tôi nói giọng hơi run : Trí, gọi máy về nhà đi. Số nhà cũ đó. Gọi đi. Xin bắn trái sáng. Trí ngả lưng ở bờ

mả Ông Tướng hỏi giọng hối hả : Thiếu úy, ông định thế nào ? Tôi im lặng, cầm bản đồ, và một tay cầm ống liên hợp. Ông Tướng à ? Mình nên tiếp viện các đứa con mình không ? Hay để nó mò về. Ông tướng lắc đầu : Không nên, thiếu úy. Tôi coi chừng địch it. Đợi một chút. Tôi dẫn mạnh : Mình đi đi... Các tổ bắt đầu di đi. Ông tướng à, ông dẫn tổ đầu, vừa chạy vừa bắn cho tôi. Để tôi hối ở nhà cho trái sáng. Ông Tướng lắc đầu. Coi chừng bắn trúng các đứa con của mình, thiếu úy. Thằng Trí lại hối trong máy : Anh bắn mau lên. Rồi nó quay lại hỏi tôi. Thiếu úy, xin bắn bao nhiêu trái. Tôi nói không nghĩ ngợi Mười trái cho tao.

Nhưng có tiếng la và tiếng chân rộn rịp : Tao đây, Tư đây đừng bắn bậy. Tư đây, Điện đây. Ông Tướng nói nhỏ : Các đứa con mình về rồi, thiếu úy. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tiếng còi nông bắt đầu nghe rõ ở xa. Cả bọn nhìn trên trời. Cả bọn chờ đợi. Còn tôi, tôi biết trước nỗi chờ đợi ấy. Nỗi chờ đợi mỗi đêm mỗi ngày tôi đã mong, đã tự chịu đựng. Bầu trời bỗng nhiên sáng rực. Trái sáng từ từ rơi trên cao. Vai thằng lính la lên. Tôi thì cố nhìn ra ngoài đồng. Những thân lính đã hiện ở bờ ruộng, và chạy tụt tụt trên con đường đê. Lạy trời cho bọn nó bình yên. Mắt tôi cố điều tiết. Lạy Trời, cho bọn nó bình yên. Một... hai... ba... bốn, tim tôi bỗng dưng thất lại. Nhưng thằng thứ năm lại hiện lên, sau đám bụi dứa... Một trái sáng lại được bắn lên. Tôi không còn muốn đề ý

đến bất cứ điều nào, dù trong máy lệnh ông sĩ quan vồn vã, dù bên tôi, những thằng lính đang nằm sau những gò đất cao, chia súng ra đồng, dù những giọt mồ hôi tôi đã rỉ rỉ trên trán, hòa với nước mưa, chảy xuống miệng đến mặn chát. Tôi chỉ biết một điều là con tim của mình rộn ràng một niềm vui khó tả.

oOo

Chúng tôi đã phải thay đổi số nhà cũ để dời về một vị trí mới. Bây giờ đã quá 12 giờ đêm. Tôi liên lạc với yếu khu để tránh sự hiểu lầm đáng tiếc rồi ra lệnh gô Trung đội mò mẫm trong đêm mưa. Con đường đê trơn trượt. Thỉnh thoảng một trái sáng lại vỡ rồi dần dần chết lặng. Con đường lớn dẫn dưới hàng tre rậm, qua những gò mả. Những ruộng mía, những ngôi vườn. Tiếng chó lại sủa rân. Chúng tôi đi vội vã, cuống quýt. Thân thể như chừng ngả nghiêng dưới sức nặng của súng đạn. Chiếc mũ rừng dầm dề nước nặng trĩu trên đầu. Tôi nói khẽ : Đi về T. T. đi, tìm nhà nào ngủ cho khoẻ. Bây giờ thì không còn lo nữa. Trí vẫn tiếp tục gọi về Thiên Hoàng đây Long-Hải một, các đứa con của tôi đã khởi sự zulu. Số nhà cho biết sau. Số nhà cũ bị lộ rồi. Trí quay lại hỏi tôi, và bàn tay xoa mặt dầm dề nước mưa :

— Thiếu úy, mình zulu về đâu. Nó hỏi số nhà...

Tôi chười thề cộc lốc :

— Đ. m. hỏi mãi hoài.

Ông Tướng ở tổ đầu đã dừng lại đợi :

— Đi đâu Thiếu úy.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

— Đi tìm nhà ngủ.

Tôi bỗng nghĩ đến căn nhà ngói bỏ hoang bên cạnh nhà Trước. Về đó thì coi như an ninh rồi. Lòng tôi rộn ràng những niềm xao xuyến bí ẩn, như bưng nóng da thịt.

— Đi theo tôi. Tôi tìm một chỗ ngủ ngon lắm.

Nhưng đêm đó, tôi ngủ không được. Không có gì khổ sở bằng ! Tôi đứng một mình cạnh cửa sổ nhìn qua nhà của Trước. Bên đó, Trước đang mộng mơ trong giấc ngủ tuổi con gái dậy thì. Mái nhà ẩn dấu dưới những thân cây cao lớn, và hàng rào dâm bụt bao vây, làm sao tôi qua được. Trước ơi ! Khi này vừa đóng quân xong, tôi đã dặn thẳng lính gác : Mày đừng bắn ầu. Tao đi đây một chút. Tao về, tao rọi đèn pin. Thằng lính Thượng cười, ánh răng vàng lộ

dưới ánh đèn pin. Đằng sau Trí la lên : Ông đi, bây ơi. Tôi quay lại, trừng mắt và khẽ suýt : Nói to thể Trí. Chọc quê tao hả.

Tôi tìm được một cái lỗ nhỏ dưới hàng rào dâm bụt. Chắc cái lỗ hổng này do một con chó nào chuyên chui qua lại. Tôi khốn khổ, bặm môi, và găng thu cả thân hình đã ốm như que của mình để chui qua cho trót lọt. Bỗng nhiên, khi cái đầu vừa thò ra thì tôi thấy hai con mắt xanh lè trước mặt. Con chó đã đứng ở dưới gốc cây lúc nào. Nó bắt đầu nháy chồm đến, sủa rân. Còn tôi, tôi có nước thu đầu vào rút khỏi hàng rào dâm bụt và nhón gót trở về căn nhà hoang. Tiếng thẳng lính gác hỏi bên tai : Thiếu úy, sao đi mau vậy...

TRẦN-HOÀI-THU

(Một ngày ứng chiến với ba ngày gạo)

REGAST

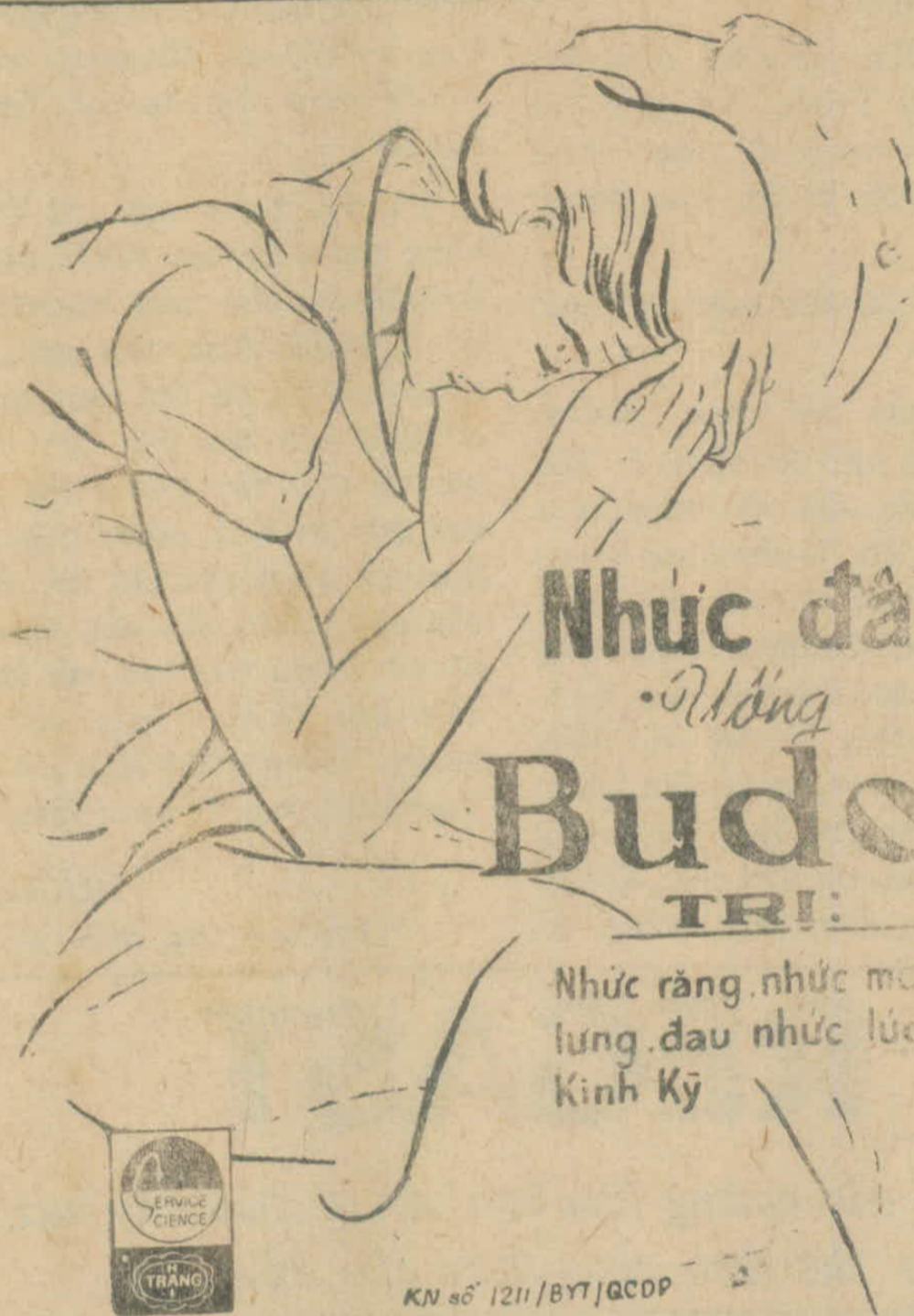
- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.



Nhức đầu

• Không

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức mắt, đau
lưng, đau nhức lúc rộ
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

**NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:**

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

**SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA**

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Thư cho học trò

mến tặng các em học sinh của thầy và những
đồng nghiệp của tôi ở trường Trường Sinh
Quảng Trị

Bây giờ thầy ngồi đây lắng nghe nỗi buồn chùng xuống, ngấm dần vào những
ngõ ngách của tâm-hồn như tiếng gió len vào khe động, vọng lên dư âm của
những ngày vui đã mất. Chúng ta đã thật sự xa nhau rồi phải không các em ?
Đã không còn nữa: tháng năm bên nhau dưới mái trường bé nhỏ. Không
còn những lúc các em ngồi chăm chú nghe thầy giảng bài, những lúc sợ sệt
khi thầy quở mắng, những lúc vui đùa hồn nhiên quanh bóng thầy trong
giờ hoạt động thanh niên và những lần các em im lặng, hồi hộp nghe
thầy đọc và kể chuyện về tuổi thơ. Mới hôm nào đó, tiếng cười, tiếng hát
ngây thơ của các em còn cất lên để tặng thầy trong buổi liên hoan chia tay, sao
bây giờ thầy nghe mơ-hồ, xa xôi quá vậy. Rồi niềm vui lắng xuống và nỗi buồn
dần lên: Dư-âm tiếng nói của các em còn văng-vảng trong trí thầy. Làm sao
thầy không nhớ lời thằng Tạo « Thầy ra đi chúng em như gà con mất mẹ »
rồi lời con Roi, con Dung « thầy cũng như cha, thầy đi khiến chúng con đứn nào
không buồn. Các em ơi! tiếng nói của các em đã xoáy sâu vào lòng thầy nghe
đau xót vô vàn, nếu không ngăn được lòng thì thầy đã khóc trước mắt các em
hôm đó rồi. Bây giờ thầy lại tiếc sao lúc ấy lại không khóc với các em
một lần. Thầy biết các em đã nói lên những lời ấy với tất cả chân thành
của tâm hồn trong trắng ngây thơ. Thầy đã cố-gắng làm vẻ vui tươi cho các
em vui khi thầy ra đi, nhưng rồi ..

Làm sao thầy quên được hình-ảnh các em đã khóc ròng-rã trong buổi
chiều sắp tắt nắng khi thầy bước lên xe. Thầy còn nhớ in rành thằng Tinh
đã úp mặt vào thằng Tạo, con Roi úp mặt vào con Dung, thằng Bình, thằng
Nhu, con Toàn... úp mặt vào tường, khóc nức nở. Tiếng nấc nghẹn-ngào làm
rung cả thân các em và rung cả hồn thầy. Những giòng lệ thơ ngây đã nhỏ
xuống một cách chân tình trong buổi biệt ly. Thầy bảo các em về để thầy
ra đi nhưng các em đã không vâng lời. Ôi cái-không-vâng-lời ấy đã làm thầy
đau lòng và hãnh-diện. Rồi thầy phải xuống xe đi bộ với các em. Các em đã kéo
đàn đi tiễn thầy từ trường lên đến quốc lộ, mắt còn đỏ hoe. Hình ảnh các
em đã làm cho người lớn và phụ huynh ngậm-ngùi. Các em đã là những học
trò ngoan nhất, đã làm rạng-rỡ giá trị của học đường: ở đó tình-người vẫn

còn được thơm mầm và nảy nở dù giữa thời chiến-tranh mỗi trái tim người chung quanh còn mang biết bao nhiêu thù hận.

Bóng các em lụi xa dần, xa dần với những cái vẫy tay đưa lên mờ nhạt... một câu học thuộc lòng từ thuở thầy còn tấm bé tưởng đã quên bấy giờ nhớ lại: « Ôi biệt ly. Sao mà buồn lắm thế ».

Bây giờ thầy ngồi đây, nhìn những vệt nắng cuối chiều vương vất trên hàng kẽm gai ngoài trại nhập ngũ, nhớ về các em và nghĩ đến những ngày gian-lao sắp tới. Thầy nhớ lại những đêm nằm với các em trong hầm trú ẩn, hồi hộp nghe từng trái phá nổ chung quanh, những buổi sớm cùng các em bơi trong giòng sông bé nhỏ của quê hương đề ngõ rằng thanh-bình đã trở lại.

Thầy đã chọn ở lại quê các em bởi vì Thầy không thể chịu được mặc cảm trốn chạy, đào ngũ của một người cứ mỗi buổi sớm thật trưa đèn trường và khi chiều chưa tắt nắng đã hối hả lên xe về tỉnh lỵ bỏ lại đám trẻ với những khốn khổ đằng sau. Những năm tháng đó bây giờ không còn nữa thầy đã thật sự bước sang một chặng đời mới. Không phải thầy nản lòng, lo sợ vì những nguy hiểm gian lao ở đằng trước đâu. Thầy đã từng dạy các em những bài đức dục về lòng can-đảm và sự kiên nhẫn, những bài công dân về bổn phận đối với quốc gia, thì bây giờ thầy đang làm thêm những gì thầy đã nói và làm bấy lâu.

Các em thân yêu.

Những lời thầy nhắn lại với các em trong buổi chia tay chắc các em còn nhớ kỹ. Thầy mong các em bao giờ cũng làm theo lời thầy. Thầy thật buồn khi phải rời xa các em. Những dự định về ngày cắm trại hè của các em cũng không còn nữa. Niềm vui của các em ở quê hương nghèo khổ vốn đã hiếm hoi, hiu hắt nay cũng vắng xa.

Ước mong sao cho đạn bom ngừng rơi trên quê hương thân yêu của chúng ta để tuổi thơ của các em được đâm chồi, nảy lộc trên cánh đồng xanh đầy hương hoa bát ngát. Khi các em trở lại trường thì không còn bóng thầy nữa. Bây giờ học đường và hàng rào kẽm gai quá gần nhau. Thầy ra đi trong hành lý chỉ mang theo những tấm hình căn cước 4x6 nhỏ bé của các em và những giòng chữ ngây ngô trên giấy học trò trong bài lưu bút các em viết tặng thầy với lời cầu chúc bình-an.

Ai ai cũng chúc nhau được bình an thế sao quê hương chúng ta vẫn mãi còn đau thương và lửa đạn !

Hai câu thơ thầy đọc cho các em hôm nào lại vắng vắng :

*« hồn hoang vu người đi ngoài trận mạc
nhớ thương em trên mỗi bước phong trần »*

Các em còn nhớ chăng !

Lưu-bút mùa Hạ 69

Thơ PHAN-PHỤNG-THẠCH

khi nắng hạ trở về trong mắt biếc
các em rồi trăm đũa sẽ trăm phương
ta đứng đó giữa muôn ngàn cách biệt
mắt rưng buồn và hồn cũng mù sương.

•
trang lưu-bút gói cho tròn kỷ-niệm
gom chút tình ngày tháng đã trôi qua
rồi mai một nơi chân trời góc biển
làm hành-trang cho những cuộc chia xa.

•
từng buổi học sân trường loang nắng đỏ
các em ngồi trong ý-nghĩ chia-ly
trời ngày mai nắng vàng hay bão-tố ?
khi đàn chim sắp rời tổ bay đi.

•
rồi một mai khi mùa thu trở lại
các em còn về với tuổi thơ hồng ?
hay cuộc chiến đưa các em đi mãi
và trường đời sẽ lâu núi nhiều sông !

(viết cho học trò)

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Đã phát hành :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUEN

Thời kỳ Ngô đình Diệm 1954-1963

Hồi ký của ĐOÀN THÊM

Xin hỏi tại các hiệu sách và Cơ sở xuất bản

Phạm Quang Khai, 3 Nguyễn-Siêu Saigon

Giá 220đ.

Tìm đọc sách SÁNG TẠO :

LỊCH SỬ VĂN HỌC ANH QUỐC

của ĐỖ KHÁNH HOAN

Quyển I dày 450 trang

Giá 450đ

Đón đọc :

Những chúc từ của tuổi trẻ Việt-Nam nghèo khổ, khốn khó viết cho mình, cho bằng-hữu, cho tình nhân, cho quê-hương trong

CHO TUỔI

HỒNG HOANG

THỦY TRIỀU viết.

VĂN HỌC xuất bản

Đã phát hành khắp nước :

CÔI NGOÀI

Tập truyện tuyệt vời của một cây bút trẻ : CUNG TÍCH BIÊN.

Kỷ-Nguyên xuất bản

Bìa Nguyễn Trung offset bốn màu

Đã phát hành :

MỞ CỬA tập thơ

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

TRÊN ĐỈNH SA MÙ

tập truyện MANG VIÊN LONG

ĐIỆU RU NGƯỜI TÌNH CŨ

tập thơ HOÀNG THỊ THỦY TIÊN

Nhà Nhị-Hồng xuất bản

Ngày xưa Platon ghi trên cửa trường : *Ai không giỏi toán xin đừng vào đây*. Ngày nay giáo sư Gurvitch lại đòi viết lên các trường Đại-học Văn Khoa câu này : *« Ai không thạo biện chứng pháp, xin đừng vào đây »*.

Biện chứng pháp là gì ?

Vâng. « Nó » là cái gì, mà quan trọng thế ?

Xin xem giải thích của Trần-Thái-Đĩnh, trong tác phẩm do nhà *Hương Mới* sắp phát hành

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

Trường dạy các Khoa Học Tự Lập Thân

HOÀNG-XUÂN-VIỆT

sáng lập và điều khiển

2, Nguyễn Văn Thinh — SAIGON

MÔN HỌC : Khoa Tư Tưởng, Khoa Tò Chức, Khoa Giao Tế,
Khoa Trước Tác, Khoa Hùng Biện, Khoa Lãnh Đạo.

GIẢNG SƯ : Gồm những Giáo sư Đại-học và Học giả trứ danh

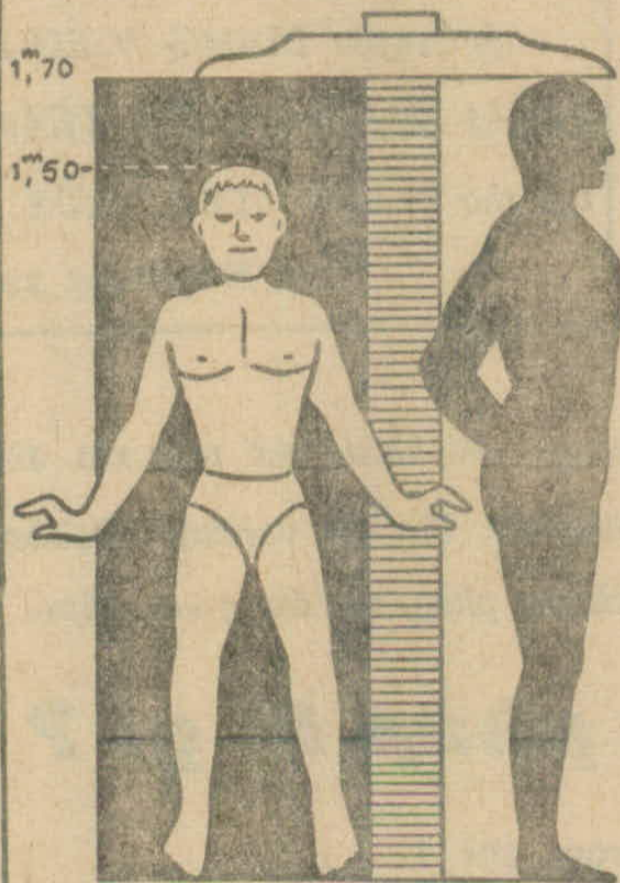
TỔNG KHAI GIẢNG : Ghi tên trước từ : 1-7-1969

Khai khóa : 1-8-1969

Học Viện Nhân Xã là trường đầu tiên ở Đông Nam Á : Giống như Viện Pelman ở Anh, Viện Dale Carnegie ở Mỹ, và Collège de France ở Pháp.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON — VỪA BỔ.

S6 KN 28 MBYTIQCDP

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Cách mạng

Thời buổi này, tại không lúc nào ngớt nghe nói đến cách mạng: cách mạng chính trị, cách mạng xã-hội, cách mạng văn hóa... ở đâu cũng có người dọa làm cách mạng.

Nhưng có lẽ không có cuộc cách mạng nào quan trọng bằng cuộc cách mạng lạng lẽ, ít rêu rao này: lật đổ tử thần. Tức cuộc cách mạng của các nhà thông thái, vẫn tiến hành êm ru trong các phòng thí nghiệm.

Cuốn *La révolution biologique* của Gordon R. Taylor trình bày các cố gắng của con người để thắng một vài định luật thiên nhiên từ trước đến nay vẫn quyết định số mệnh mình. Chẳng hạn, cố gắng nghĩ ra cách cho đàn bà đẻ con mà không cần đàn ông, cách gây ra một con người từ một tế bào nào đó (như thề chiết cây từ một cái mọt nhánh), cách giữ con người bất tử v.v...

Giữ trọn vẹn con người chưa được thì hãy giữ lấy bộ phận chủ yếu, bộ phận mang cái cá tính, cái đặc điểm của mỗi người: bộ óc chẳng hạn. Người ta đã giữ sống được những bộ óc hay những chiếc đầu nguyên vẹn của loài khỉ trong một thời gian. Tại sao không giữ sống được đầu người? Đầu óc ấy phát ra tư tưởng. Tư tưởng ấy được chuyển đến một bộ máy giúp nó thể hiện ra thành hành động. Như thế khác gì người kia vẫn còn sống?

Nếu chiếc đầu Lénine vẫn còn giữ lại theo kiểu ấy, ngày nay bên kia bức màn sắt đã tránh được bao nhiêu là tranh chấp cãi cọ. dân Nga tiếp tục

được cai trị, được lãnh đạo đúng đường lối, mà khỏi cung ứng rượu, gái, biệt thự lộng lẫy v.v... cho lãnh tụ. Giai cấp lãnh đạo chỉ gồm những chiếc đầu cụt, không đòi hỏi nhu cầu, tiện nghi: không có chuyện giai cấp thống trị bóc lột, chuyên chế v.v...

Cái chết thứ hai

La deuxième mort de Ramon Mercader là tác phẩm mới nhất của Jorge Semprun.

Jorge Semprun đã được giải thưởng quốc tế Formentor từ năm 1963. Còn nhân vật tiểu thuyết của ông, Ramon Mercader, lại mang đúng danh tánh của tên sát nhân đã giết chết Trotski năm 1940.

Cái rắc rối là kẻ tên Ramon Mercader, này lại không phải Ramon Mercader. Đây chỉ là một tên gián điệp Nga-xô mang tên giả, chết một cái chết bí mật tại Amsterdam, năm 1966. Chuyện quanh co, lắt léo, ly kỳ vì là chuyện gián điệp. Nhưng lại được so sánh với *Le condition humaine* của A. Malraux., với *Zéro et l'infini* của A. Koestler v.v..., vì là tác phẩm vừa có tính chất chính trị, vừa có tính chất triết lý.

Bạn dân tâm sự.

Gần đây ở Âu Mỹ có nhiều cuộc nổi dậy quá. Da đen nổi dậy chống da trắng, thanh niên nổi dậy chống nhà nước v.v. Dĩ nhiên nhà nước phải ra tay giữ trật tự. Ra tay, tay ấy là những cảnh sát viên, là những nhân viên an ninh.

Vì vậy, bóng dáng người cảnh binh với dùi cui, với lựu đạn cay v.v... dần dần trở thành một bóng dáng được đư

luận chú ý. Ai nấy muốn biết trong khi hạ thủ giải tán các đám biểu tình, giải tỏa một công thự bị xâm chiếm v.v., trong khi làm phận sự bảo vệ trật tự, chống lại quần chúng, thì người cảnh sát nghĩ gì.

Michèle Manceaux vác máy ghi âm đi dò hỏi một số nhân viên an ninh, rồi đem về soạn sách. Cuốn *Les policiers parlent* do nhà Le Seuil xuất bản là cuốn sách đầu tiên từ trước tới giờ phơi bày tâm sự các người bạn dân.

Lại cách mạng

Cuộc cách mạng này tiến hành không ồn ào mấy. Không phải trong các phòng thí nghiệm, mà trong các phòng gọi là phòng... thc.

Đó là cuộc cách mạng dục tình (Révolution sexuelle). Ở đây, các chiến sĩ cách mạng thì hoạt động khe khẽ, nhưng các lý thuyết gia thì ồn ào, bô bô. Từ Bản phúc trình Kinsey đến nay, ai nấy không ngớt rêu rao về cách mạng dục tình.

Tuy các lý thuyết gia đều tự xưng là đã khảo sát nghiên cứu tường tận, nhưng cuộc khảo sát này vẫn có những đặc điểm thiếu sót rõ rệt :

— Nó nhằm các xứ giàu có, và bỏ rơi các xứ nghèo. Người ta biết tường tận quan hệ nam nữ ở Anh, ở Thụy-điền, chứ ai biết đích xác tỉ-lệ nữ sinh viên còn nguyên vẹn hay đã mất mát ở Ai cập, Trung Cộng Ấn-độ ?

— Nó nhằm các giới giàu có và bỏ rơi các tầng lớp nghèo, không phải cố ý bỏ rơi, nhưng nó đầu hàng. Bởi vì về chuyện phòng trung bí mật, các nhà điều tra phỏng vấn sinh viên, trí thức, thì được trả lời leo lẻo, chứ phỏng vấn nông dân thợ thuyền thì ít khi được phúc đáp.

Có một số ý kiến cho rằng ở tầng

lớp trí thức, lý thuyết thường có xu hướng vượt xa thực hành. Nói thì quá trớn, đòi tự do phóng túng ; nhưng làm... ái tình thì cũng vừa phải vậy thôi. Trá lại, ở tầng lớp thất học, chỉ có thực hành mà không cần lý thuyết, do đó họ vẫn mần đủ chuyện động trời mà không cần đòi cách mạng cách miếng gì ráo.

Vance Packard là một nhà khảo cứu về cách mạng dục tình. Ông cho xuất bản cuốn sách nhan đề là *Cái giống dã man ! (Le sexe sauvage)*. Sao ông lại mắng nó nhỉ ?

Theo Vance Packard, cuộc cách mạng đang tiến triển một cách khả quan. Vào thời kỳ Kinsey, 20 năm trước, thì có 51% thanh niên nam nữ đã giao du thân mật trước 21 tuổi; Ngày nay tỉ số được nâng lên 57%. Và nữ thì tiến vượt bở nam phái rất xa : hồi Kinse chỉ có 27% nữ sinh viên dưới 21 tuổi biết mùi đời, bây giờ 43% đã biết kỹ.

Lại so sánh giữa các quốc gia thì Anh quốc, về phương diện dục tình lại không bảo thủ tí nào : ngọn cờ cách mạng của Anh-quốc dương cao nhất.

TRĂNG THIÊN

VI-69

Giang sơn gấm vóc

Từ đầu năm chúng ta có thêm được hai cuốn Địa phương chí nữa : *Non nước Quảng Nam* của Hạ Ngọc Anh và *Non nước Khánh Hòa* của Nguyễn Đình Tư, cả hai đều do tự tác giả xuất bản.

Cuốn trên sơ lược, cuốn dưới đầy đủ : trên 400 trang, gồm bốn phần : Cảnh đẹp thiên nhiên, Tay người tô diêm, Nguồn lợi kinh tế, Phụ lục (về suối nước nóng Trường Xuân, nhà bác học Yersin

Trạm dịch, bản bài chèo tế ông Nam Hải v.v...), ba bản đồ và rất nhiều hình, mà chỉ đề giá 200 \$ (in 2000 cuốn).

Tác giả thực có lòng với non sông, chỉ cầu thu lại đủ vốn in thôi, đề tiếp tục ra cuốn khác. Cuốn sau sẽ là *Non nước Thừa Thiên*.

Tài liệu trong *Non nước Khánh Hòa* dồi dào hơn trong *Non nước Phú Yên*, mà giọng văn cũng nhẹ nhàng, trong sáng như cuốn trên, lại xen nhiều truyền thuyết, cổ sự, thơ, ca dao nên đọc thấy thích thú.

Vậy là tới nay chúng ta đã có được trọn bức tranh từ Tourane tới Cam Ranh rồi. Bọn cầm bút tư nhân chúng ta cứ kiên nhẫn tiếp tục đi, các cơ quan văn hóa của chính quyền tất phải suy

nghi, và chẳng mấy chốc, chúng ta sẽ có một bộ đầy đủ hơn bộ *Đại Nam Nhất Thống Chí* của tiền nhân.

N.H.L.

HỘP THƯ

— *Ô. Khánh Linh*. Xin cho biết địa chỉ để tiện góp ý về "Tình đất". Xin gửi thêm những sáng tác khác nữa.

— *Ô. Thái Lãng* : Đã nhận được "Hai bên sông". Xin anh cho biết địa chỉ và anh gửi tiếp cho những truyện khác nữa đi.

— *Ô. Uyên Hà* : Sẽ đăng sáng tác mới gửi. Xin cho biết địa chỉ ở miền Trung.

— *Ô. Huỳnh công Ân* : Sẽ đăng "Lão già trên sông" trên BK số tới đây.

VIỆT

tờ báo vận động văn học nghệ thuật về nguồn

Số 4, Tháng 6, 1969

Ngô Văn Ban, Trần Cao Bằng, Ngy Hữu, Lê Văn Ngăn, Trần Duy Phiên, Kiều Trung Phương, Thái Ngọc San, Lê Hùng Sơn, Huỳnh Ngọc Sơn, Trần Hoài Thư, Tàn Hoài Dạ Vũ.

Địa chỉ tòa soạn : Hộp Thư số 3 Huế

Đã phát hành :

MƯA TRONG VƯỜN CHIÊM BAO

tiếng nói giá buốt của cô độc và im lặng.

Thơ HUY-TƯỜNG

Giá bán : Tùy ở người mua

Các bạn yêu thơ nhớ đón đọc :

TIM HỒNG

- o Tập thơ thứ ba của Hoàng Đình Huy Quan
- o Gồm những bài thơ lục bát và 8 chữ viết về : *Quê Hương; Tình Yêu, Thiên Nhiên.*

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Tình dục** (tập 1) do Thụ Nhân và Trần xuân Tiên dịch thuật, Nhị Nùng xuất bản, và dịch giả gửi tặng. Sách dày 273 trang gồm ngót 20 bài của gần 20 tác giả về Tình dục. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 220đ.

— **Luận-lý học đại-cương** của Trần văn Toàn (tập 1) do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 112 trang, gồm những phần : Nhận định tổng quát, Thứ tự trong tư tưởng, Mạch lạc trong tư tưởng ... Bản đặc biệt. Giá bán thường : 100đ.

— **Người hợp tình hợp lý** của Hoàng-xuân-Việt, do Văn-nghệ dẫn-thân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 2 phần lớn, 9 chương và phụ lục : 100 danh ngôn đào luyện trái tim. Giá 140đ.

— **Tình đầu của chàng Werther** của J. W. Goethe. Chơn Hạnh dịch theo bản « Les souffrances du jeune Werther » Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 220 trang. Bản đặc biệt.

— **Tư tưởng** : cơ quan luận thuyết của Viện Đại học Vạn Hạnh, bộ mới số 1 (ngày 1/6/69) do T.T. Thích Minh Châu làm Chủ nhiệm và Thích Nguyên Tánh Tổng thư ký Tòa soạn. Mỗi số khổ 16x23 gồm những bài về Hiện-tượng-học của Husserl của Phạm Công Thiện, Ngô Trọng Anh và Lê Tôn Nghiêm, dày 97 trang. Giá 40đ.

— **Ngưỡng cửa** đặc san Quốc-học 1969, do Ban Báo chí trường Quốc học

Huế thực hiện. Mỗi số khổ 16x23 dày 98 trang gồm những bài tiểu luận về Tản Đà, về Nguyễn công Trứ và thơ, truyện, truyện dịch của nhiều cây bút trẻ.

— **Việt** : số 4, tháng 6/69, tờ báo vận động văn học nghệ thuật về nguồn gồm, khổ 20x28 dày 100 trang, in ronéo gồm những bài biên khảo, thơ, truyện của Ngô văn Ban, Thái ngọc San, Huỳnh ngọc Sơn, Trần Hoài Thư, Trần duy Phiên, Lê văn Ngân v.v... Giá 50đ.

— **Thùy dương** đặc san, tiếng nói của Khọc sinh Trung học Đăng Khoa Nha Trang, khổ 19x24, in ronéo, dày 85 trang, gồm những đoản văn, thơ và truyện của các cây bút của Trường Đăng-Khoa.

— **Tân-Văn nguyệt san** nghiên cứu, phê bình, sáng tác số 13 tháng 5/69 gồm những bài tiểu luận của Trần ngọc Ninh, Đào Mộng Nam và Nguyễn tiến Văn, Tam Ích, Đàm Quang Thiện, Trương văn Chỉnh, những sáng tác và phê bình của : Doãn Quốc Sỹ, Vũ Hoàng Chương, Trùng Dương, Trần Hữu Thực. Mỗi số 30đ.

— **Chiến tranh và Hòa bình** tập 3 và tập 4, nguyên tác của Léon Tolstoï bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Tập thứ 3 dày 750 trang, và tập thứ 4 dày 758 trang, mỗi tập ở cuối sách đều có phần tóm tắt nội dung. Riêng tập 4, tập chót của bộ truyện, có phần phụ lục : Vài lời về cuốn Chiến tranh và Hòa bình (của L. Tolstoï) ; Biểu biên-niên đời Léon Tolstoï ; Trời biết đấy nhưng còn đờ (của L. Tolstoï). Danh từ lịch sử và địa lý. Mỗi tập giá nhất định 300đ. (Toàn bộ 4 tập : 1.200đ).

Nghệ thuật ăn trộm và bắt trộm của người xưa của Toan Ánh do Cơ Sở Tiến bộ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 212 trang, kể lại những chuyện rất lý thú về ăn trộm và bắt trộm. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 160 đ.

— **200 trò chơi** của Nguyễn xuân Long do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 102 trang gồm 100 trò chơi vui từ Nhảy bị, Cướp cờ đến chuyện gậy và 100 trò chơi chuyên môn như Câu cá, tìm đường v.v.. Một cuốn sách hợp với trẻ em trong dịp nghỉ hè.

— **Lửa dậy trời xuân** truyện của Minh-Quân trong tủ sách Tuổi xanh của cơ sở xuất bản Tiến bộ, do tác giả gửi tặng. Sách dày 158 trang, truyện thiếu nhi cảm động của một cây bút xã hội rất được yêu chuộng trên báo Tuổi Hoa. Giá 40 đ.

— **Cõi ngoài** tập truyện của Cung Tích Biền do Kỷ-nguyên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 173 trang, gồm 8 truyện đặc sắc, bìa do Nguyễn-Trung thực hiện. Giá 120đ.

— **Khu rừng mùa xuân** tập truyện của Vương Thanh do tạp chí Văn Học xuất bản và gửi tặng. Sách dày 142 trang gồm 5 truyện chọn lọc, bìa do Hoàng Ngọc Biên. Giá 50 đ.

— **Quê hương** truyện dài của Nguyễn Tuân do Trường Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 258 trang, truyện tiền chiến đặc sắc của tác giả. Giá 150đ.

— **Tuyển tập truyện ngắn tiền**

chiến, do Hoa Tiên sưu tập xuất bản và gửi tặng. Sách dày 400 trang gồm 28 truyện chọn lọc của 28 nhà văn tiền chiến từ Nguyễn-Tuân, Lưu-Trọng-Lư cho tới Tô-Hoài, Nguyễn-Công-Hoan. Giá 200 đ.

— **Làm lễ** truyện của Mạnh Phú Tư do Hoa Tiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 180 trang, giải thưởng Tự-lực Văn-đoàn 1939, thuộc loại truyện hay tiền chiến. Giá 90 đ.

— **Truyện cổ quốc tế** của Lê Hương, do Sống Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 350 trang, gồm 46 truyện thuộc những loại : Truyền kỳ, Phật giáo, Huyền thoại, Tích xưa, Dân gian, Thú vật. Giá 170 đ.

— **Mưa trong vườn chiêm bao** tập thơ của Huy Tường do tác giả gửi tặng. Sách dày 37 trang gồm 23 bài thơ, với nhiều phụ bản.

— **Tảng đá trên triền núi thi-tuyền** của Yến-Nguyên-Thanh, Hoàng Dục Vũ, Hoàng Gổ Quý, Ngọc Trai, dày 62 trang gồm 36 bài thơ của 4 tác-giả chia làm 4 phần : Muối đọng hồn người, Tìm về tâm thức, Ngậm ngãi tìm trầm, Quê hương và nước mắt. Giá 30 đ.

— **Dạ khúc** tập truyện của Nguyễn nghiệp Nhượng do Hồng Đức xuất bản và gửi tặng. Sách dày 108 trang gồm 7 truyện chọn lọc. Chân dung tác giả do Duy Thanh phác họa. Bản đặc biệt. Giá bản thường 80đ.

Đón đọc :

Những lời thơ của tuổi trẻ viết cho mình, cho bằng hữu, cho tình nhân trong

« CHO TUỔI HỒNG HOANG »

Thơ THỦY TRIỀU

Văn Học xuất bản

Đã phát hành các tác phẩm mới nhất

của nhà xuất bản HÔNG ĐỨC

1) PHÍA NGOÀI

tập truyện của

Huỳnh-Phan-Anh và Nguyễn-Đình-Toàn

2) SARTRE VÀ HEIDEGGER

khảo luận của

Tam-Ích

3) DẠ KHÚC

tập truyện của

Nguyễn-Nghiệp-Nhượng

4) CŨNG ĐỦ LÃNG QUÊN ĐỜI

truyện dài của

Mai-Thảo

Tim đọc :

TƯ TƯỞNG

Cơ quan luận thuyết của Viện Đại-học Vạn-Hạnh

Số 2 : Đặc biệt về Phật-Đản

Gồm những bài :

— *Khả tính của Phật-giáo trong vấn đề Hòa-Bình*

T.T Thích-Minh-Châu

— *Hòa-Bình đầu tiên trong thế giới cuối cùng*

G.S Ngô-Trọng-Anh

— *Đức Phật hiện thân Hòa-Bình*

Đ.Đ Khanti Pàlo

Và nhiều bài đặc sắc khác

Phát hành đầu tháng 7-69

(Xin xem B.K.T.Đ từ các số 293, 294, 295)

Mến tặng sinh viên Đại học Huế,
đề kỷ niệm một buổi nói chuyện không thành
(Huế. 2-2-69 L. C. T.)

Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân-tộc

Tôi đã ngưng loạt bài này trong gần hai tháng, vì có nhiều việc gấp phải làm và cũng vì càng đi sâu vào vấn đề, tôi càng thấy nó bao la phức tạp, do đó càng phải thận trọng và mất nhiều thì giờ để tra cứu, suy nghĩ. Mặt khác, dưới sức nóng kinh khủng của mùa hè năm nay và giữa lúc mọi người đang hồi hộp trước những biến chuyển dồn dập của thời cuộc, ngồi rù một chỗ để suy nghĩ lăm chằm về một vấn đề nhức đầu như sự xung đột giữa dân tộc và tôn giáo đã là khó khăn rồi, mà diễn đạt cho ra hồn những điều đã nghĩ, lại càng khó khăn hơn nữa ! Kề lẽ dài như vậy để chừa vị độc giả cùng ông Chủ nhiệm Bách Khoa-mũi lòng mà đại xá cho cái tội bê trễ ngoài ý muốn này... cũng như những khuyết điểm có thể có trong loạt bài nối tiếp sau đây. L.C.T

III GIỮA TRỜI VÀ ĐẤT

Trong các phần trước, tôi đã cố gắng phân tách những mâu thuẫn căn bản giữa tôn giáo và dân tộc : một bên là xuất thế và phổ biến, một bên là tại thế và đặc thù. Những mâu thuẫn này tự nhiên đưa tới xung đột, hoặc trên bình diện ý thức, hoặc trên bình diện tổ chức, hoặc trên cả hai bình diện.

Nhìn lại những xung đột đó đã thật sự xảy ra trong quá khứ, chúng ta thấy Phật-giáo thường chỉ phải đối phó với dân tộc trên bình diện ý thức, trái lại Thiên-chúa giáo đã phải tranh chấp trên cả hai bình diện và những cuộc tranh chấp thường là đẫm máu. Sự khác biệt này có nhiều nguyên nhân.

Trước hết, tính cách uyển chuyển của giáo-lý và tổ chức Phật-giáo so với sự chặt chẽ của Công-giáo, đã cho phép Phật-giáo hòa giải dễ dàng hơn với các

dân-tộc : Phật-giáo loãng như nước, Công-giáo đặc như thép; Phật-giáo có thể hiện diện dưới vô số hình thức khác nhau, Công-giáo đòi hỏi một khuôn-mẫu cố định chung.

Thứ đến, Phật-giáo đã được truyền bá như một tôn-giáo thuần túy, không pha lẫn với một trào lưu chánh-trị nào, cũng không có một tổ chức quốc-tế rõ rệt, nên đã không gây nên những hiểu lầm đáng tiếc như Công-giáo.

Sau cùng, và điều này quan trọng hơn cả, sự giải-thoát trong Phật-giáo đặt nền tảng trên sự giác ngộ cá nhân, do đó Phật-giáo không có và cũng không cần một lý thuyết về Giáo-hội, ngay tại những nước mà Phật-giáo được tổ chức thành những Giáo-hội có hệ-thống và lâu đời; trái lại sự cứu rỗi trong Công-giáo đặt nền tảng trên sự gia

nhập Giáo-hội, và Giáo-hội được quan niệm như một dân tộc (1), nghĩa là một toàn thể, do đó ý thức tôn giáo trong Giáo hội Công giáo cũng có khuynh hướng toàn diện, đóng kín và tự mãn như ý thức dân tộc (2)

Phật giáo cũng có khuynh hướng đó : đôi mắt nhắm nghiền, nụ cười bất diệt của các tượng Phật có thể tượng trưng cho một ý thức đóng kín và tự mãn trong sự chiêm ngưỡng sự-Thật tuyệt đối. Nhưng nó chỉ hiện diện nơi cá nhân những người đã tự giải thoát (arahant), chứ không phải nơi tập thể các Phật-tử nói chung là những người đang tìm sự giải thoát. Trong công trình giải thoát, « mỗi người là nơi nương tựa của chính mình » (3), không ai có thể cứu rỗi được ai. Cho nên, hai chữ « Giáo hội » trong Phật giáo (4) chỉ biểu hiện một tình tự liên đới giữa những người bạn đồng hành, một môi trường trong đó con người có nhiều cơ hội hoặc phương tiện để giác ngộ, chứ không có tính cách thiết yếu cho sự giải thoát. Có lẽ nhờ quan niệm đó mà Phật giáo dễ có thái độ khoan dung đối với những dị đồng về ý kiến trong nội bộ của mình cũng như đối với các tôn giáo khác. Ngay trong thời vàng son của Phật giáo tại Ấn-độ, dưới triều Hoàng đế Asoka, chính nhà vua này đã ban hành và cho khắc lên đá một sắc chỉ khuyến cáo sự khoan dung giữa các tôn giáo :

« Chúng ta không nên chỉ tôn kính riêng tôn giáo của mình mà kết án tôn giáo của người khác, trái lại, chúng ta phải tôn trọng tôn giáo của kẻ khác (...) Làm như vậy, chúng là « vừa làm sáng danh tôn giáo của mình, vừa giúp ích cho tôn giáo của người khác. Làm

ngược lại là đào mồ chôn tôn giáo của mình, đồng thời làm hại tôn giáo của người khác » (5)

Trong Giáo hội Công-giáo thì trái lại, khuynh hướng đóng kín và tự mãn hiện diện ngay trên bình diện tập thể, vì Giáo hội tự ý-thức mình như một dân tộc được Thiên-Chúa chọn lựa và giao cho sứ mạng cứu rỗi nhân loại Giáo hội là con đường độc nhất đưa tới Thiên Chúa: « ngoài Giáo-hội, không thể có sự cứu rỗi » (hors de l'Eglise, point de salut).

Hậu quả của quan niệm ấy là tính cách bất khoan dung (intolérance) của Giáo hội Công giáo : Giáo hội đã được Thiên-Chúa ban truyền toàn bộ sự Thật cần thiết cho sự cứu rỗi và chỉ Giáo hội mới có quyền giải thích hoặc khai triển Sự Thật đó. Tất cả những gì ở ngoài sự Thật nói trên hoặc trái với lời giải thích chánh thức của Giáo hội, chỉ có thể là sai lầm. Mà Giáo hội có quyền và có bổn phận tiêu diệt sự sai lầm để bảo vệ sự Thật hầu hoàn thành sứ mạng cứu rỗi của mình.

Lẽ dĩ nhiên, Giáo hội chỉ tiêu diệt sự sai lầm, còn chính người sai lầm thì vẫn được kính trọng, ít nữa là những kẻ sai lầm một cách thành thật (de bonne foi), và những « võ khí » mà Giáo hội dùng để tiêu diệt sự sai lầm đều là những « võ khí tinh thần » như thánh Phao-lô đã viết (6) Tuy nhiên lịch sử

(1) Xem Bách Khoa số 295.

(2) về ý thức dân tộc xem Bách Khoa số 293.

(3) Dhammapade XII 14.

(4) tại Việt-nam, hai chữ này chữ được dùng sao biến cố -11-6.

(5) Asoka : Rock Edict XII dẫn trong Walpola Rahu, a : « L'enseignement de Bouddha », Paris Seuil 1961

(6) Epitre aux Ephésiens Xem Bách Khoa số 295.

cho thấy rằng, từ khi Giáo hội trở thành « quốc giáo » dưới triều Hoàng đế Constantin và nắm được những thế lực lớn lao, thì « cây gươm tinh thần » của thánh Phao-lô đã luôn luôn bị cảm dỗ biến thành cây gươm thép thật sự. Kể từ dạo ấy, mỗi khi hoàn cảnh cho phép, Giáo hội đã không ngần ngại dùng thế lực để tiêu diệt những tôn giáo khác, đập phá các đền thờ « tà thần », đốt sách vở ngoại đạo và... đốt luôn bọn người bị xem là « lạc đạo », nếu không chịu sửa sai.

Những hành động nói trên không phải bắt nguồn từ một khuynh hướng đế quốc mà từ cái ý thức rất chân thành và nghiêm chỉnh của Giáo hội vì sự mạng cao cả của mình : mong Sự Thật đến cho nhân loại. Thật là cảm động khi nhìn lại cái ý chí sắt đá mà Giáo-hội đã giữ được nguyên vẹn qua bao cuộc thăng trầm trong gần hai ngàn năm lịch sử, đề thi hành mạng lệnh cuối cùng của Đức Ky-tô : « Các con hãy ra đi dạy dỗ mọi dân tộc ». Điều đáng buồn là một số phương pháp mà Giáo hội đã dùng để dạy dỗ các dân tộc, có tính cách phản giáo khoa quá cỡ !

Sự bất khoan dung đã khiến cho Giáo hội không bao giờ chấp nhận tự do trong nội bộ của mình cũng như trong xã hội loài người nói chung. Trong nội bộ Giáo hội, người Công giáo không được quyền có ý kiến riêng, mà luôn luôn phải nghe theo lời dạy của giáo quyền. Có một ý kiến riêng là đã « lạc đạo » rồi, như Giám-mục Bossuet viết : « Người lạc đạo (hérétique) là người có một ý kiến, theo nguyên nghĩa. Mà có một ý kiến là gì ? Là có một tư tưởng riêng, một tình cảm riêng. Nhưng người Ky-tô-hữu là người Công-giáo, nghĩa là con người phổ biến (universel). Con người ấy không

có tình ý riêng tư, mà luôn luôn tuân theo tình ý của Giáo-hội, không chút do dự » (1). Trong xã hội loài người, Giáo hội không bao giờ công nhận cho các tôn giáo khác hoặc cho những người không Công-giáo cái quyền ăn nói ngang hàng với mình, bởi cái lý do giản dị là chỉ Giáo-hội mới có sự Thật và chỉ sự Thật mới có quyền ăn nói. Người sai lầm thì chỉ có mỗi một quyền : Quyền sửa sai !

Trong suốt thế kỷ 19, mặc dầu thế lực không còn như xưa, Giáo-hội vẫn tranh đấu một cách tuyệt vọng chống lại chủ nghĩa tự do, nhứt định không nhìn nhận những quyền tự do tín ngưỡng, tư tưởng, ngôn luận, báo chí, giáo dục v.v... là những quyền tự nhiên và căn bản của con người (2), bởi vì không thể xem Sự Thật và sự sai lầm như ngang hàng với nhau. Trong Thông điệp ngày 29-4-1814 gửi Đức Giám mục địa phận Troyes, Đức Giáo hoàng Pie VII viết : « Người ta lẫn lộn Sự Thật với sự sai lầm; người ta đặt vị Hiên thế thánh thiện và tinh tuyền của Đức Ky-tô (tức Giáo-hội Công-giáo) ngang hàng với những giáo-phái lạc đạo và ngay cả với bọn Do-thái bất tín ». Đức Giáo hoàng Grégoire XVI đã gọi tự do báo chí là « thứ tự do tai hại nhứt, đáng ghét nhứt, kinh tởm nhứt mà một số người dám đòi hỏi một cách ồn ào

(1) Première instruction pastorale sur les promesses de l'Église.

(2) Giáo hội đã lên án chủ nghĩa tự do qua 3 bức Thông điệp : « Mirari vos » của Grégoire XVI (1832), « Quanta cura » của Pie IX (1864) và « Libertas praestantissimum » của Léon XIII (1888). Thông điệp sau cùng này tiến bộ hơn đôi chút, nhưng vẫn không công nhận các tự do nói trên như những quyền tự nhiên mà chỉ chấp nhận chúng như một thực trạng.

cuồng nhiệt và quảng bá khắp nơi... ».
(Mirari vos).

Hậu quả thực tế của thái độ nói trên là trông quá khứ, người Công giáo chỉ đòi hỏi tự do khi họ còn là thiểu số nhưng khó có thể tôn trọng tự do của kẻ khác khi họ trở thành đa số. Và khi họ là tất cả, thì chắc chắn không còn tự do, như Linh-mục Jacques Leclercq, ông Thầy khả kính của tôi ở Đại-học Louvain, đã viết cách đây mới có hai mươi năm :

« Việc gì sẽ xảy ra khi toàn thể một dân tộc theo đạo Công-giáo? Cộng-đồng Công-giáo ấy sẽ tổ chức đời sống tập thể theo những nguyên-tắc Công-giáo và sẽ không cho phép ai đả kích những nguyên-tắc ấy. Trong xã-hội đó, kẻ nào tuyên truyền chống lại đạo Công-giáo, sẽ bị xem như phá hoại nền móng xã-hội » (1)

Tóm lại, ít nữa là trước Cộng-đồng Vatican II, lý tưởng của Giáo-hội vẫn là thời vàng son Trung cổ trong đó Giáo-hội có đủ thế lực để giành cái độc quyền dạy dỗ các dân tộc.

Tôi nghĩ rằng chính sự bất khoan dung nói trên (ngoài những lý do khác) đã khiến cho Giáo-hội va chạm nặng nề với các dân tộc Á-đông và đã không thành công mỹ mãn trong việc rao giảng tin mừng tại vùng đất này. Sau bốn thế-kỷ giảng đạo với những phương tiện hùng hậu những hy sinh lớn lao, phải nhận rằng số người Á-đông theo đạo thật là ít ỏi (2), ngoại trừ tại xứ Phi-luật-Tân là cái xứ hỗn tạp và kém văn minh nhất Châu-A.. Lý do căn bản của kết quả khiêm tốn ấy phải chăng là người Á-đông, khi theo đạo, phải ly cách với cộng-đồng dân tộc chính và Giáo-hội đã

xem các nền văn hóa Á-đông là vô giá trị, sai lầm, tội lỗi, do đó gần như bắt buộc người Á-đông phải lựa chọn giữa dân tộc và Giáo hội ?

Trường hợp điển hình nhất là việc cấm người Công giáo không được thờ cúng tổ tiên cũng như không được tham dự những buổi ăn ngày giỗ. Nếu chúng ta nhớ lại tính cách vừa thiêng liêng vừa ấm cúng của ngày giỗ và vai trò trọng yếu của nó trong các mối tương quan xã hội thời trước, giữa những cộng-đồng nhỏ bé và đóng kín như thôn xóm làng mạc, thì quả thật người Công-giáo Trung hoa hay Việt-nam, khi theo đạo, phải rút lìa quê hương mình, sống bên lề đời sống của dân tộc.

Ngày nay, hầu hết mọi người đều đồng ý rằng việc cấm đạo, giết đạo dưới các nhà vua triều Nguyễn, là một hành động bất nhân và sai lầm. Nhưng nếu chúng ta tự đặt mình vào địa vị các nhà Vua ấy, vào cái khung cảnh tâm-lý thời đó, thì có lẽ chúng ta khó có thể làm khác hơn. Trong cuốn « La geste française en Indochine » của ông G. Taboulet, cô kể lại chuyện Hoàng tử Cảnh, sau chuyến viễn du Tây phương với Giám mục Bá-đa-Lộc. đã không chịu quỳ lạy trước bàn thờ tổ tiên khi về nước. Hành động ngây thơ của ông Hoàng tí hon kia đã gây một cuộc khủng hoảng khá trầm trọng giữa Bá-đa-Lộc và triều đình nhà Nguyễn. Tôi ngẫm nghĩ hoài và tự hỏi phải chăng cái biến cố nhỏ nhặt nhưng quan

(1) Leçons de Droit naturel, sđd, tr. 94.

(2) Đó là chỉ nhìn đến số lượng. Nếu nhìn đến phẩm lượng (qualité) thì kết quả có lẽ còn khiêm tốn hơn nữa chưa có một Giáo-hội Á-đông nào sản xuất được một vị Thánh và cái trình độ đạo đức trung bình của người Công-giáo Á-đông không có gì gọi là « cao » hơn những người không Công-giáo.

trọng ấy đã gây một ấn tượng thật xấu về đạo Công giáo nói riêng cũng như về Tây phương nói chung và đã là nguyên nhân của chánh sách bài Tây của các nhà vua triều Nguyễn. Trong lịch sử, những hậu quả lớn thường bắt nguồn từ những nguyên nhân nhỏ. . . .

oOo

Lựa chọn giữa tôn giáo và dân tộc : trong lịch sử có lẽ chỉ có người Công giáo là phải đương đầu với một tình cảnh đau đớn như vậy.

Sự bó buộc phải lựa chọn nói trên càng gay gắt và quyết liệt hơn nữa khi mà *ý thức dân tộc*, kể từ cuối thế kỷ 18 thường đi đôi với *ý thức cách mạng*.

Ý thức cách-mạng vừa có tính cách *tại thế* như *ý-thức dân-tộc*, vừa có tính cách *phổ-biến* như *ý-thức tôn-giáo*. Nó bộc phát từ sự phản kháng triệt để một trật tự xã-hội bị xem là phi nhân và từ các dự-phóng dứt khoát thiết lập một trật tự mới được xem như thật sự nhân-bản, không phải riêng cho một dân-tộc nào mà cho toàn-thể nhân loại.

Vì là *tại thế*, *ý thức cách-mạng* *phủ nhận tôn giáo*, xem tôn giáo như là một ảo tưởng do những kẻ thống trị tạo ra để biện-minh và che đậy sự đàn áp bóc lột của chúng, đồng thời an ủi những kẻ bị trị bằng một sự giải phóng hảo huyền ở đời sau. Sâu xa hơn nữa, nó phủ nhận mọi nguyên lý siêu hình chi phối số phận của con người trong trần gian và khẳng định quyền tự quyết toàn diện của con người đối với chính mình. Hiểu như vậy, nó là một cố gắng quyết liệt nhất của con người để thoát khỏi kềm kẹp của *định-mệnh* (dẫu cho *định-mệnh* được hiểu như là ý-chí của một Thượng đế toàn năng, hoặc như cái vòng lẩn quẩn của luân hồi nghiệp-báo hoặc như sự tất-yếu

tuyệt đối của thiên nhiên), hầu thể-hiện tự-do thật sự của con người, giành lại con người quyền làm chủ trái đất và làm chủ chính mình.

Vì là *phổ biến*, *ý-thức cách-mạng* *phủ nhận dân tộc*, xem dân-tộc như chỉ là một giai-đoạn trong lịch-trình tiến-hóa của nhân-loại và sâu xa hơn nữa, như là một ảo-tưởng do chính kẻ thống trị tạo nên để gây một sự hiệp nhứt giả tạo giữa các thành-phần xã-hội, hầu che lấp hoặc xoa dịu những mâu-thuẫn căn bản giữa những thành-phần ấy. *Ý-thức cách-mạng* chọc thủng các biên-thùy quốc-gia và phân chia nhân-loại theo chiều ngang thay vì theo chiều dọc : bên trên là những kẻ thống trị, đàn áp, bóc lột ; bên dưới là những kẻ bị trị, bị đàn áp bóc lột. Đó là mối mâu thuẫn căn bản, đích thực và phổ biến ngăn chặn sự hiệp nhứt giữa người với người. Trái lại, những cuộc tranh chấp giữa các quốc-gia chỉ bộc phát từ những mâu thuẫn nhứt thời giữa các thành-phần thống trị được nguy trang thành tranh chấp dân-tộc để lôi cuốn các thành phần bị trị, đồng thời làm cho các thành phần này quên đi mối mâu thuẫn căn bản nói trên.

Tóm lại, *ý-thức cách-mạng* *phủ nhận* cả tôn-giáo lẫn dân-tộc, chính vì cái tham vọng thể hiện thật sự *hai mơ ước căn bản của con người*, mà tôn-giáo và dân tộc chỉ thỏa mãn một cách huyền hoặc : sự *giải-phóng* và sự *hiệp nhứt*. Muốn giải phóng và hiệp nhứt thật sự, phải lật đổ vĩnh viễn và toàn diện các thành phần thống trị trên khắp thế-giới, thực hiện một nhân loại thống nhứt, đại đồng, làm chủ vận-mạng của mình.

Đó là lý thuyết. Trong thực tế, ít nữa là cho tới ngày nay, những cuộc Cách-mạng đều bộc phát từ một dân-tộc và sau một thời gian say sưa với chiều hướng quốc tế, đều lắng đọng trong biên thùi dân-tộc. Lý do rất dễ hiểu: Sau khi lật đổ kẻ thống trị, Cách mạng phải nắm chính quyền để thiết lập trật tự mới, nghĩa là phải *nhập thể vào một quốc-gia*. Quốc gia này không còn là công-cụ của một thiểu số mà đại diện cho toàn thể dân-tộc do đó khuynh hướng tự nhiên của nó là bảo vệ những quyền lợi căn bản, thực hiện những mục tiêu lịch sử của dân-tộc, dầu cho những quyền lợi, mục tiêu này có thể không phù hợp với quyền lợi, mục tiêu của Cách mạng nói chung, nghĩa là Cách mạng thế-giới. (1) Cuộc xung đột dữ dội giữa Liên-xô và Trung-quốc cho thấy rằng hai quốc gia cùng theo một chủ nghĩa cách mạng và cùng phải đương đầu với một kẻ thù chung, vẫn không thể xóa bỏ những mâu thuẫn quyền lợi đôi khi thật là nhỏ nhen, giữa hai dân-tộc. Những lời cãi vã lòng dòng khó hiểu về đường lối cách-mạng giữa các nhà lãnh đạo hai bên, thật ra chỉ là đám mây mù che lấp những mâu thuẫn quyền lợi nói trên mà thôi. Thật ra, kể từ cuộc Cách mạng Pháp cho tới ngày nay, các quốc-gia cách-mạng đều đồng hóa quyền-lợi của dân tộc mình với quyền lợi của Cách-mạng, và một quốc-gia càng lớn, càng có tham vọng lãnh đạo thì càng đồng hóa dễ dàng hai quyền lợi này.

Khi Cách-mạng dừng lại ở biên thùi dân-tộc thì thay vì phủ nhận ý-thức dân-tộc, nó lại đưa ý-thức này đến mức độ cao nhất, bởi vì hậu quả đầu tiên của Cách-mạng là phá vỡ những cơ-

cấu ngăn cách các thành-phần xã-hội, hoàn thành sự hiệp nhất của dân-tộc. Một dân tộc hiệp nhất — dầu là hiệp nhất trong sự bó buộc — tự nhiên sẽ hùng mạnh hơn một dân tộc chia rẽ và càng hùng mạnh thì ý thức của nó càng cao. Trường hợp điển hình nhất là nước Pháp: trong thời Trung-cổ, người Pháp chưa có ý-thức dân-tộc, họ chỉ có ý-thức địa-phương (người của tỉnh này, vùng nọ) và ý-thức tôn-giáo (người Công-giáo); ý thức dân tộc chỉ manh-m nha từ thời Phục-Hưng, khi các nhà vua dòng Capet bắt đầu thống nhất nước Pháp và chỉ bộc phát rõ rệt trong Cách-mạng 1789. Cho nên có thể nói rằng dân tộc Pháp chỉ thật sự thành hình, thật sự ý-thức về nó như là một toàn thể, từ Cách-mạng Pháp. Tại Á châu, ý thức dân-tộc đã có từ lâu, nhưng nó chỉ phản-tỉnh thật sự trong quá trình đấu tranh Cách-mạng, Cách-mạng giải-phóng hoặc Cách mạng xã-hội, của thế-kỷ 20.

Như vậy, mặc dầu phủ nhận dân-tộc trên lý thuyết, hậu quả thực-tế của Cách-mạng là *nâng cao ý-thức dân-tộc*, nghĩa là tăng gia cái khuynh hướng *toàn diện, đóng kín và tự mãn* của dân tộc.

Một quốc gia cách mạng, do đó, không thể không xung đột với các tôn-giáo, nhất là với Thiên-Chúa giáo và trong trường hợp này, cuộc tranh chấp có tính cách quyết tử, một mất một còn, vì đây là sự đương đầu giữa hai ý-thức cùng có khuynh hướng toàn diện, đóng kín và tự mãn, giữa hai tổ-chức chặt chẽ, tinh vi, cứng rắn và

(1) Xem « Cảm nghĩ về cuộc Cách-mạng Nga » Đất Nước số 3.

đều có tham vọng bao trùm đời sống con người. Khi đó hai bên sẽ giành giựt với nhau những đứa con chung, bắt chúng nó phải lựa chọn dứt khoát: Quốc-gia hay Giáo-hội, Đất hay Trời.

oOo

Năm 1951, Chánh quyền Cách-mạng Trung quốc phát động phong trào « 3 tự trị » trong Giáo-hội Công-giáo Trung-hoa, với mục đích tách rời Giáo-hội này khỏi Tòa Thánh La-mã. Một trong những hoạt động đầu tiên của phong-trào là đả kích và đòi trục xuất Đức Khâm-sứ Riberi, đại diện của Đức Giáo-hoàng. Ngày mùng 3 tháng 6 năm đó, trong một buổi mết-ting do phong trào nói trên tổ chức tại Chounting, linh-mục Jean Tong Che-Tche đã đọc bài diễn văn sau đây (mà tôi xin trích dịch những đoạn chánh) trước mặt các đại-dien của chánh-quyền, giáo-quyền và đông đảo giáo dân:

« Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần

(ngiên mình về phía chân dung của Chủ tịch Mao-Trạch-Đông về phía cử tọa)

« Kính thưa quý vị đại diện cao cấp của chánh quyền và giáo quyền.

« Hỡi anh chị em giáo-hữu trung thành với đức tin,

« Thưa quý vị,

« Đề tài của bài diễn văn này là: sự hy sinh của chính bản thân tôi cho hai quyền bính tối cao.

« Những người không tin nơi sự hiện hữu của Thượng-đế, của linh hồn, không nhìn nhận Đức Giáo hoàng là đại diện của chúa Giê-su Ky-tô, cũng không nhìn nhận hàng Giáo phẩm Công giáo, những người ấy đã trình bày phong trào « 3 tự trị » như một phong trào yêu nước thuần túy... Phong trào này phát triển bên ngoài hàng Giáo phẩm Công giáo và hôm nay, nó kêu gọi chúng ta đả kích Đức cha Riberi, đại diện của Đức Giáo hoàng. Ngày mai, nó có thể yêu cầu chúng ta đả kích Đức Giáo hoàng, đại diện của Chúa Ky-tô. Rồi ngày một, tại sao nó lại không thúc đẩy chúng ta đả kích cả Chúa Giê-su Ky-tô Thiên-Chúa của chúng ta? Lẽ dĩ nhiên, trên bình diện lý thuyết, khi người ta đả kích, bao giờ người ta cũng phân biệt điều này với điều khác. Nhưng trong thực tế, Thiên Chúa là một, Đức Giáo hoàng là một, vị đại diện của Ngài là một. Không thể chấp nhận một sự phân biệt nào cả. Như vậy, trong thực tế, phong trào « 3 tự trị » nói trên sẽ không cho phép tôi tiếp tục sống như người Công giáo. Bởi vì phong trào ấy, trong thực tế, mâu thuẫn với sự tự chủ đích thực của chính Giáo - hội Công giáo (.,.)

« Thưa quý vị,

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

« Tôi có một linh hồn bất khả phân, nhưng thể xác tôi có thể chia cắt được. Có lẽ điều tốt hơn hết là hiến dâng toàn thể linh hồn tôi cho Thiên-Chúa và Giáo-hội và hiến dâng thân xác tôi cho Quốc gia. Nếu Quốc gia muốn, tôi sẽ không từ chối việc ấy. Những người duy vật phủ nhận sự hiện hữu của linh hồn chắc chắn sẽ vừa lòng về món quà này (...)

« Tôi xin tóm tắt. Tôi là một người Công giáo Trung-Hoa. Tôi yêu đất nước tôi, nhưng tôi cũng yêu Giáo-hội tôi. Tôi quyết liệt không chấp nhận bất cứ điều gì mâu thuẫn với luật pháp của Quốc-gia cũng như với quy luật của Hội-Thánh và trước hết mọi sự, tôi không chấp nhận bất cứ điều gì có thể gây sự bất hòa giữa Quốc-gia và Hội Thánh. Nhưng nếu Giáo quyền và Chánh-quyền không thể hòa giải với nhau thì sớm hay muộn, mọi người Công-giáo Trung-Hoa chỉ còn biết lựa chọn sự chết mà thôi. Như vậy, tại sao không cố gắng hiến đời sống của mình

ngay bây giờ để hai bên có thể thông cảm với nhau mau lẹ hơn ? ... » (1)

Bài diễn văn trên đây, với cái nội dung ôn hòa nhưng bất khuất đã nói lên tâm trạng dứt khoát nhưng thật là đau đớn của một người Công-giáo : vẫn yêu mến quê hương nhưng chỉ có thể lựa chọn Giáo-hội.

Tôi đã đọc bài diễn-văn này lúc còn là sinh viên. Và tôi đã rung mình mà nghĩ rằng chính tôi, một ngày nào đó, cũng có thể bị đặt trước một sự lựa chọn bi đát như vậy. Lúc ấy, giữa Trời và Đất, tôi sẽ lựa chọn bên nào ? Và tôi đã viết loạt bài này để tìm cách trả lời câu hỏi đã đặt ra mười mấy năm trước đây. Bởi vì, cũng như Linh mục Tong Che Tche, «tôi yêu đất nước tôi, nhưng tôi cũng yêu Giáo-hội tôi».

(còn tiếp một kỳ)

LÝ-CHÁNH-TRUNG.

(1) bản dịch tiếng Pháp đăng trong tạp chí Réponse, Louvain Janvier 1953

TIN BUỒN

Chúng tôi rất đau buồn khi hay tin THÂN PHỤ nhà thơ Đĩnh Trầm Ca đã mệnh chung tại Quảng Nam ngày 26-5-69.

Và chúng tôi không khỏi bàng hoàng xót xa khi được tin nhà thơ NGUYỄN - NHO - NHƯƠN đã từ trần tại nhà thương Đà Nẵng ngày 25-5-69.

Lương Trọng Minh — Hoàng ngọc Châu — Lê văn Ngăn — Trần hoài Thư — Phạm cao Hoàng — Uyên Hà — Hạ đình Thao — Hoàng Lộc Lê Đình Phạm Phú Xuân Hiến và Tòa soạn Bách-Khoa.

REGAST

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

MỤC-LỤC THEO BỘ MON CUA BACH-KHOA

từ số 289 đến số 300, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1969*

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu. Bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho,

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ-LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Vụ tàu Pueblo	Vũ Bảo	289	21
2	Trăm Việt trên vùng định mệnh	Phạm Việt Châu	290-91	7
3	Dấu chân Bách Việt	— id —	292	11
4	Diễn trình hình thành một tổ hợp Đông-Nam-Á	— id —	293	25
5	Lào quốc	— id —	294	43
	— id —	— id —	295	21
6	Thái Lan	— id —	296	33
	— id —	— id —	297	23
7	Phi luật Tân	— id —	298	33
	— id —	— id —	299	11
8	Miến Điện	— id —	300	11
9	Mấy lời nhắn nhủ các luật gia	Đình Đạo dịch Helder Camara	296	41
10	Sự cấu kết giữa Trung Cộng với Hoa kiều ở Cao miên và Việt-Nam	Lê Hương	295	47
	— id —	— id —	296	46
	— id —	— id —	297	47
11	Dự định can thiệp bất thành của Hoa Kỳ vào trận Điện biên phủ	Ngô Hữu	294	19

* B.K.T.Đ. số 289 (15-1-1969)
 B.K.T.Đ. số 290-91 (01-2-1969)
 B.K.T.Đ. số 292 (01-3-1969)
 B.K.T.Đ. số 293 (15-3-1969)
 B.K.T.Đ. số 294 (01-4-1969)

B.K.T.Đ. số 295 (15-4-1969)
 B.K.T.Đ. số 296 (01-5-1969)
 B.K.T.Đ. số 297 (15-5-1969)
 B.K.T.Đ. số 298 (01-6-1969)
 B.K.T.Đ. số 299 (15-6-1969)
 B.K.T.Đ. số 300 (01-7-1969)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
12	Sự ra đi của De Gaulle	Trần Lương Ngọc	297	72
13	Đại hội đại biểu toàn quốc thứ 9 của Cộng đảng Trung Hoa		298	11
14	Thời sự chính trị	Nguyễn	295	71
	— id —	Thế Nhân	296	69
	— id —	— id —	299	76
15	Sau cuộc chọn lựa	Võ Phiến	289	28
16	Cuộc tiếp xúc hụt Mỹ—Trung Cộng tại Varsovie	Việt Phương	293	13
17	Cuộc xung đột biên giới Nga-sô — Trung Cộng	— id —	294	5
18	Diễn biến cuộc tranh chấp Nga Hoa trong 10 năm vừa qua	— id —	297	5
19	Con đường dẫn tới hòa bình	— id —	298	5
20	Đại hội C. S. Thế giới	— id —	300	5
21	Người thanh niên Âu-Mỹ hôm nay	Tràng-Thiên	295	15
22	1968 một năm bạo động	Từ Tri	289	7
23	Thời sự thế giới	— id —	290-91	113
	— id —	— id —	292	73
	— id —	— id —	293	72
24	Ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc	Lý Chánh Trung	293	5
	— id —	— id —	294	33
	— id —	— id —	295	25
	— id —	— id —	300	65
25	Tự thiêu, xét về giá trị và ý nghĩa chiến thuật chính trị	Tạ Chí Đại Trường	296	5
26	Phương vị các chính đảng	Hồ Dã Tương	299	29
	<u>GIÁO-DỤC</u>			
1	Bàn về tư tưởng chỉ đạo trong nền giáo dục Việt-Nam	Đoàn-Nhật-Tấn	295	5
2	Vai trò nhà giáo trong thời hậu chiến	Trần Kim Thạch	289	59
3	Cuộc đời hoạt động của khoa-học-gia nơi Đại-học	— id —	294	25

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
<u>KINH-TẾ</u>				
1	Một năm kinh tế	Duy	289	12
	— id —	— id —	290-91	101
<u>KHOA - HỌC</u>				
1	Sa mù, người là ai ?	Chàng Lưu	299	17
2	Một khám phá mới mẻ về di-truyền-tính (thuật theo C. Edelmann)	Vũ-Đình-Lưu	290-91	19
3	Chương trình Apollo : đường lên cung Quảng	Trần-Lương-Ngọc	295	41
4	Chuyến bay Apollo 10	— id —	299	68
5	Khả năng khoáng sản miền Nam và vai trò kỹ-thuật-gia	Trần-Kim-Thạch	293	19
6	Cuộc đời hoạt động của khoa-học-gia nơi Đại-học	— id —	294	25
7	Hội thảo khoa học : Vấn-đề dầu hỏa ở miền Nam Việt-Nam	Nguyễn-văn-Vân	297	41
8	Quân tự vệ tiền phong của cơ thể : Interferon	Võ-quang-Yến	292	39
9	Hoa lệ	— id —	298	39
10	Chiếc dù nhảy	— id —	300	17
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Điện ảnh Việt Nam ngày nay	Thế Nhân	300	25
2	Dục tính trong nghệ thuật mới	Ngọc-Trang	299	71
<u>SỬ ĐỊA</u>				
1	Trăm Việt trên vùng định-mệnh	Phạm-Việt-Châu	290-91	7
2	Dấu chân Bách Việt	— id —	292	11
3	Diễn trình hình thành một tổ hợp Đông-Nam-Á	— id —	293	25
4	Lào quốc	— id —	294	43

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
	Lào Quốc	Phạm Việt Châu	295	21
5	Thái-Lan	— id —	296	33
	— id —	— id —	297	23
6	Phi-luật-Tân	— id —	298	33
	— id —	— id —	299	11
7	Miến-Điện	— id —	300	11
8	Dự định can thiệp bất thành của Hoa Kỳ vào trận Điện- biên-phủ	Ngô Hữu	294	19
<u>TIỂU SỬ—DANH NHÂN</u>				
1	Herbert Marcuse	Nguyễn Khánh Hòa	298	27
2	Dwight Eisenhower	Việt Phương	295	35
<u>TRIẾT</u>				
1	Thuyết cơ cấu và phê bình văn-học	Trần thái Đình <i>dịch</i> Gérard Genette	289	45
	— id —	— id —	290-91	29
	— id —	— id —	292	29
2	Ảnh hưởng khốc liệt của chiến tranh	Vũ đình Lưu <i>dịch</i> Sigmund Freud	296	11
3	Các nguy hại của sự chuộng "mốt" trí thức (Tanneguy de Quénétain phỏng vấn Ray- mond Aron)	Tràng Thiên <i>dịch</i>	296	19
4	Tìm hiểu cơ cấu luận như một phương pháp, một triết thuyết và đặt vấn đề tiếp thu	Nguyễn văn Trung	293	35
	— id —	— id —	294	11
<u>TÔN GIÁO</u>				
1	Hồng y Suenens lên tiếng về cách làm việc hình thức, háo danh và lỗi thời của đĩnh- thần La-Mã	Tràng Thái Đình <i>thuật</i>	299	63

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
2	Khủng hoảng trong Giáo - hội Công-giáo	Nguyễn Khánh Hòa	294	49
3	Ý thức tôn giáo và ý thức dân tộc	Lý Chánh Trung	293	5
	— id —	— id —	294	33
	— id —	— id —	295	25
<u>VĂN-HỌC, VĂN-HÓA</u>				
1	Thương tiếc Đông Hồ (Câu đối, thơ)	Vũ hoàng Chương	294	70
2	Thuyết cơ-cấu và phê bình văn học	Trần Thái Đĩnh dịch Gérard Genette	289	45
	— id —	— id —	290-91	29
	— id —	— id —	292	29
3	Những ngày cuối cùng của thi-sĩ Đông Hồ	Lê Trung Hoa	296	27
4	Bốn lối kết trong tiểu thuyết	Nguyễn Hiến Lê	289	41
	— id —	— id —	290-91	26
5	Kịch hát Đông Hồ		291	28
6	Phong cách Đông Hồ		292	29
7	Ba Kịch		293	30
8	Buồn Đông Hồ		294	31
9	Yã-Hạc	Nguyễn Đức Sơn	30	11
10	Vài nét về Đông Hồ	Đoàn Thêm	294	73
11	Các nguy hại của sự chuộng «mốt» trí thức (Tanneguy de Quénétain phỏng vấn Raymond Aron)	Tràng Thiên (dịch)	296	19
12	Sách thời đại	— id —	297	37
13	Điều Đông-Hồ	Đông Xuyên	294	71
<u>XÃ-HỘI</u>				
1	Herbert Marcuse, tiên tri của người sinh viên nổi loạn	Nguyễn Khánh Hòa	298	27
2	Hội đoàn phụ nữ tại Việt Nam	Minh-Quân	289	53

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
3	Người thanh niên Âu-Mỹ hôm nay <u>LINH TINH</u>	Tràng Thiên	295	15
1	Người Thượng dọc theo dãy Trường-Sơn — id —	Lan Đình — id —	297 298	15 43
2	Nghiên mực Túc-Mặc-Hầu của vua Tự-Đức	Vương Hồng Sển	290-91	13
3	Chuyện 7 cây ngọc Như - ý thấy tại Đài Bắc	— id —	293	53
4	Ý thức huyết thống trong tinh thần dân tộc Việt	Đoàn Nhật Tấn	299	5
VĂN - NGHỆ				
<u>BÚT KÝ — HỒI KÝ</u>				
1	Chuyện cá voi	Linh Bảo	298	47
2	Lang thang trên các địa hạt — id —	Đoàn Thêm — id —	289 290-91	63 33
	Hình ảnh gần xa	— id —	292	19
3	Đoạn đường chiến binh : đoạn đường cát lở	Thế Uyên	292	69
<u>TUY BÚT</u>				
1	Những con diều trong thành phố	Trùng Dương	289	102
2	Ý nghĩ về một mùa xuân chưa kịp nở	— id —	290-91	55
3	Vài dòng cho người đã khuất	Bùi Đăng	293	57

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
4	Mùa Xuân của thiên nhiên	Trần văn Kha	290-91	5
5	Thư cho học trò	Thủy Triều	300	53
	<u>PHÒNG SỰ - PHÒNG VẤN</u>			
1	Phòng vấn 6 nhà văn phụ nữ : Trùng Dương, Nguyễn - thị - Thụy-Vũ, Nguyễn-thị-Hoàng, Minh Quân, Túy-Hồng, Nhã- Ca, về thời cuộc và đời sống đối với công việc sáng tác	Lê- Phương Chi	292	43
2	Ngày Tết ở chợ trời biên giới Gò Dầu Hạ	Lê Hương	290-91	87
3	Tình hình xuất bản sách trước và sau biến cố Mậu Thân 1968 (Các nhà xuất bản : Ca dao, Nguyễn-hiển-Lê, Thời Mới, Miền Nam, Hoàng Đông Phương, Phạm Quang Khai, An Tiêm...) Các nhà xuất bản : Mặc-Lâm, Sáng Tạo, Lá Bối, Trình-Bầy, Tuổi-Hoa Các nhà xuất bản : Văn nghệ, Văn...	Ngê Bá Lí	289	35
		— id —	293	63
		— id —	294	75
	<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
1	Vết chân chim sẻ	Hồ Trường An	296	5
2	Nhớ một cành mai	Phan Du	290-91	65
3	Ngôi nhà trên Thượng Thành	Hồ Minh Dũng	293	41
4	Trần trường	Trần văn Hiệu	295	51
5	Đốt lửa trong đêm	Biên Hồ	290-91	45
6	Người điên	— id —	294	55
7	Những ngày bỏ trống	— id —	295	59
8	Quanh quần đêm ngày	— id —	297	67
9	Bên kia đường	Định Nguyên	293	49
10	Phố tình nhân	— id —	296	51
11	Ngõ cao	— id —	299	52
12	Bay cao	Trần Doãn Nho	300	33
13	Người con gái đầu tiên	Huỳnh Phan	290-91	77

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
14	Giấc ngủ trên quê hương	— id —	294	59
15	Một chỗ thật tịch mịch	Võ Phiến	290-91	97
16	Cát vàng	Lữ Quỳnh	290-91	93
17	Ngựa nản chân bon	Trần Hoài Thư	289	89
18	Tình nhớ	— id —	295	65
19	Tình yêu dậy thì	— id —	298	66
20	Sông sâu cũng lội	— id —	300	45
21	Quán qua đêm	— id —	289	75
22	Có bao nhiêu cánh bướm trên biển	Hoàng Ngọc Tuấn	292	61
23	Ở một nơi ai cũng quen nhau	— id —	297	53
24	Mưa mùa đông trên tuổi thơ	— id —	299	39
25	Như chỗ nghỉ chân	Từ Kế Tường	298	53
THƠ				
1	Chiều xuân trên cao	Trần Huiễn Âu	290-91	52
2	Người đã lên tàu	— id —	293	55
3	Nói với em	Vũ Hoàng Chương	297	64
4	Mối tình đầu	— id —	299	50
5	Hoa chúc	Bùi Khánh Đản	290-91	86
6	Họa bài Hoài Xuân của Duy Thức	Việt Hán	290-91	63
7	Tuổi mười hai	Đông Hồ	289	6
8	Xuân tư	— id —	290-91	44
9	Bài thơ 12 năm	Nguyễn Ngu Í	289	5
10	Sinh lễ	— id —	299	49
11	Mùa xuân trên chiến địa	Trần Tuấn Kiệt	290-91	75
12	Mẹ	Hạ Lan	290-91	76
13	Họa bài Hoài Xuân của Duy Thức	Ngê Bá Lí	290-91	63
14	Trên quê ta đó	Tường Linh	289	100
15	Liên khúc xuân tình	— id —	297	63
16	Mẹ quê xa	— id —	299	60
17	Nói với Luân Hoán	— id —	300	43
18	Ba đêm trên quê hương Bình Định	Huy Lực	295	58

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
19	Bếp lửa chiều sông	Trần thị Tuệ Mai	290-91	51
20	Những người cùng làm việc	Lê văn Ngăn	289	99
21	Đóa hồng mùa Xuân tuổi thơ	Đỗ Nghê	293	45
22	Xuân của cu Bần	Lê minh Ngọc	290-91	53
23	Về khơi	Phượng hoa Sử	297	71
24	Họa bài Hoài - Xuân của Duy Thức	Lê thanh Thái	290-91	63
25	Thơ	Đoàn-Thêm	290-91	43
26	Mùa đông ở Huế	Trần Hoài Thư	293	47
27	Tin hồng	Phạm Thiên Thư	295	57
28	Hoài xuân	Duy Thức	290-91	63
29	Mừng tuổi em gái	Đông Trình	295	69
30	Đời không bằng mộng	— id —	299	59
31	Xuân ý	Mộng Tuyết	290-91	44
32	Thanh xuân	Đặng Tấn Tới	300	41
33	Lưu bút mùa Hạ 69	Phan Phụng Thạch	300	55
34	Khóc Nguyễn Nho Nho	Hạ Đình Thao	300	42
35	Hoàng hôn của một người	Uyên Hà	300	42
36	Tượng đá buồn	Nguyễn Hữu Hạnh Vũ	293	56

SINH - HOẠT

1	Thời sự khoa học	Tử-Diệp	289	117
	— id —	— id —	290-91	120
	— id —	— id —	293	79
2	Tin khoa học	Ngọc	295	73
3	Thời sự văn nghệ	Tràng-Thiên	289	120
	— id —	— id —	290-91	122
	— id —	— id —	292	77
	— id —	— id —	293	75
	— id —	— id —	294	67
	— id —	— id —	295	74
	— id —	— id —	296	73
	— id —	— id —	297	76
	— id —	— id —	298	75
	— id —	— id —	299	73
	— id —	— id —	300	59

KRISHNAMURTI

CÁCH MẠNG CON NGƯỜI

Bản dịch của

NGUYỄN-MINH-TÂM và ĐÀO HỮU-NGHĨA

Bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ

62 Lê-Lợi Saigon

Giá 120 đ.

Đã phát hành

ấn phẩm thứ 3 của Tờ-hợp Xuất-bản GIÓ :

PHÂN TÂM HỌC

**áp dụng vào việc nghiên cứu
các ngành học văn**

VŨ ĐÌNH LƯU biên khảo

Một công trình biên khảo sâu sắc và đầy đủ nhất về FREUD, ông tổ Phân Tâm Học thế giới, và những ứng dụng của PHÂN TÂM HỌC trong các lãnh vực Văn Học, Ngôn Ngữ, Giáo Dục, Xã Hội học ..

LƯU Ý CÁC TIỆM SÁCH và ĐẠI LÝ :

Từ nay sách của tờ hợp xuất bản GIÓ do cơ sở phát hành TRÌNH BÀY đảm nhiệm, tại địa chỉ :

291, Lý Thái Tổ - SAIGON

Sẽ phát hành trong tháng 7-69

HƯƠNG MÁU

tập truyện của NGUYỄN VĂN XUÂN

tập truyện với những tình cảm lớn lao, những con người đau khổ nhưng không hề khuất phục, những con người luôn luôn ngừng cao đầu mà đi như dân tộc mình, những con người Việt-Nam v.v...

Trường Sơn xuất bản

Sóng Mới phát hành

Trong Gia - đình êm - ấm

Hay trên đường xa

khát mệ



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chưa HÒA TIÊN!



M.I.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...

ĐẦU LỘC

87A